

Số: 182/26/CV-MSVN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2026
Ho Chi Minh City, 26 May 2026

**THÔNG BÁO
NOTICE**

**Phát hành chứng quyền có bảo đảm
On Covered Warrant Issuance**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 108/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy
ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/05/2026)

(Certificate of registration for the offering of covered warrants No. 108/GCN-UBCK issued by
the Chairperson of the State Securities Commission dated 21 May 2026)

- Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**
The Issuer: Maybank Securities Limited
- Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
*Head office address: VP-10-01, 10th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Số điện thoại/Tel No.: +84 28 44 555 888
- Số Fax/Fax No.: +84 28 38 271 030
- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không
Name and address of the underwriting organization: None
- Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:
Information on the covered warrants registered for offering:
 - Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126
Warrant name: Warrant MWG/MSVN/10M/0126
 - Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
Warrant code (in case of additional offering): None
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: MWG
Name (code) of the underlying securities: MWG
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
Issuer of the underlying securities: Mobile World Investment Corporation
 - Loại chứng quyền: Chứng quyền mua
Warrant type: Call warrant



- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Exercise style: A covered warrant in which the warrant holder can only exercise the right only on the expiry date
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Exercise method: The covered warrant is cash-settled
- Thời hạn: 10 tháng
Tenure: 10 months
- Ngày đáo hạn: 29/03/2027
Expiry date: 29 March 2027
- Tỷ lệ chuyển đổi: 8:1
Conversion rate: 8:1
- Giá thực hiện: 84.200 đồng
Exercise price: VND 84.200
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 12.000.000.000 đồng
Value of collateral asset: VND 12,000,000,000
- 7. Số lượng đăng ký chào bán: 8.000.000 chứng quyền
Subscription offering quantity: 8,000,000 warrants
- 8. Giá chào bán: 3.000 đồng/chứng quyền
Offering price: VND 3,000 per warrant
- 9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): 0 chứng quyền
Number of covered warrants issued (in case of additional offering): 0 warrants
- 10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền
Minimum subscription quantity: 1,000 warrants
- 11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 9h00 ngày 29/05/2026 đến 15h30 ngày 02/06/2026
Subscription period: From 9:00 AM on 29 May 2026 to 15:30 PM on 02 June 2026
- 12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
Subscription location and Prospectus disclosure:

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh và/hoặc kênh trực tuyến thông qua ứng dụng Maybank Trade VN của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
Investors may subscribe to the warrants at the Head office, Branches and/or through the online channel via the Maybank Trade VN of Maybank Securities Limited

<p>Văn phòng Hội Sở/Head Office Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Address: VP-10-01, 10th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa</i></p>	<p>Chi nhánh Sài Gòn/Saigon Branch Địa chỉ: VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Address: VP-09-01, 9th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don Street, Xuan Hoa</i></p>
---	--

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 03 đến 07 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 62/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CHỨNG QUYỀN MWG/MSVN/10M/0126

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 108/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/5/2026)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền tại:

 Maybank Investment Bank	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK (Sau đây gọi là “Tổ chức phát hành” hoặc “MSVN”)				
	Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: +84 28 44 555 888 Fax: +84 28 3827 1030 Website: https://www.maybank-kimeng.com.vn				
Phụ trách công bố thông tin					
Họ và tên	:	Nguyễn Võ Văn Hà	Điện thoại	:	+84 28 44 555 888
Chức vụ	:	Giám đốc Tài chính	Fax	:	+84 28 3827 1030

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 62/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền có bảo đảm	:	Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MWG
Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	:	Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn
Phương thức thực hiện chứng quyền	:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền	:	10 tháng
Ngày phát hành dự kiến	:	Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn dự kiến	:	Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)
Tỷ lệ chuyển đổi	:	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu cơ sở)
Giá thực hiện/Khoảng giá thực hiện	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của Chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán



- Giá chào bán/Khoảng giá chào bán** : 1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
- Tổng số lượng chào bán** : 8.000.000 chứng quyền
- Tổng giá trị chào bán** : 8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chứng quyền chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- Công ty : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Trụ sở chính : Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 3824 5252 Số fax: +84 28 3824 5250
- Website : https://www.ey.com/vi_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	3
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm	4
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	5
4. Các rủi ro khác.....	6
II.NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..	7
1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	7
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	7
III.CÁC KHÁI NIỆM	8
1. Khái niệm.....	8
2. Thuật ngữ và viết tắt	10
IV.CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	11
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm	14
V.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	15
1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	15
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	33
3. Tình hình tài chính.....	35
VI.CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	37
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm.....	37
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	40
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm.....	42
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.....	43
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm	44
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm	44
7. Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.....	47
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm	49

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm.....	49
10. Hoạt động tạo lập thị trường.....	51
VII.PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	53
VIII.QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	53
1. Quy trình quản trị rủi ro.....	53
2. Phương án phòng ngừa rủi ro	59
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành	65
IX.CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	66
1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ	66
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	66
X.XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	66
XI.CAM KẾT.....	67
XII.PHỤ LỤC	67

(Phần còn lại của trang được chú ý bỏ trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là “**chứng quyền**”), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền (sau đây gọi tắt là “**Người sở hữu**”) không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, Người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro từ giao dịch của Tổ chức phát hành:** Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ, bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- **Rủi ro thanh toán:** Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi Tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- **Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết:** Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) bao gồm:
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;

- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán (“SGDCK”);
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước Ngày đáo hạn.

- **Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của Tổ chức phát hành:** Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với Tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.
- **Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với Người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.
- **Rủi ro không thẩm định, đánh giá Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Tổ chức phát hành không tiến hành bất kỳ thẩm định hoặc đánh giá chính thức nào về hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Nhà đầu tư nên lưu ý rằng Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không tham gia vào việc thiết lập các điều khoản và điều kiện của chứng quyền. Hơn nữa, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không có nghĩa vụ đối với nhà đầu tư khi thực hiện chứng quyền. Theo đó, quyết định đầu tư của nhà đầu tư phải dựa trên đánh giá và thẩm định độc lập của chính nhà đầu tư đối với chứng quyền và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Việc đầu tư vào chứng quyền mà không có sự đánh giá và không đánh giá đầy đủ có thể dẫn đến những tổn thất mà lẽ ra có thể tránh được.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro đầu tư chung:** Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- **Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền:** Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần Ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến Ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- **Rủi ro về giá:** Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù Tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với UBCKNN, tuy nhiên, Tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCKNN. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của Tổ chức phát hành. Mặc dù Tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, Tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở) có thể dẫn đến việc chứng tôi phải điều chỉnh

các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

- **Chấm dứt sớm do hoạt động của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các sự kiện khác:** Trong trường hợp chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch trong một khoảng thời gian không xác định hoặc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở bị giải thể, phá sản hoặc bị tiếp quản, chứng quyền có thể bị ngừng giao dịch và đáo hạn trước Ngày đáo hạn. Do đó, khi xảy ra các sự kiện như vậy, chứng quyền có thể bị đáo hạn sớm mà không đạt được kỳ vọng của nhà đầu tư hoặc khiến nhà đầu tư chịu lỗ hoặc giảm lợi nhuận.
- **Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan:** Mặc dù Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, quy tắc, quy định, hướng dẫn, yêu cầu hoặc quyết định có liên quan do các cơ quan hữu quan ở Việt Nam ban hành, áp dụng tùy từng thời điểm, nhưng không có sự đảm bảo nào về việc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở sẽ tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định và yêu cầu đó. Hiệu suất kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có liên quan có thể bị ảnh hưởng do không tuân thủ luật pháp và quy định liên quan, do đó có thể ảnh hưởng đến giá trị và/hoặc hiệu quả hoạt động đầu tư chứng quyền tương ứng.

4. Các rủi ro khác

- **Rủi ro kinh tế:** Triển vọng tài chính và kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc Tổ chức phát hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi và nghiêm trọng bởi sự thay đổi về những bất ổn kinh tế nơi Tổ chức phát hành có hoạt động kinh doanh. Khi tăng trưởng kinh tế chậm lại sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và hoạt động đầu tư nói chung. Cụ thể, nền kinh tế toàn cầu đang đối diện với nhiều thách thức do thị trường tài chính chưa hoàn toàn hồi phục, cùng với các rủi ro địa chính trị leo thang ở một số khu vực trên thế giới. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng khoán cơ sở và do đó ảnh hưởng đến giá của chứng quyền, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.
- **Rủi ro chính trị:** Rủi ro do các sự kiện chính trị, những quyết định trong chính sách điều hành của chính phủ, những thay đổi trong luật lệ của chính phủ từ đó ảnh hưởng đến nền kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp và lợi ích của nhà đầu tư.
- **Rủi ro luật pháp:** Tổ chức phát hành là một định chế tài chính hoạt động dưới sự quản lý chặt chẽ của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn theo quy định của pháp luật. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khung pháp lý về thị trường tài chính liên tục được rà soát, cập nhật và hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế, việc

không kịp thời tiếp nhận, đánh giá và triển khai những quy định mới có thể khiến Tổ chức phát hành phải đối mặt với rủi ro pháp lý và rủi ro hoạt động.

- **Tính kịp thời và hạn chế của thông tin:** Một số thông tin nhất định của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có thể được lấy hoặc trích xuất từ các nguồn của bên thứ ba như nhà cung cấp dịch vụ tin tức tài chính hoặc nhà cung cấp dữ liệu thông tin tài chính. Mặc dù vậy, không có sự đảm bảo nào về tính kịp thời, đầy đủ của các thông tin quan trọng của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở được lấy từ các nguồn bên thứ ba này. Do đó, nguy cơ chậm trễ trong việc truyền tải, thông tin không đầy đủ hoặc không có sẵn từ các nguồn bên thứ ba mà Tổ chức phát hành dựa vào nhằm mục đích tạo lập thị trường có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng quyền vì những thông tin và/hoặc giá này có thể không phải là thông tin và/hoặc giá hiện hành mới nhất. Tổ chức phát hành đã trích xuất thông tin và giá có liên quan từ các nguồn công khai hoặc bên thứ ba một cách thiện chí và do đó, chưa xác minh độc lập những thông tin đó. Các nhà đầu tư được yêu cầu tự tìm hiểu và khi thích hợp, cần được tư vấn trước khi đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Rủi ro về thuế: Nhà đầu tư cần lưu ý về quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền. Trong trường hợp chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, và nhà đầu tư giữ chứng quyền đến thời điểm đáo hạn và thực hiện quyền, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành cho chứng quyền này, căn cứ theo quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. Nếu nhà đầu tư chưa hiểu rõ các quy định thuế hoặc rủi ro có liên quan nêu trên, vui lòng tham khảo ý kiến của các cố vấn thuế độc lập trước khi đầu tư vào chứng quyền.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Ông :	Philip Tan Puay Koon	Chức vụ :	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông :	Kim Thiên Quang	Chức vụ :	Tổng Giám đốc
Bà :	Nguyễn Võ Văn Hà	Chức vụ :	Giám đốc Tài chính
Bà :	Trần Ngọc Anh Đào	Chức vụ :	Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, trừ khi có quy định cụ thể hoặc ngữ cảnh yêu cầu phải được hiểu khác đi, những khái niệm, thuật ngữ và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

1. Khái niệm

Chứng quyền có bảo đảm/ Chứng quyền	là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.
Chứng khoán cơ sở	là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
Tổ chức phát hành/ Công ty/ Tổ chức đăng ký chứng quyền/Tổ chức tạo lập thị trường	là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền. Trong Bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (gọi tắt là “MSVN”).
Ngân hàng lưu ký	là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do Tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
Điều lệ	là Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán Maybank đã được Hội đồng thành viên Công ty thông qua
Luật Chứng khoán	là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ
Luật Doanh nghiệp	là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ
Tập đoàn Maybank	là Malayan Banking Berhad và các công ty liên quan của Malayan Banking Berhad, bao gồm nhưng không giới hạn MSVN.
MIBGH	là Maybank IBG Holdings Limited

Phòng Sản phẩm cấu trúc	là phòng Sản phẩm cấu trúc của MSVN, chịu trách nhiệm chào bán và kinh doanh sản phẩm cấu trúc phái sinh, bao gồm chứng quyền tại MSVN.
Người sở hữu chứng quyền (Người sở hữu)	là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành và không phải là Tổ chức phát hành chứng quyền.
Giá thực hiện	là mức giá được Tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền.
Tỷ lệ chuyển đổi	là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
Ngày đáo hạn	là ngày mà Người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và Tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.
Chứng quyền đang lưu hành	là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi Người sở hữu chứng quyền.
Chứng quyền có lãi (ITM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện thấp hơn Giá thanh toán.
Chứng quyền lỗ (OTM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện cao hơn Giá thanh toán.
Chứng quyền hòa vốn (ATM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện bằng Giá thanh toán.
Delta	là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở Công thức: Delta = $\frac{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng khoán cơ sở}}$
Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền (Giá thanh toán)	là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn.
Số tiền thanh toán	là số tiền phải trả khi thực hiện hợp lệ các chứng quyền.

2. Thuật ngữ và viết tắt

BCTC	Báo cáo tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
MSVN/Tổ chức phát hành/ Công ty	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
MTV	Một thành viên
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSLĐ	Tài sản lưu động
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
USD	Đồng Đô-la Mỹ
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VND	Đồng Việt Nam
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Mặc dù có những biến động kinh tế không thuận lợi của tình hình kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (“GDP”) năm 2025 tăng 8,02% so với năm 2024, đây là kết quả bứt phá trong giai đoạn 2011-2025, chỉ thấp hơn mức độ tăng trưởng của năm 2022. Tăng trưởng GDP quý I/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 7,07%). Các chính sách vĩ mô linh hoạt, kịp thời giúp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và duy trì động lực tăng trưởng đồng đều cho ba trụ cột nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ.

Tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng

GDP của Việt Nam năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng khá 8,02% so với cùng kỳ năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng; tương đương 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Mặc dù đối mặt với những thách thức từ bối cảnh quốc tế và biến động tại khu vực Trung Đông, GDP Quý I/2026 của Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng ấn tượng, trong đó, ba khu vực kinh tế chủ chốt đều ghi nhận tăng trưởng với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Năm 2025: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%; đóng góp 5,3% nhờ mở rộng xuất khẩu nông – thủy sản và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Quý I/2026: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,58%; đóng góp 5,60%.
- Năm 2025: Khu vực công nghiệp và xây dựng (thể hiện qua Chỉ số sản xuất công nghiệp – IIP) tăng 8,95%; đóng góp 43,62%; là động lực chính cho tăng trưởng chung. Quý I/2026: Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,92%; đóng góp 44,08%.
- Năm 2025: Khu vực dịch vụ tăng 8,62%; đóng góp 51,08%; thể hiện sức bật mạnh mẽ ở các ngành du lịch, bán lẻ, vận tải và tài chính – ngân hàng. Quý I/2026: Khu vực dịch vụ tăng 8,18%; đóng góp 50,32%.

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2025, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp mặc dù chịu tác động bất lợi bởi các yếu tố thời tiết như bão, lũ, thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước, tuy nhiên nhờ sự can thiệp và hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025 ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,07% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%.

Sang Quý I/2026, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, sản lượng cây lâu năm đạt khá, chăn nuôi lợn tiếp tục phục hồi, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng cao nhờ ứng dụng khoa học công nghệ. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp Quý I/2026 tăng 3,36% so với cùng kỳ năm trước; đóng góp 4,01% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,22%, đóng góp 0,21%; ngành thủy sản tăng 4,51%, đóng góp 1,38%.

Công nghiệp và xây dựng

Năm 2025, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp tăng 8,80% so với năm trước; đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; là động lực chính cho tăng trưởng chung.

Quý I/2026, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước (Quý I/2025 tăng 7,63%); đóng góp 38,34% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Sản xuất công nghiệp duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, hoạt động xây dựng khởi sắc nhờ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Ngành xây dựng tăng 8,36%; đóng góp 5,74%.

Thương mại và dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ diễn ra sôi động. Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%. Hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ, khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2025 cao nhất từ trước đến nay và đóng góp tích cực và tăng trưởng của khu vực dịch vụ.

Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2025 như: bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm 2024, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%. Quý I/2026 rơi vào cao điểm nhu cầu tiêu dùng vào dịp Tết Nguyên đán và khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành thương mại và dịch vụ, trong đó ngành bán buôn và bán lẻ tăng 9,62% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 14,52%; ngành vận tải, kho bãi tăng 8,95%, đóng góp 6,95%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,70%, đóng góp 5,09%; ngành thông tin và truyền thông tăng 7,65%, đóng góp 4,21%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 7,49%, đóng góp 2,89%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2%; trong đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD (tăng 17,0%), nhập khẩu đạt 445,01 tỷ USD (tăng 19,4%), cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu khoảng 20,03 tỷ USD.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) là một điểm sáng nổi bật. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam năm 2025 đạt mức 38,42 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với năm 2024; vốn FDI thực hiện năm 2025 ước đạt 27,6 tỷ USD, tăng gần 9% so với năm trước và là mức cao nhất trong vòng 05 năm. Quý I/2026 ghi nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 5,41 tỷ USD; tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước.

An sinh xã hội

Lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (“CPI”) năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,21%, thấp hơn mức tăng của CPI bình quân chung, nguyên nhân đến từ giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Các chính sách an sinh xã hội tiếp tục được triển khai hiệu quả. Tính chung Quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,63%.

Năm 2025 và Quý I/2026, mặc dù còn nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt là những bất ổn địa chính trị do ảnh hưởng của tình hình xung đột tại Trung Đông gây tác động mạnh lên nền kinh tế Quý I/2026, bức tranh tổng thể đã khẳng định tính toàn diện và bền vững của tăng trưởng kinh tế Việt Nam, cho thấy Việt Nam đang bước vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế mới với đóng góp đồng đều từ ba trụ cột nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ, dòng vốn FDI dồi dào, kiểm soát vĩ mô hiệu quả và mức độ tin cậy quốc tế gia tăng. Mục tiêu tăng trưởng hai con số được đặt ra dựa trên nền tảng chính trị vững, thể chế tốt hơn, quản trị hiện đại hơn, bộ máy hiệu quả hơn và năng lực quốc gia mạnh hơn.

(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến nhiều biến động mạnh mẽ. Cụ thể, VNIndex đã lao dốc 16,3% vào đầu tháng 4/2025 sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump công bố mức thuế suất đối ứng 46% đối với hàng hóa Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường đã dần phục hồi và lấy lại phần lớn mức sụt giảm, được hỗ trợ bởi việc hạ nhiệt căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sau đó. Vào tháng 10/2025, FTSE Russel đã công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Đến tháng 4/2026, FTSE Russel chính thức xác nhận giữ nguyên lộ trình nâng hạng của Việt Nam. Sự kiện này là một cột mốc đáng ghi nhớ, đánh dấu những nỗ lực trong quá trình cải thiện và kiện toàn toàn diện nền tảng pháp lý và công nghệ của ngành chứng khoán, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán một cách minh bạch, đáp ứng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế. Kết phiên giao dịch năm 2025, VN-Index đóng cửa ở mức cao vượt bậc 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với đầu năm. Mức tăng trưởng này chỉ xếp sau năm 2017 (48,03%). Kết thúc Quý I/2026, VN-Index đạt 1674,49 điểm; giảm 6,2% so với cuối năm trước.

Bên cạnh những bứt phá về chỉ số, thanh khoản thị trường cũng chứng kiến sự bùng nổ trong năm 2025 và Quý I/2026, từ sau thời điểm hệ thống KRX vận hành vào tháng 5 năm 2025, giá trị giao dịch bình quân trong năm 2025 đạt gần 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 40% so với bình quân năm trước. Mức giao dịch bình quân Quý I/2026 đạt 35.004 tỷ đồng/phiên (tăng 19,9% so với bình quân năm trước).

MSVN đánh giá đà tăng của thị trường tiếp tục duy trì trong năm 2026. Triển vọng cho năm 2026 được hỗ trợ bởi các yếu tố sau:

- Chính sách tiền tệ duy trì ở trạng thái hỗ trợ, tập trung vào ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, điều hành linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho định giá thị trường;
- Tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường dự kiến đạt 18–20% trong giai đoạn 2025-2026, nhờ tiêu dùng nội địa cải thiện và sự phục hồi từng bước của hoạt động xuất khẩu;
- Thanh khoản thị trường có xu hướng tăng, với dự báo đạt mức bình quân khoảng 40 nghìn tỷ đồng/phiên vào cuối năm 2026 (+35% YoY), nhờ tăng trưởng tín dụng trong nước và khả năng dòng vốn ngoại quay trở lại khi thị trường chính thức nâng hạng;
- Động lực tăng trưởng đến từ việc phục hồi ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, cải thiện và củng cố nền tảng sản xuất kinh doanh, qua đó hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán;

Chất lượng các doanh nghiệp niêm yết ngày càng cải thiện, song hành cùng việc nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, minh bạch thông tin, khả năng quản trị rủi ro, áp dụng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần thu hút dòng vốn ngoại.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là một loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng quyền cung cấp cho nhà đầu tư một công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư thay vì tham gia đầu tư chứng khoán cơ sở. Chứng quyền có bảo đảm có một số ưu điểm đối với nhà đầu tư gồm: tận dụng đòn bẩy tài chính (chi phí đầu tư thấp, giá ban đầu mua chứng quyền nhỏ hơn nhiều lần so với giá mua chứng khoán cơ sở, tuy nhiên nhà đầu tư có thể đạt được tỷ lệ lợi nhuận như kỳ vọng nếu đầu tư vào chứng khoán cơ sở); mức lỗ tối đa được xác định trước; giao dịch và thanh khoản dễ dàng, tương tự như giao dịch một loại cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán (thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng).

Với hiệu ứng đòn bẩy của chứng quyền, một thay đổi nhỏ trong giá trị của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến những thay đổi lớn hơn về giá trị của chứng quyền, làm tăng thêm lợi nhuận khi chứng khoán cơ sở biến động theo hướng có lợi cho nhà đầu tư. Hiệu ứng đòn bẩy cũng có thể dẫn đến tổn thất tiềm ẩn lớn hơn khi chứng khoán cơ sở có biến động giá trái với mong muốn của nhà đầu tư, tuy nhiên, tổn thất được giới hạn ở giá mua phải trả cho chứng quyền và mọi chi phí giao dịch liên quan.

MSVN là Tổ chức phát hành chứng quyền và đồng thời là nhà tạo lập thị trường đối với các chứng quyền do MSVN phát hành. MSVN tạo thanh khoản cho các chứng quyền này bằng cách cung cấp giá chào mua và giá chào bán cho chứng quyền trên hệ thống giao dịch của HOSE.

Chứng quyền chỉ phù hợp với những nhà đầu tư hiểu đầy đủ về rủi ro liên quan và chuẩn bị chấp nhận việc mất hoàn toàn quyền đăng ký hoặc giá mua đã trả cho chứng quyền. Nhà đầu tư nên tìm hiểu hoặc cùng cố vấn của mình xem xét cẩn thận tính phù hợp của chứng quyền trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm****1.1. Quá trình hình thành và phát triển****a) Maybank IBG Holdings Limited**

Maybank IBG Holdings Limited (được gọi tắt là “**MIBGH**”) là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (được gọi tắt là “**MSVN**”) và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh.

Trước đây được biết đến với tên gọi Maybank Kim Eng Holdings Limited, MIBGH là pháp nhân được thành lập sau thương vụ mua lại Kim Eng Holdings Limited – công ty môi giới chứng khoán niêm yết đầu tiên tại Singapore vào năm 2011.

Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

Chủ sở hữu của MIBGH, Malayan Banking Berhad, là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản, đồng thời là ngân hàng lớn thứ tư Đông Nam Á tính theo tài sản, với mạng lưới toàn cầu gồm 2.597 chi nhánh tại 18 quốc gia. Tập đoàn Maybank là một trong hai thương hiệu Malaysia và là tổ chức tài chính duy nhất của Malaysia được xếp hạng trong 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới của Brand Finance. Đây cũng là công ty Malaysia được xếp hạng cao nhất ở vị trí thứ 103 trong Danh sách các công ty tốt nhất thế giới năm 2024 của tạp chí Time.

Sứ mệnh “**Dịch vụ Tài chính Nhân văn**” (Humanising Financial Services) của Tập đoàn Maybank được thể hiện thông qua mục tiêu trở thành tổ chức tài chính có tác động tích cực nhất, mang đến các giải pháp tài chính hiệu quả, trách nhiệm cho khách hàng và đối tác.

b) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của UBCKNN và chính thức đi vào hoạt động tháng 4 năm 2008.

Sau khi Tập đoàn Maybank mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCKNN ngày 10 tháng 8 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Tập đoàn Maybank thông qua MIBGH.

Ngày 03 tháng 01 năm 2014, Công ty chính thức được UBCKNN chấp thuận chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn với tên gọi Công ty Trách nhiệm

Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, và trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, sau hơn (mười) 10 năm sáp nhập hoàn toàn vào Tập đoàn Maybank, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank, theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Với tên gọi mới, Công ty cam kết tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và không ngừng nỗ lực để hướng đến trở thành một công ty chứng khoán đi đầu trong các chương trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

Trong suốt hơn mười tám (18) năm qua, Công ty đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Hà Nội và một số tỉnh/thành khác. Số lượng nhân sự của Công ty là 262 người tính đến ngày 31/03/2026. Từ mức vốn điều lệ 200.000.000.000 VND (*Hai trăm tỷ Đồng Việt Nam*) ban đầu, đến nay vốn điều lệ của Công ty đạt 2.200.000.000.000 VND (*Hai nghìn hai trăm tỷ Đồng Việt Nam*), tăng gấp 11 lần. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm và mảng kinh doanh trái phiếu.

Ngoài ra, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam từ năm 2017 và là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam từ năm 2022.

Giải thưởng:

Trong suốt mười tám (18) năm hoạt động tại thị trường Việt Nam, MSVN tự hào về những nỗ lực để tạo dựng niềm tin với các nhà đầu tư, đối tác trong và ngoài nước. Chúng tôi tin rằng, niềm tin từ các nhà đầu tư và đối tác là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

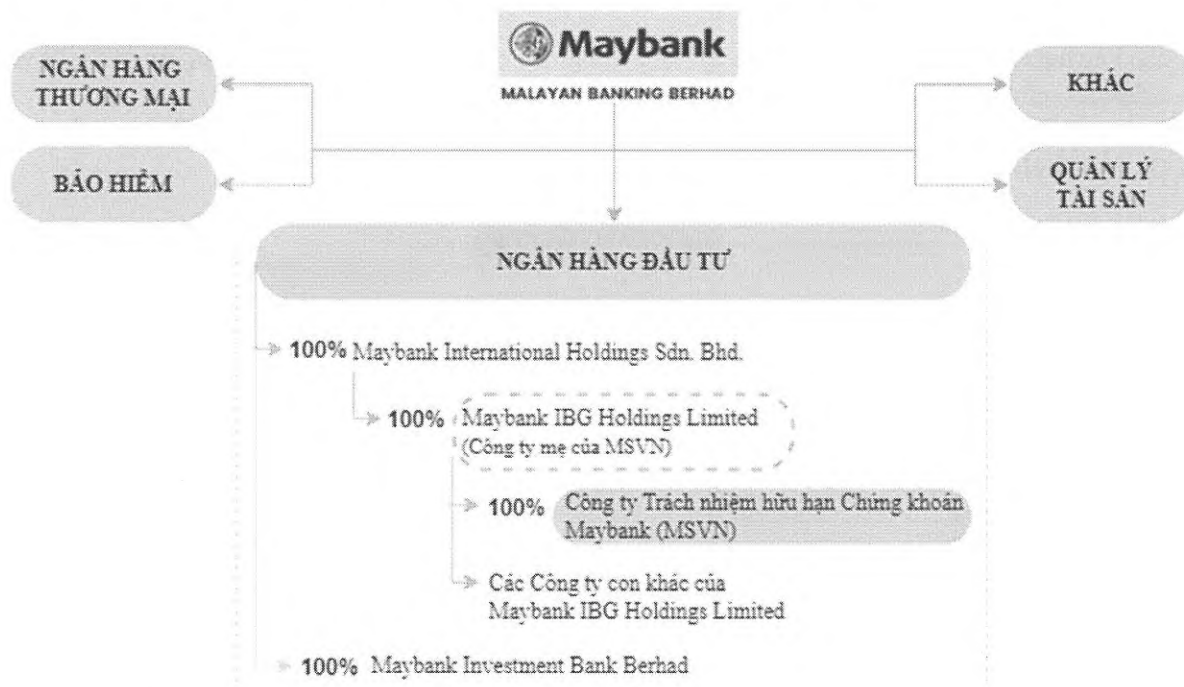
Trong những năm qua, Công ty đã liên tục được vinh danh ở nhiều giải thưởng uy tín, ở nhiều mảng hoạt động kinh doanh như:

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Toàn Công ty	<ul style="list-style-type: none">• Top 50 Doanh nghiệp FDI tiêu biểu tại Việt Nam tại giải thưởng Rồng Vàng cho “Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam” do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VnEconomy) bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2025.• Giải thưởng “Top 10 sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùm năm 2023 - nhóm ngành Tài chính Ngân hàng” do Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùm bình chọn, trong các năm từ 2012 – 2023.• Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023.

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Khối Khách hàng Cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất trong khu vực châu Á” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2013 – 2021, 2023. • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất tại Việt Nam” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2016, 2021, 2023. • Giải thưởng “Chuyên viên môi giới tốt nhất Việt Nam” tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về dịch vụ môi giới tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Giải thưởng “Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu năm 2024” do Báo Đầu tư cùng Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam trao tặng. • Giải thưởng “Sản phẩm Công nghệ & Chuyển đổi số tiêu biểu năm 2025” do Báo Tài chính – Đầu tư cùng Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam trao tặng tại Diễn đàn Cấp cao Cổ vấn tài chính Việt Nam (VWAS) 2025.
Khối Khách hàng Tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng đứng đầu Châu Á cho “Công ty Chứng khoán Cung cấp Dịch vụ cho các Thị trường Cận biên” do Tạp chí Institutional Investor bình chọn, năm 2023.
Khối Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng 3 Công ty chứng khoán tốt nhất về phân tích và nghiên cứu ESG tại Việt Nam tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Vị trí thứ 2 cho Đội ngũ Nghiên cứu Châu Á (Asia Research Team) 2024 trên Bảng xếp hạng Môi giới Địa phương do Institutional Investor Research bình chọn.
Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà cho vay hợp vốn hàng đầu tại Việt Nam” do Hiệp hội Thị trường cho vay châu Á – Thái Bình Dương (APLMA) bình chọn, trong các năm từ 2021 – 2024. • Giải thưởng “Thương vụ Trái phiếu Tốt nhất thị trường Việt Nam” tại hạng mục Tài chính bền vững thuộc hệ thống giải Tripple A Awards 2025 do Tạp chí The Asset (Hong Kong).

1.2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Maybank

Mô hình tổ chức của MSVN trong Tập đoàn Maybank theo sơ đồ sau:



Malayan Banking Berhad

Malayan Banking Berhad là tổ chức niêm yết của Tập đoàn Maybank và cũng là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản. Thông qua các công ty con, Tập đoàn Maybank cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ, bao gồm ngân hàng thương mại (tiêu dùng và doanh nghiệp), ngân hàng đầu tư (bao gồm môi giới chứng khoán), ngân hàng Hồi giáo, bảo hiểm, dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản.

Maybank International Holdings Sdn. Bhd

Công ty Maybank International Holdings Sdn. Bhd., được thành lập tại Malaysia, là công ty mẹ của Maybank IBG Holdings Limited, được giao chức năng giám sát khu vực đối với MIBGH và các công ty con của MIBGH, bao gồm cả MSVN.

Maybank Investment Bank Berhad

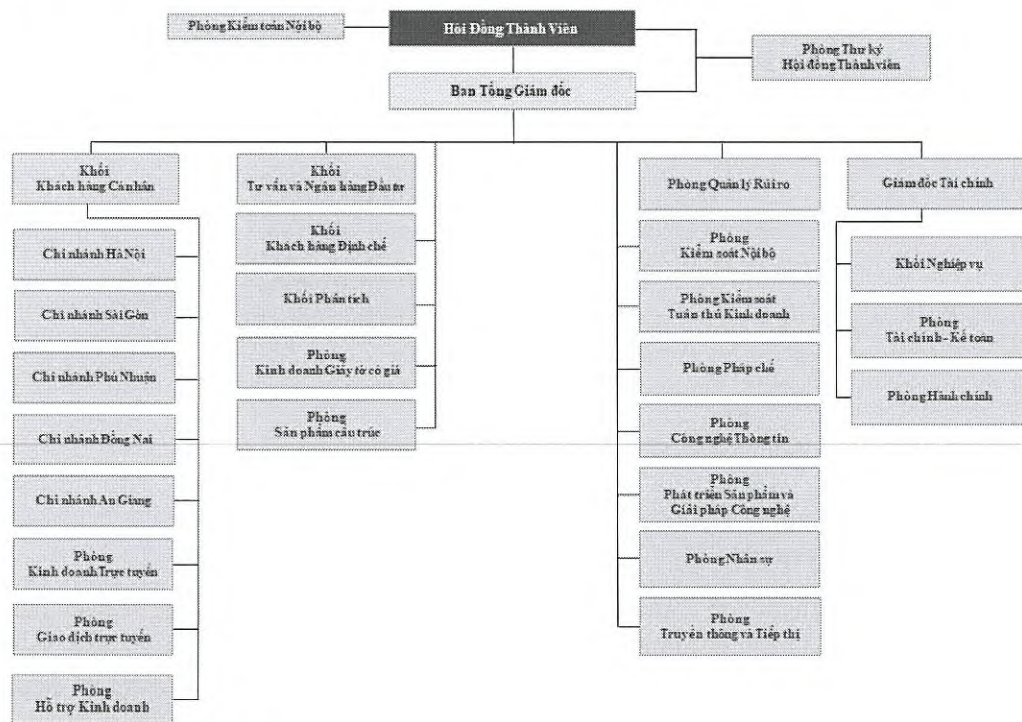
Maybank Investment Bank Berhad, công ty con do Malayan Banking Berhad sở hữu 100%, cung cấp danh mục dịch vụ ngân hàng đầu tư toàn diện. Các dịch vụ bao gồm: tư vấn tài chính doanh nghiệp, thị trường nợ, thị trường vốn cổ phần, môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ cổ phiếu, phái sinh cổ phiếu và hàng hóa, giao dịch cho khách hàng tổ chức, và nghiên cứu.

Maybank IBG Holdings Limited – Công ty mẹ của MSVN



Maybank IBG Holdings Limited là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh. Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

1.3. Cơ cấu tổ chức Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank



1.3.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên bao gồm các thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp mà pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

1.3.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro và (các) Giám đốc Khối kinh doanh. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty dưới sự giám sát của Hội đồng thành viên và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật.

1.3.3. Phòng Thư ký Hội đồng thành viên

Phòng Thư ký Hội đồng thành viên có chức năng chính là hỗ trợ Hội đồng thành viên nhằm đảm bảo hoạt động và quyết định của Hội đồng thành viên tuân thủ Điều lệ Công ty và theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện vai trò cầu nối truyền đạt các quyết định của Hội đồng thành viên đến người phụ trách có liên quan để thực hiện.

1.3.4. Phòng Kiểm toán Nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh.

1.3.5. Khối Khách hàng cá nhân**a. Hội sở và các Chi nhánh:**

Khối Khách hàng Cá nhân Hội sở và các Chi nhánh chịu trách nhiệm như sau:

- Môi giới chứng khoán: Cung cấp thông tin, báo cáo về phân tích thị trường do Khối Phân tích cung cấp bao gồm các chiến lược, danh mục đầu tư cho khách hàng; thực hiện đặt lệnh mua, bán chứng khoán khi khách hàng yêu cầu.
- Quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán khách hàng: Hỗ trợ khách hàng quản lý danh mục đầu tư và tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán, cập nhật các hệ số rủi ro, các thông tin thực hiện quyền đối với cổ phiếu khách hàng đang nắm giữ, các chính sách ưu đãi của Công ty về phí dành cho khách hàng.
- Giao dịch ký quỹ: Cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty cho khách hàng theo quy định của pháp luật và UBCKNN.

b. Phòng Kinh doanh Trực tuyến:

Phòng kinh doanh Trực tuyến chịu trách nhiệm:

- Phát triển các khách hàng chủ động giao dịch; giải đáp các thắc mắc về sản phẩm, dịch vụ, và chăm sóc khách hàng thông qua các kênh trực tuyến và tại văn phòng của Công ty.
- Phát triển khách hàng và hoạt động kinh doanh dựa trên các nền tảng số.
- Nghiên cứu trải nghiệm khách hàng và đề nghị các cải thiện nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trên tất cả các nền tảng mà Công ty cung cấp.

c. Phòng Giao dịch Trực tuyến:

Phòng Giao dịch Trực tuyến chịu trách nhiệm quản lý và phát triển các nền tảng giao dịch trực tuyến của MSVN, bao gồm KE Trade (Web Trading) và Maybank Trade VN (App Trading):

- Nghiên cứu, mô tả và phối hợp với các nhà cung cấp để xây dựng và triển khai những tính năng mới, giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm và thị trường nhanh chóng, chính xác.
- Thiết kế và cải tiến giao diện giao dịch theo hướng thân thiện, dễ sử dụng, phù hợp với xu hướng số hóa và hành vi người dùng hiện đại.
- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Công nghệ thông tin (“CNTT”) để đảm bảo hệ thống giao dịch luôn vận hành ổn định, chuẩn xác và an toàn.

- Kết nối với các Khối, Phòng nội bộ nhằm tích hợp thêm các tính năng về tiện ích, các thông tin về thị trường, sản phẩm mới của thị trường cũng như các chương trình ưu đãi của MSVN đến khách hàng.

d. Phòng Hỗ trợ Kinh doanh:

Phòng Hỗ trợ Kinh doanh chịu trách nhiệm:

- Giải đáp các thắc mắc của khách hàng khi khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.
- Cung cấp các chứng từ, giấy tờ theo yêu cầu của khách hàng đối với tài khoản của khách hàng.
- Hỗ trợ các hoạt động lưu ký, nộp rút, chuyển khoản tiền và chứng khoán tại quầy dành cho khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.
- Hỗ trợ khách hàng mở tài khoản, thay đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại và cung cấp thông tin, đăng ký sử dụng sản phẩm, dịch vụ và giao dịch.
- Quản lý hồ sơ và dữ liệu: Lưu trữ, cập nhật thông tin khách hàng, hợp đồng và các giao dịch liên quan.
- Quản lý tổng đài (Call Center) của Công ty nhằm duy trì kênh liên lạc với khách hàng qua điện thoại để nâng cao trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.

- Thực hiện cập nhật các thông tin hữu ích cho khách hàng từ phòng nghiên cứu và phân tích cũng như các phòng ban khác thông qua hệ thống email để truyền tải thông tin đến khách hàng.
- Phối hợp cùng các hoạt động marketing của Công ty thông qua tổng đài, email và các kênh truyền thông khác theo yêu cầu.

1.3.6. Khối Tư vấn & Ngân hàng đầu tư

- Tư vấn tài chính cho doanh nghiệp (mua bán và sáp nhập doanh nghiệp; tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp...).
- Tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, dự án qua các công cụ vốn trên thị trường tài chính và thị trường chứng khoán.
- Tư vấn niêm yết, chào bán cổ phiếu, tìm kiếm và đàm phán đối tác chiến lược.

1.3.7. Khối Khách hàng Định chế

- Dịch vụ môi giới và giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức trong và ngoài nước: nghiệp vụ tư vấn và môi giới cổ phiếu, trái phiếu, giao dịch lô lớn.
- Cung cấp giải pháp giao dịch phù hợp và theo yêu cầu: mua bán, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ hay các sản phẩm khác phù hợp với chiến lược đầu tư của từng khách hàng định chế theo quy định pháp luật.
- Dịch vụ tiếp xúc doanh nghiệp: thiết lập quan hệ giữa doanh nghiệp và khách hàng định chế; tổ chức các chuyến thăm và làm việc cho khách hàng định chế với doanh nghiệp và bộ ban ngành Chính phủ; tổ chức các chương trình cho khách hàng định chế tìm hiểu, xúc tiến cơ hội hợp tác, đầu tư vào Việt Nam.

1.3.8. Khối Phân tích

- Phân tích, đánh giá tổ chức niêm yết chứng khoán, mã chứng khoán, phương án phát hành chứng khoán nhằm hỗ trợ các bộ phận kinh doanh nhận diện cơ hội đầu tư, kinh doanh cũng như nhận diện rủi ro liên quan.
- Lập báo cáo phân tích doanh nghiệp/tổ chức niêm yết làm cơ sở cho các Khối, Phòng khác thực hiện các công việc liên quan.
- Xây dựng mô hình đánh giá, chấm điểm doanh nghiệp/tổ chức niêm yết, cổ phiếu, trái phiếu phục vụ cho việc thiết kế sản phẩm môi giới, tư vấn đầu tư, giao dịch ký quỹ và quản trị rủi ro.
- Nghiên cứu và lập các mô hình, báo cáo kinh tế vĩ mô làm cơ sở định hướng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh, quản trị rủi ro của Công ty.

- Lập các báo cáo phân tích ngành, mã chứng khoán nhằm hỗ trợ báo cáo đầu tư định kỳ cho nhà đầu tư.

1.3.9. Phòng Kinh doanh Giấy tờ có giá

- Thực hiện đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định, tạo ra lợi nhuận thông qua nắm giữ, quản lý và quản trị rủi ro giấy tờ có giá.
- Cung cấp các gói sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo quy định.
- Phát triển các sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và sự phát triển của thị trường tài chính cũng như sự thay đổi của các quy định hiện hành về giấy tờ có giá.
- Quản lý, giám sát và chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến nghiệp vụ giấy tờ có giá.

1.3.10. Phòng Sản phẩm cấu trúc

- Lên kế hoạch và hồ sơ phát hành sản phẩm chứng quyền có bảo đảm theo định hướng của Công ty.
- Thực hiện vận hành (tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, báo cáo) đối với các chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành trong vòng đời của sản phẩm.
- Nghiên cứu, phân tích, đề xuất và triển khai các chiến lược kinh doanh dựa trên phân tích thị trường, các mô hình định lượng và các yếu tố khác.

1.3.11. Phòng Quản lý Rủi ro

- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty.
- Xác định rủi ro của Công ty.
- Đo lường rủi ro.
- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện rủi ro.
- Báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của Công ty tại mọi thời điểm.

1.3.12. Phòng Kiểm soát Nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.

- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Công ty và đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền của Công ty.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Bảo đảm việc tách biệt tài sản của khách hàng và Công ty.
- Bảo đảm việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Thực hiện những nhiệm vụ về kiểm soát tuân thủ khác theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

1.3.13. Phòng Kiểm soát Tuân thủ Kinh doanh

Chịu trách nhiệm trong việc xác định và quản trị rủi ro tuân thủ thuộc các Khối kinh doanh, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Cung cấp hỗ trợ tư vấn cho các Khối kinh doanh về bất kỳ vấn đề tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Hợp tác với các đơn vị thuộc các Khối kinh doanh để hoàn thành phân tích các yêu cầu liên quan đến quy định mới từ các văn bản pháp luật, đánh giá các vấn đề mà đơn vị cần thay đổi, cải tiến, điều chỉnh nhằm đảm bảo tuân thủ.
- Phối hợp với các Khối kinh doanh để hoàn thành các đánh giá rủi ro liên quan đến sản phẩm mới cũng như thực hiện các kiểm tra, đánh giá rủi ro tuân thủ định kỳ.
- Báo cáo đến Phòng Kiểm soát Nội bộ tất cả các vi phạm hoặc các vấn đề không tuân thủ được phát hiện liên quan đến các Khối, đơn vị kinh doanh.

1.3.14. Phòng Pháp chế

- Rà soát và ban hành mẫu hợp đồng và các tài liệu pháp lý của Công ty đảm bảo tính pháp lý của các văn bản này cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Cung cấp ý kiến tư vấn pháp lý theo yêu cầu của các phòng ban, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên; hỗ trợ đánh giá các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Hỗ trợ và theo dõi các thủ tục kiện tụng tại tòa án, trọng tài đối với các tranh chấp phát sinh liên quan đến Công ty (nếu có).
- Hỗ trợ các thủ tục xin cấp phép, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của pháp luật tại các cơ quan có thẩm quyền.

1.3.15. Phòng Công nghệ Thông tin

- Xây dựng và vận hành hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu giao dịch chứng khoán thông suốt, bảo mật.
- Giám sát và ngăn ngừa các rủi ro về mất an toàn thông tin, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu và quy định về bảo mật hệ thống.
- Phát triển và tích hợp hệ thống mới với các công cụ hiện có để nâng cao hiệu quả làm việc.
- Đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

1.3.16. Phòng Phát triển Sản phẩm và Giải pháp Công nghệ

Chịu trách nhiệm thiết kế, phát triển và triển khai các sản phẩm số cốt lõi phục vụ hoạt động kinh doanh và vận hành. Đảm nhiệm việc xây dựng hệ thống giao dịch trực tuyến (mobile và web), phát triển các hệ thống quản trị nội bộ, cũng như tích hợp, kết nối với hệ thống giao dịch của các SGDCK. Ngoài ra, Phòng còn đóng vai trò nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới nhằm tối ưu vận hành, hỗ trợ phát triển kinh doanh và nâng cao trải nghiệm người dùng, góp phần thúc đẩy chiến lược chuyển đổi số của Công ty.

1.3.17. Phòng Nhân sự

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tìm kiếm và lựa chọn ứng viên phù hợp với nhu cầu của Công ty nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chiến lược phát triển.
- Xây dựng và triển khai chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân viên; giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng cho nhân viên nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên, đề xuất các phương án cải thiện.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động nội bộ nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các nhân viên.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và các chính sách liên quan.

- Giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động, xử lý tranh chấp và khiếu nại của nhân viên (nếu có).

1.3.18. Phòng Truyền thông và Tiếp thị

- Xây dựng và quản lý chiến lược thương hiệu tổng thể của Công ty, bao gồm việc lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận diện và giá trị thương hiệu trên thị trường.
- Xây dựng và định hướng chiến lược truyền thông toàn diện, bao gồm truyền thông đối ngoại, quan hệ công chúng, phát triển mối quan hệ với báo chí, truyền thông nội bộ và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp; từ đó duy trì hình ảnh tích cực của Công ty và gia tăng mức độ gắn kết của nhân viên.
- Lập kế hoạch và triển khai các dự án truyền thông – marketing, quảng bá thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến khách hàng (mục tiêu và tiềm năng) thông qua và các kênh báo chí, truyền thông.
- Hỗ trợ các khối/phòng ban trong toàn hệ thống MSVN trong việc xây dựng kế hoạch marketing riêng cho từng lĩnh vực hoạt động, cũng như các chiến dịch truyền thông dành cho các giao dịch lớn, nổi bật của Công ty.

1.3.19. Khối Nghiệp vụ

a. Phòng Thanh toán

- Thực hiện các bút toán nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền nội bộ giữa các tiểu khoản theo yêu cầu của khách hàng.
- Giám sát các giao dịch để phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan.
- Theo dõi số dư tài khoản của khách hàng để phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán đối chiếu rà soát.

b. Phòng Lưu ký Chứng khoán

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến lưu ký chứng khoán theo quy trình lưu ký chứng khoán của MSVN và quy chế lưu ký do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) ban hành.
- Thực hiện các nghiệp vụ thực hiện quyền theo quy trình thực hiện quyền của MSVN và quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.
- Giám sát hoạt động thanh toán bù trừ: Đảm bảo các hoạt động thanh toán bù trừ liên quan đến chứng khoán đúng theo quy chế thanh toán bù trừ do VSDC ban hành.
- Chế độ báo cáo: Thực hiện các báo cáo liên quan do Phòng Lưu ký Chứng khoán phụ trách theo đúng quy chế thành viên của VSDC ban hành.

1.3.20. Phòng Tài chính – Kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán: Xây dựng quy trình hạch toán kế toán theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong báo cáo tài chính định kỳ.
- Quản lý tài chính: Theo dõi, kiểm soát việc sử dụng nguồn lực tài chính và tài sản của Công ty, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch tài chính hàng năm.
- Quản lý nguồn vốn và công nợ: Kiểm tra, đối chiếu công nợ, đề xuất phương án cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo huy động vốn hợp lý cho hoạt động kinh doanh.
- Quản lý nghĩa vụ thuế: Thực hiện kê khai, quyết toán thuế và kiểm tra việc tuân thủ chính sách thuế trong toàn Công ty.
- Bảo quản và lưu trữ hồ sơ kế toán: Đảm bảo chứng từ, hồ sơ kế toán được lưu trữ theo đúng quy định.

1.3.21. Phòng Hành chính

- Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty theo phân công nội bộ và quy định pháp luật.
- Nhận và gửi các văn bản, công văn đến và đi của Công ty, quản lý và lưu trữ các văn bản ban hành của Công ty.
- Theo dõi và thanh toán các chi phí thuộc phòng Hành chính quản lý.
- Cung cấp và quản lý công vụ làm việc, quản lý phương tiện vận chuyển của Công ty, cung cấp cơ sở vật chất và bảo trì văn phòng, quản lý tài sản cố định.
- Hỗ trợ các yêu cầu mua hàng và tìm nguồn cung ứng.

1.4. Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**a) Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên, cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Tại thời điểm Bản cáo bạch này, MSVN được Maybank IBG Holdings Limited sở hữu 100% vốn, với thông tin như sau:

Tên Thành viên (Chủ sở hữu)	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Maybank IBG Holdings Limited	50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304, Singapore	100%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có.

(Công ty TNHH Chứng khoán Maybank hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do đó không có cổ đông sáng lập và không áp dụng các quy định về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Luật Doanh nghiệp).

b) Danh sách người có liên quan

STT	Tên	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty
A	CÁ NHÂN	
I	HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	
1	Philip Tan Puay Koon	Chủ tịch Hội đồng thành viên (Thành viên độc lập Hội đồng Thành viên)
2	Lok Eng Hong	Thành viên Hội đồng thành viên
3	Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	Thành viên Hội đồng thành viên
4	Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên
5	Nguyễn Chí Dũng	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên
II	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
1	Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân
3	Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
III	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
1	Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán trưởng
IV	NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN	
1	Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
V	QUẢN LÝ KHÁC ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN BỔ NHIỆM	
1	Mạc Thị Mận	Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận
2	Hoàng Thanh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
3	Nguyễn Thị Hà Linh	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai
4	Nguyễn Hồ Bảo Trân	Giám đốc Chi nhánh An Giang
5	Lưu Văn Hải	Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn
6	Trần Ngọc Anh Đào	Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ
7	Nguyễn Ninh Phương Thảo	Giám đốc, Phòng Kiểm soát Nội bộ

STT	Tên	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty
B	TỔ CHỨC	
1	Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ
2	Ngân Hàng Malayan Banking Berhad	Đơn vị chủ quản và Chủ sở hữu cao nhất

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

a) Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Maybank IBG Holdings Limited, với các thông tin chi tiết đã được đề cập tại Mục V.1.4.a bên trên.

b) Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

1.6. Thông tin về Ban điều hành của Tổ chức phát hành

a) Cơ cấu Ban điều hành

STT	Tên	Chức vụ
A	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
1	Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân
3	Bà Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
B	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
1	Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán trưởng

b) Thông tin về các thành viên của Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

(i) Tổng Giám đốc – Ông Kim Thiên Quang

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh – chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng Quốc Tế, Đại Học Châu Âu (European University).

**Quá trình làm việc:**

Thời gian	Vị trí công tác
2015 – nay	Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2014 – 2015	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2010 – 2014	Giám Đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2009 – 2010	Giám Đốc Môi giới, Hội sở – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2007 – 2009	Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2006 – 2007	Chuyên gia Môi giới & Tư vấn đầu tư cao cấp – Công ty TNHH Chứng khoán ACB

(ii) Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Ông Nguyễn Bảo Toàn

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2021 – nay	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2021	Phó Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Khu vực phía Nam - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2012 – 2020	Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2011 – 2012	Phó Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2008 – 2009	Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom
2006 – 2008	Phó Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

(iii) Giám đốc Tài Chính – Bà Nguyễn Võ Vân Hà

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Paris Dauphine.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Giám đốc Tài chính – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank

Thời gian	Vị trí công tác
2016 – 2023	Giám đốc Cấp cao, Trưởng phòng nhượng quyền phân tích tài chính, lập ngân sách và lập kế hoạch – Ngân hàng Citibank Việt Nam
2016	Trưởng phòng Phân tích Tài chính, Lập ngân sách và Kế hoạch – Công ty TNHH Tư Nhân Bảo Đảm Prudential Việt Nam
2009 – 2016	Kiểm soát viên Tài chính kiêm Tổng thư ký ALCO – Hong Leong Bank Việt Nam
2005 – 2009	Giám sát Kiểm toán, Dịch vụ Tài chính – Price Waterhouse Coopers (PwC) Việt Nam

(iv) Kế toán trưởng – Bà Trần Thị Ngọc Hương

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2021 – nay	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2018 – 2021	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2012 – 2017	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2011 – 2012	Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2008 – 2010	Chuyên viên Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2004 – 2007	Kế toán viên – Công Ty TNHH Liên Doanh Việt Thái Plastchem

1.7. Thông tin về nhân sự quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền**a) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng

Thời gian	Vị trí công tác
2019 – 2020	Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2015 – 2019	Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB
2011 – 2014	Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2007 – 2011	Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2006 – 2007	Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam
2006	Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội

Ông Nguyễn Anh Tuấn là chuyên gia uy tín trong lĩnh vực quản lý rủi ro tài chính. Ông Tuấn có học vị Tiến sĩ Kinh tế tại Ba Lan và hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành tại các tổ chức tài chính lớn như Chứng khoán Maybank, OCB và IB. Trong quá trình công tác, ông Tuấn từng đảm nhiệm nhiều vị trí trọng yếu, bao gồm Giám đốc Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị.

Với sự am hiểu sâu sắc về quản lý rủi ro nội bộ, tuân thủ và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, ông Tuấn có đầy đủ năng lực chuyên môn và độ tin cậy cao để đảm nhiệm công tác giám sát và quản trị rủi ro đối với sản phẩm chứng quyền một cách chặt chẽ và hiệu quả.

b) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ phân tích tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst (“CFA”).

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Nhân viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Bà Hoàng Ngọc Trâm là chuyên viên cao cấp trong lĩnh vực sản phẩm cấu trúc và đầu tư tài chính. Bà Trâm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và Tài chính tại Đại học RMIT, cơ sở đào tạo theo chuẩn quốc tế, đồng thời sở hữu chứng chỉ CFA cùng chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Với kinh nghiệm làm việc tại Phòng Tự doanh của Công ty Chứng khoán BIDV và hiện là chuyên viên cao cấp tại Chứng khoán Maybank, bà Trâm có sự am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính, đặc

biệt trong thiết kế, phát triển và quản lý các sản phẩm cấu trúc phức tạp. Nền tảng chuyên môn vững chắc kết hợp với các chứng chỉ nghề nghiệp uy tín trong nước và quốc tế đã góp phần khẳng định năng lực và uy tín của bà Trâm trong việc phát triển, vận hành và quản trị rủi ro hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền trên thị trường.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

MSVN được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ và dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài các nghiệp vụ nêu trên, Công ty còn cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

Thông tin về thị phần của Công ty:

Trong các nghiệp vụ, Công ty chỉ có mảng Môi giới chứng khoán có thông tin về thị phần, cụ thể như sau:

Quý I/2026:

- Môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HOSE: 1,50% (nằm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX: nằm ngoài top 10;
- Môi giới cổ phiếu thị trường Upcom: nằm ngoài top 10;
- Môi giới chứng khoán phái sinh tại HNX: nằm ngoài top 10.

Năm 2025:

- Môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HOSE: 1,34% (nằm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX: nằm ngoài top 10;
- Môi giới cổ phiếu thị trường Upcom: nằm ngoài top 10;
- Môi giới chứng khoán phái sinh tại HNX: nằm ngoài top 10.

**2.2 Các tranh chấp/ kiện tụng**

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, MSVN không có các tranh chấp/kiện tụng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng đến quyền lợi của MSVN.

2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	5.702.270.772.034	6.812.860.503.252	19,48%	6.777.012.954.976
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	815.624.849.656	897.349.259.627	10,02%	289.292.395.965
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	272.214.270.116	228.681.293.749	(15,99%)	56.035.518.235
Lợi nhuận khác	(625.091)	(32.574.542)	5.111,17%	-
Lợi nhuận trước thuế	272.213.645.025	228.648.719.207	(16,00%)	56.035.518.235
Lợi nhuận sau thuế	221.044.401.150	179.066.233.903	(18,99%)	45.013.766.583

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 kiểm toán của MSVN và BCTC Quý I năm 2026 của MSVN)

2.4 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi*	Giá thực hiện* (Đồng)	Tổng số lượng chào bán	Tình trạng	Số lượng đang niêm yết
Đợt 1										
1	Chứng quyền FPT/0125/C/EU/Cash/MSVN	CFPT2525	Mua	06 tháng	25/03/2026	10:1	103.000	10.000.000	Đã đáo hạn	-
2	Chứng quyền HPG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CHPG2535	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	29.700	10.000.000	Đã đáo hạn	-
3	Chứng quyền MWG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CMWG2521	Mua	06 tháng	25/03/2026	5:1	91.000	10.000.000	Đã đáo hạn	-

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi*	Giá thực hiện* (Đồng)	Tổng số lượng chào bán	Tình trạng	Số lượng đang niêm yết
4	Chứng quyền STB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CSTB2529	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	65.500	10.000.000	Đã đáo hạn	-
5	Chứng quyền VPB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CVPB2525	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	31.700	10.000.000	Đã đáo hạn	-
6	Chứng quyền FPT/0225/C/EU/Cash/MSVN	CFPT2526	Mua	09 tháng	25/06/2026	10:1	115.300	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
7	Chứng quyền HPG/0225/C/EU/Cash/MSVN	CHPG2536	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	32.900	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
8	Chứng quyền MWG/0225/C/EU/Cash/MSVN	CMWG2522	Mua	09 tháng	25/06/2026	5:1	87.100	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
9	Chứng quyền STB/0225/C/EU/Cash/MSVN	CSTB2530	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	67.800	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
10	Chứng quyền VPB/0225/C/EU/Cash/MSVN	CVPB2526	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	32.600	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000

*Tỷ lệ chuyển đổi và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm phát hành

3. Tình hình tài chính

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

- **Tổng dư nợ vay**

Tổng dư nợ vay (tài chính, trái phiếu, vay,...) tại ngày 31/03/2026: 3.266.407.700.000 đồng.

- ✓ Nợ quá hạn: Không có.
- ✓ Tổng dư nợ bảo lãnh: Không có.

- **Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ tại ngày 31/03/2026:

- ✓ Tổng các khoản phải thu và cho vay: 5.570.693.010.816 đồng.
- ✓ Tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay): 3.367.938.962.955 đồng.

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về an toàn tài chính		
- Giá trị vốn khả dụng (đồng)	3.141.488.367.217	3.107.014.924.355
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng)	341.773.658.969	364.032.657.260
- Tỷ lệ vốn khả dụng: Giá trị vốn khả dụng/ Tổng rủi ro	919%	853%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,29	1,94
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,29	1,94
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,51
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,75	1,03
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27,10%	19,96%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,96%	5,41%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,09%	2,86%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	33,37%	25,48%

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)*	N/A	N/A

(*) MSVN hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 kiểm toán của MSVN)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

1.1 Thông tin về chứng quyền phát hành

Tên chứng quyền có bảo đảm	Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	MWG
Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn
Phương thức thực hiện chứng quyền	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền	10 tháng
Ngày phát hành dự kiến	Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn dự kiến	Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)
Tỷ lệ chuyển đổi	8:1 (08 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu cơ sở)
Giá thực hiện/khoảng giá thực hiện	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản

	thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán
Giá chào bán/ khoảng giá chào bán	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số lượng chào bán	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký

Phương pháp tính giá chào bán

Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black Scholes như sau:

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C : Giá lý thuyết của chứng quyền mua

$N(d_1), N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy

X : Giá thực hiện của chứng quyền

S : Giá chứng khoán cơ sở hiện tại

- T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)
- σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)
- k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Ví dụ chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Giá chứng khoán cơ sở (S)	Giá cổ phiếu MWG tại thời điểm định giá
Giá thực hiện ¹ (X)	79.000 VND
Lãi suất phi rủi ro ² (do Tổ chức phát hành tự xác định) (r_c)	Trong khoảng 3%-6%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở ³ (do Tổ chức phát hành xác định) (σ)	20% - 100%
Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T)	0,833 (năm)
Tỷ lệ chuyển đổi ⁴ (k)	8

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

$Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

¹ Đây chỉ là giá tham khảo. Giá thực hiện sẽ được Tổ chức phát hành xác định vào ngày chào bán chính thức sau khi Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền của UBCKNN, và sẽ được ghi rõ trong Bản thông báo phát hành của chứng quyền. Giá thực hiện sẽ bảo đảm nằm trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành

² Lãi suất phi rủi ro: do Tổ chức phát hành xác định dựa trên lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm. Thông số có thể thay đổi trong biên độ 1% để dự trù cho thay đổi lãi suất trong tương lai

³ Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở: được Tổ chức phát hành xác định dựa trên độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm một biên dự phòng dành cho các khoản chi phí hoạt động, chi phí vốn cho việc phát hành chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để mua chứng khoán cơ sở cho mục đích phòng ngừa rủi ro), và các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

⁴ Tỷ lệ chuyển đổi: là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Ví dụ, Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền MWG là 8, có nghĩa là nhà đầu tư phải có 8 chứng quyền thì mới có quyền mua 1 cổ phiếu MWG tại mức giá thực hiện vào ngày thực hiện quyền.

1.2 Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó

Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở**2.1 Thông tin chung về chứng khoán cơ sở**

Tên chứng khoán cơ sở	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
Mã chứng khoán cơ sở	MWG
Vốn hóa tại ngày 15/04/2026 (tỷ đồng)	117.473,88
Khối lượng giao dịch khớp lệnh trung bình phiên 12 tháng	8.063.189 cổ phiếu/ngày
Giá đóng cửa cao nhất 52 tuần (đồng)	93.700
Giá đóng cửa thấp nhất 52 tuần (đồng)	54.810
Ngày niêm yết lần đầu	14/07/2014
P/E tại ngày 15/04/2026	16,75
Dao động bình quân của giá trong 6 tháng gần nhất (%)	37,508%

Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất

Tháng	Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối tháng (Đồng)
05/2025	62.100
06/2025	65.500
07/2025	65.300
08/2025	78.000
09/2025	77.700
10/2025	82.600
11/2025	79.900
12/2025	88.400
01/2026	92.900
02/2026	93.100
03/2026	81.800
04/2026	84.000

(Nguồn: HOSE)

2.2 Thông tin về Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

- Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
- Lĩnh vực hoạt động chính: Phân phối hàng chuyên dụng
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.468.423.529 cổ phiếu

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	70.438	83.946	19,18%	83.995
Vốn chủ sở hữu	28.122	33.176	17,97%	35.933
Doanh thu thuần	134.341	155.928	16,07%	46.462
Thuế và các khoản phải nộp	691	900	30,17%	193
Lợi nhuận trước thuế	4.826	8.633	78,90%	3.328
Lợi nhuận sau thuế	3.733	7.073	89,45%	2.758
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	14,50%	23,08%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025, BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của MWG, MSVN tổng hợp)

Các chỉ số tài chính của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong hai (2) năm gần nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,56	1,52
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,03	0,98
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,60
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,50	1,53
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,78%	4,54%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	14,50%	23,08%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	5,72%	9,16%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,89%	5,56%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	2.546	4.774

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của MWG, MSVN tổng hợp)

Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm

Lịch phân phối chứng quyền có bảo đảm của MSVN dự kiến như sau:

Bước	Diễn giải	Thời gian thực hiện (dự kiến)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán chứng quyền có bảo đảm.	T
2	MSVN công bố Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống SGDCK.	Trong vòng T + 24 giờ
3	MSVN công bố Bản thông báo phát hành chứng quyền và Bản cáo bạch trên trang thông tin điện tử Công ty, hệ thống SGDCK. MSVN công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp.	Trong vòng T + 7 ngày làm việc
4	MSVN bắt đầu phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, trong đó đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là ba (3) ngày.	Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 3
5	MSVN hoàn tất phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư.	Tối thiểu ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 4
6	MSVN báo cáo kết quả phân phối cho UBCKNN.	Trong vòng mười (10) ngày kể ngày hoàn tất từ Bước 5

Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được MSVN ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của MSVN hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền đến nhà đầu tư chỉ được thực hiện sau khi Công ty bảo đảm người mua tiếp cận được Bản cáo bạch, các nội dung hướng dẫn theo Bản thông báo phát hành chứng quyền của Công ty.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

4.1 Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có hiệu lực, Tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán.

4.2 Cách thức đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và tất cả các Chi nhánh của MSVN và/hoặc trên ứng dụng giao dịch của MSVN sau khi tiếp cận Bản cáo bạch chào bán chứng quyền và các nội dung hướng dẫn tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền

4.3 Phương thức thanh toán mua chứng quyền

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thanh toán tiền mua chứng quyền bằng cách chuyển khoản 100% giá trị mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản : Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
- Số tài khoản : 8640059538
- Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền nêu trên. Tổ chức phát hành cam kết chỉ sử dụng tiền từ tài khoản phong tỏa nói trên sau khi UBCKNN có văn bản xác nhận kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm, hoặc UBCKNN đăng trên trang thông tin điện tử của mình về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo kết quả phát hành chứng quyền nói trên.

4.4 Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình, và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của SGDCK sau khi chứng quyền được niêm yết.

4.5 Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán

Số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\text{Số chứng quyền nhà đầu tư được mua} = \text{Số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đơn vị 100 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán. Trường hợp sau khi phân bổ theo nguyên tắc trên cho tất cả các nhà đầu tư, vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của MSVN.

4.6 Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền

Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau ngày kết thúc đợt chào bán, MSVN sẽ gửi thông báo xác nhận kết quả đặt mua chứng quyền tới nhà đầu tư theo thông tin cung cấp của nhà đầu tư. Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do VSDC thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

- Chứng quyền có bảo đảm bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc trong các trường hợp sau:

- Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
- Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;
- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

Chứng quyền có bảo đảm được hủy bỏ niêm yết tự nguyện trong trường hợp: Tổ chức niêm yết sở hữu toàn bộ số chứng quyền có bảo đảm chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

6.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

a) Quy trình thực hiện

Quy trình thanh toán bằng tiền được áp dụng theo Quy chế của VSDC và quy định của HOSE, được thực hiện như sau (T = Ngày đáo hạn):

- Ngày T – 15:

Tổ chức đăng ký chứng quyền công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để hủy niêm yết và thực hiện thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền gửi cho HOSE. Căn cứ công bố thông tin của Tổ chức đăng ký chứng quyền, HOSE ra văn bản hủy niêm yết chứng quyền.

- **Ngày T – 2:**

Là ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền. HOSE sẽ hủy bỏ niêm yết chứng quyền sau ngày này.

- **Ngày T (Ngày đáo hạn, cũng là Ngày đăng ký cuối cùng):**

- Tổ chức đăng ký chứng quyền gửi Thông báo Giá thanh toán chứng quyền cho VSDC .
- VSDC nhận Thông báo Giá thanh toán, đối chiếu với Giá thực hiện:
 - Nếu **Giá thanh toán** \leq **Giá thực hiện**: VSDC gửi Thông báo hủy đợt chốt danh sách cho HOSE và các thành viên lưu ký. Quy trình dừng tại đây.
 - Nếu **Giá thanh toán** $>$ **Giá thực hiện**: VSDC lập Danh sách Người sở hữu chứng quyền có lãi (ITM) và gửi cho các thành viên lưu ký chậm nhất một (1) ngày làm việc sau ngày T.

- **Ngày T + 1 đến T + 2:** VSDC gửi thông báo về việc chốt danh sách Người sở hữu chứng quyền để thực hiện chứng quyền cho HOSE và các thành viên lưu ký. VSDC, các thành viên lưu ký và Tổ chức đăng ký chứng quyền phối hợp để lập và xác nhận danh sách Người sở hữu chứng quyền.
- **Ngày T + 3:** Tổ chức đăng ký chứng quyền xác nhận danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng quyền với VSDC và chuyển tiền thanh toán vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.
- **Ngày T + 4:** VSDC thông báo cho thành viên lưu ký xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền và thực hiện phân bổ tiền thanh toán vào tài khoản của thành viên lưu ký có liên quan.
- **Ngày T + 5:** Ngày thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền. Thành viên lưu ký phân bổ trực tiếp số tiền thanh toán vào tài khoản của Người sở hữu chứng quyền.

b) Cách tính số tiền thanh toán cho nhà đầu tư

Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán bằng tiền cho Người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

Trong trường hợp Số tiền thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng 0 (chứng quyền lỗ hoặc chứng quyền hòa vốn), tất cả các chứng quyền sẽ được coi là đã đáo hạn, tất cả các quyền của Người sở hữu chứng quyền cũng như nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với các chứng quyền đó sẽ chấm dứt. Người sở hữu chứng quyền sẽ không được quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán nào từ Tổ chức phát hành đối với chứng quyền.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, trong trường hợp chứng quyền có lãi, được tính theo công thức như sau:

$$\text{Số tiền thanh toán ròng} = \left[\frac{\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}}{\text{Tỷ lệ chuyển đổi}} \right] - \text{Phí thực hiện (nếu có)}$$

Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn.

Ví dụ:

Giá thực hiện chứng quyền : 80.000 VND

Giá thanh toán chứng quyền : Bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền : 10/12/2025

Ngày đáo hạn chứng quyền : 12/12/2025

Ngày tính giá thanh toán chứng quyền : 05/12, 08/12, 09/12, 10/12, 11/12.

Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong các ngày này là:

Ngày	Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở (ĐỒNG)
05/12	80.500
08/12	81.000
09/12	82.000
10/12	81.500
11/12	82.000
Trung bình giá 5 ngày	81.400

Giá thanh toán chứng quyền : 81.400 VND

Tỷ lệ chuyển đổi : 8 : 1 (8 chứng quyền lấy 1 cổ phiếu)

Số tiền thanh toán : $(81.400 - 80.000) / 8 = 175$ VND/ chứng quyền

Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào Ngày đáo hạn.

6.2 Các biện pháp xử lý trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trong trường hợp Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, Tổ chức phát hành bảo đảm sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với Người sở hữu chứng quyền như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký. Theo quy định hiện tại, Tổ chức phát hành phải duy trì tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi hoặc thu bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, giá trị là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ chức phát hành hay của bất cứ bên thứ ba khác.

Trường hợp không có đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền thì Người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành. Việc xử lý sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

7. Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Quyền của Người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của Chứng khoán cơ sở (Giá thanh toán) cao hơn Giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp Tổ chức phát hành hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan về hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp.
- Trong trường hợp chứng quyền hủy bỏ niêm yết do:
 - Tổ chức phát hành bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền được cho là có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết;

Quy trình thực hiện chứng quyền trong các trường hợp bị hủy bỏ niêm yết nêu trên:

- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có Quyết định hủy bỏ niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết chứng quyền, cách thức xác định Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực.
- Kể từ ngày công bố thông tin nêu trên đến ngày liền trước ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại được xác định theo mức giá thị trường và tuân thủ theo quy chế của SGDC.

- Kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, Tổ chức phát hành phối hợp với VSDC thanh toán tiền cho nhà đầu tư vẫn nắm giữ chứng quyền. Việc thanh toán tiền được thực hiện theo Quy chế của VSDC.

Cách tính Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C	:	Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy bỏ niêm yết
$N(d_1), N(d_2)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy
X	:	Giá thực hiện của chứng quyền
S	:	Giá chứng khoán cơ sở
T	:	Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365
r_c	:	Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)
σ	:	Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)
k	:	Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL}	:	Giá trị delta của chứng quyền mua
$N(d_1)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes

- Trong các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của SGDCK cần áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện từ nguồn tài sản bao gồm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký.

Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền đối với các biện pháp xử lý đặc biệt được xác định trên cơ sở số lượng chứng quyền sở hữu và giá trị chứng quyền, trong đó giá trị chứng quyền được tính trên cơ sở giá đóng cửa vào ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán, hay giá đóng cửa gần nhất so với ngày xảy ra sự kiện (nếu không thể xác định được giá đóng cửa tại ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán) bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

8.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do các sự kiện sau đây của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- (a) Chia cổ tức bằng tiền mặt;
- (b) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- (c) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- (d) Phát hành cổ phiếu mới.

8.2 Cách thức điều chỉnh

Cách thức điều chỉnh Giá thực hiện và Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, Tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy (hoặc Giá thực hiện điều chỉnh và Tỷ lệ chuyển đổi điều chỉnh sẽ theo hướng dẫn tại Quy chế của SGDCK tại thời điểm thực hiện).

Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm

9.1 Phí, lệ phí và giá dịch vụ

Khi đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư có thể phải trả các khoản phí bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phí sau:

- Phí môi giới;
- Phí giao dịch;
- Phí lưu ký, thực hiện và chuyển khoản; và
- Chi phí thực hiện.

Mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK Việt Nam và các công ty con, VSDC được quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/11/2024 và Quyết định số 1541/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/04/2025. Căn cứ vào mức giá quy định, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quyết định mức giá dịch vụ cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

9.2 Thuế

Theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền, nhà đầu tư sẽ phải nộp thuế khi giao dịch chứng quyền như sau:

a) Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 77/2025/TT-BTC ngày 30/07/2025 của Bộ Tài chính, các hoạt động liên quan đến đầu tư, phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm, giao dịch tạo lập thị trường thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**(i) Đối với doanh nghiệp trong nước:**

Thu nhập từ chứng quyền của doanh nghiệp trong nước chịu thuế TNDN với thuế suất 20% theo quy định của pháp luật.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền và chứng khoán cơ sở cuối năm tài chính không được tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(ii) Đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài):

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền chịu thuế với thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần tương tự như cách tính thuế thu nhập cá nhân nêu dưới đây.

Công ty chứng khoán, Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ số thuế này trước khi thanh toán cho nhà đầu tư.

Mức thuế suất nêu trên có thể được thay đổi theo quy định pháp luật áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng hay thực hiện quyền.

c) Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”)

(i) Trường hợp trước Ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Số thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá khớp lệnh của chứng quyền trên SGDCK nhân (x) Số lượng chứng quyền.

(ii) Trường hợp trước thời hạn, chứng quyền bị huỷ niêm yết:

Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền được tính như sau:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày huỷ bỏ niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày huỷ bỏ niêm yết có hiệu lực).

(iii) Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền mặt, thu nhập của nhà đầu tư chịu thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần bằng Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (/) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Công ty chứng khoán, Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư là cá nhân mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế này trước khi thanh toán cho nhà đầu tư.

Mức thuế suất nêu trên có thể được thay đổi theo quy định pháp luật áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng hay thực hiện quyền.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

10.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (5) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền; hoặc
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, Tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải bảo đảm không vượt tỷ lệ chênh lệch giá (5%);
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, Tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán); và
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (1) phút.

10.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (5) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Khi số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán, hoặc khi giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Khi giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Khi giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với Giá thực hiện), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...; hoặc
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

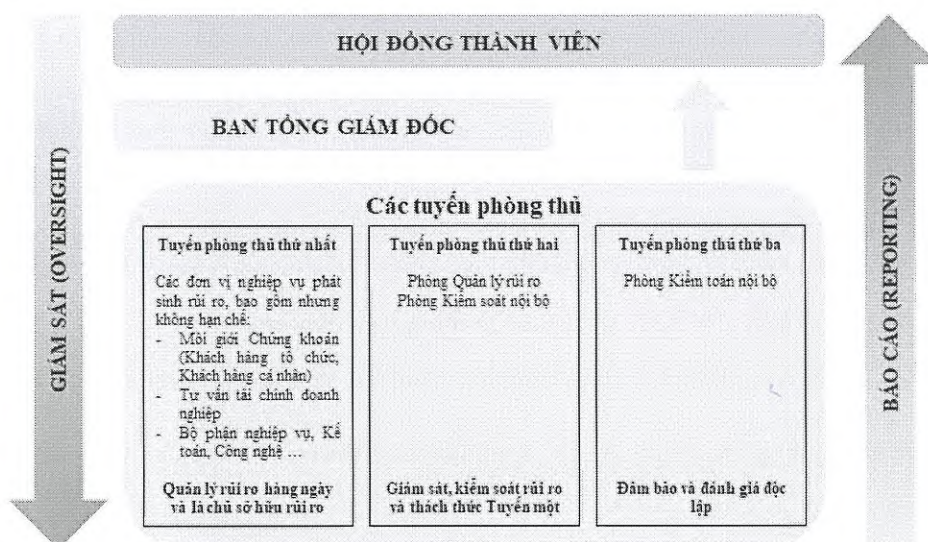
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế rõ ràng, hiệu quả, chặt chẽ, quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, phân định rõ các tuyến phòng thủ và trách nhiệm của từng tuyến. Cơ cấu tổ chức về quản trị rủi ro bao gồm:

- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Tuyến 1: các phòng ban, đơn vị sở hữu trực tiếp rủi ro hoặc đơn vị tiếp nhận rủi ro.
- Tuyến 2: Phòng Quản lý rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Tuyến 3: Phòng Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp, tính đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của các chính sách, quy trình rủi ro được thiết lập cũng như việc tuân thủ, kiểm soát rủi ro của các Tuyến 1 và Tuyến 2.



a) Vai trò và trách nhiệm của Ban quản lý cấp cao

Chức năng	Vai trò và trách nhiệm
Hội đồng thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đảm bảo MSVN duy trì lượng vốn phù hợp cho hồ sơ rủi ro và kế hoạch kinh doanh của MSVN. ▪ Phê duyệt các kế hoạch và mục tiêu kinh doanh phù hợp với khẩu vị rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro của MSVN. ▪ Quyết định chiến lược quản trị rủi ro, khung quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, mức chấp nhận rủi ro và hạn mức khẩu vị rủi ro. ▪ Xem xét và đánh giá tính đầy đủ của khung QTRR, chính sách QTRR trong nhận biết, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả. ▪ Xem xét các báo cáo định kỳ của ban Tổng Giám đốc về mức độ rủi ro, danh mục rủi ro và các hoạt động quản trị rủi ro. ▪ Quyết định hoặc phê duyệt các giao dịch tín dụng, giao dịch thị trường vốn nằm trong thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
Ban Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xem xét, giám sát và đánh giá mức độ rủi ro và đánh giá khả năng chịu rủi ro, bao gồm tất cả các loại rủi ro chính của tổ chức (bao gồm nhưng không giới hạn ở tín dụng, thị trường, quản lý tài sản nợ, tài trợ, hoạt động, pháp lý, công nghệ thông tin/mạng, danh tiếng, vốn, rủi ro chiến lược và các rủi ro mới nổi khác) của MSVN, nếu có. ▪ Thiết lập các tiêu chuẩn chấp nhận rủi ro phù hợp cho các hoạt động kinh doanh của MSVN. ▪ Xem xét các báo cáo rủi ro định kỳ, đánh giá các mức độ rủi ro khác nhau phát sinh từ các mảng kinh doanh của MSVN và xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp. ▪ Quyết định hoặc phê duyệt các giao dịch trên thị trường vốn theo quy định của MSVN. ▪ Đảm bảo rằng các phê duyệt tín dụng tuân thủ các chính sách nội bộ và quy định có liên quan. ▪ Đánh giá yêu cầu về vốn và cam kết trước khi thực hiện phê duyệt các giao dịch tín dụng và giao dịch trên thị trường vốn cũng như đảm bảo rằng các khoản tín dụng gia tăng và giao dịch trên thị trường vốn tuân thủ chính sách nội bộ và quy định của MSVN.

b) Các tuyến phòng thủ

Chức năng	Vai trò và trách nhiệm
Tuyến 1	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Sở hữu và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày, bao gồm cả việc chấp nhận rủi ro. Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày bao gồm nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro, giám sát rủi ro, báo cáo về mức độ rủi ro và đảm bảo rằng các hoạt động này nằm trong các chiến lược rủi ro, mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung kiểm soát nội bộ, chính sách và quy trình. ▪ Thực hiện nghiệp vụ theo đúng quy trình, quy định đã được phê duyệt. ▪ Thúc đẩy quản trị rủi ro hiệu quả bằng cách triển khai áp dụng đầy đủ và hiệu quả khung kiểm soát nội bộ, chính sách, quy trình, quy định, bao gồm cả việc theo dõi và báo cáo về rủi ro của từng đơn vị, bộ phận chức năng. ▪ Cung cấp cho đơn vị sở hữu rủi ro các thực tiễn rõ ràng trong quản trị rủi ro.
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chịu trách nhiệm thiết lập khung, chính sách và quy trình nội bộ để nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu, giám sát và báo cáo về các loại rủi ro phải quản lý. ▪ Xây dựng cơ cấu để quản trị rủi ro và giám sát khung kiểm soát nội bộ bao gồm theo dõi và báo cáo mức độ rủi ro của MSVN.
Tuyến 2	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đánh giá, phân tích các đánh giá rủi ro và tính hiệu quả của Tuyến 1 trong việc quản trị rủi ro. ▪ Hỗ trợ tăng trưởng tài sản bền vững và chất lượng với lợi nhuận tối ưu thông qua các chức năng quản lý tín dụng cụ thể như đánh giá tín dụng, phê duyệt và giám sát. ▪ Truyền thông về các chiến lược rủi ro và xây dựng, duy trì nhận thức rủi ro trong tổ chức. ▪ Đảm bảo tuân thủ các luật, quy định, chính sách nội bộ, thủ tục và các giới hạn (bao gồm cả giới hạn rủi ro). Điều này bao gồm duy trì các chính sách và thủ tục để phát hiện và giảm thiểu rủi ro không tuân thủ và để đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của các chính sách và thủ tục đó dựa trên các hoạt động đang diễn ra.
Tuyến 3	<p>Cung cấp sự đảm bảo hợp lý thông qua đánh giá, xem xét và xác nhận độc lập những nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khung, chính sách và các công cụ kiểm soát nội bộ đủ mạnh và phù hợp với các tiêu chuẩn của pháp luật. ▪ Việc kiểm soát để giảm thiểu rủi ro được thực hiện đầy đủ và hiệu quả bởi Tuyến 1. ▪ Việc giám sát của Tuyến 2 với Tuyến 1 là đầy đủ.

c) Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền tại MSVN

Quy trình quản trị rủi ro cho chứng quyền tại MSVN được thực hiện theo các bước sau:



(i) Nhận diện rủi ro

Sau đây là các rủi ro trọng yếu liên quan đến việc phát hành và kinh doanh chứng quyền đã được nhận diện:

Rủi ro về vốn: Rủi ro khi MSVN không đáp ứng được yêu cầu về vốn theo quy định của pháp luật khi kinh doanh chứng quyền.

Rủi ro thanh khoản: Rủi ro khi MSVN không đủ nguồn lực về tài chính để thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hoạt động kinh doanh chứng quyền.

Rủi ro thị trường: Rủi ro đến từ biến động của giá chứng quyền có bảo đảm và giá của chứng khoán là tài sản cơ sở cho chứng quyền.

Rủi ro thanh khoản thị trường: Rủi ro đến từ hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với một số mã chứng khoán niêm yết là tài sản cơ sở cho chứng quyền do MSVN phát hành. Hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể khiến MSVN không có khả năng mua thêm cổ phiếu cơ sở để đáp ứng nhu cầu phòng ngừa rủi ro chứng quyền của MSVN khiến việc phòng ngừa rủi ro không hiệu quả.

Rủi ro pháp lý: Rủi ro khi MSVN vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.

Rủi ro hoạt động: Rủi ro mất mát phát sinh do quy trình, con người và hệ thống nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động hoặc do các sự kiện bên ngoài.

(ii) Phân tích và đo lường rủi ro

MSVN xác định mức độ trọng yếu của từng rủi ro dựa trên hai tiêu chí:

- Mức độ tác động đến danh tiếng, tài chính, khả năng cung cấp dịch vụ, tính tuân thủ và nhân sự của Công ty khi từng rủi ro xảy ra;
- Xác suất xảy ra của từng rủi ro.

(iii) Kiểm soát rủi ro**Kiểm soát rủi ro về vốn:**

- Nguyên tắc: duy trì tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức pháp luật quy định đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền.
- Cách thức thực hiện: Phòng Tài chính - Kế toán tính tỷ lệ an toàn vốn và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Kiểm soát rủi ro thị trường:

- Nguyên tắc: duy trì các rủi ro thị trường nằm trong hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.
- Cách thức thực hiện:
 - Phòng Quản lý Rủi ro trình Hội đồng thành viên phê duyệt các hạn mức rủi ro thị trường.
 - Phòng Sản phẩm cấu trúc kiểm soát các rủi ro thị trường trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.
 - Phòng Sản phẩm cấu trúc theo dõi tỷ lệ Delta, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ tối thiểu do UBCKNN quy định. Mua, bán chứng quyền, chứng khoán cơ sở khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ, cụ thể được đề cập tại Mục 2.3 phía dưới.

Kiểm soát rủi ro thanh khoản:

- **Nguyên tắc chung:** duy trì dự trữ thanh khoản đáp ứng các nhu cầu thanh toán của MSVN.
- **Cách thức thực hiện:** Phòng Tài chính - Kế toán duy trì dự trữ thanh khoản trên các mức được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Kiểm soát rủi ro thanh khoản thị trường:

- Không phát hành chứng quyền mà tài sản cơ sở là chứng khoán đã hết hạn mức sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.
- Phòng Sản phẩm cấu trúc theo dõi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại đối với các mã chứng khoán là tài sản cơ sở của các chứng quyền đã phát hành.
- Phòng Sản phẩm cấu trúc tiến hành phân tích thanh khoản để đảm bảo khả năng phòng ngừa rủi ro đối với quá trình biến động trong ngày của chứng khoán cơ sở của các chứng quyền phát hành

Kiểm soát rủi ro pháp lý:

Cách thức thực hiện: Tất cả hồ sơ phát hành đều phải được rà soát bởi các phòng ban có liên quan đến phát hành chứng quyền và phải được nội bộ phê duyệt trước khi được gửi đi.

Kiểm soát rủi ro hoạt động:

Cách thức thực hiện: Phòng Sản phẩm cấu trúc tuân thủ theo Khung Quản lý rủi ro phi tài chính, Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính. Theo đó, Phòng Sản phẩm cấu trúc tuân thủ và duy trì các quy trình hành động sau:

- **Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA):** Duy trì việc tự đánh giá hàng năm các rủi ro tiềm ẩn, hiệu quả của các công cụ quản lý rủi ro và rủi ro còn lại để có chiến lược phòng ngừa rủi ro phù hợp.
- **Chỉ số rủi ro chính (KRI):** Áp dụng các KRI để theo dõi, giám sát biến động của các rủi ro có rủi ro còn lại ở mức trung bình và cao.
- **Quản lý sự cố và thu thập dữ liệu (IMDC):** Báo cáo kịp thời, đầy đủ về các rủi ro hoạt động phát sinh trong quá trình vận hành hàng ngày vào hệ thống thu thập dữ liệu về các rủi ro hoạt động.
- **Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP):** Có kế hoạch và duy trì kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền. Kế hoạch của phòng phải phù hợp với kế hoạch duy trì hoạt động chung của cả công ty bao gồm cả việc diễn tập hàng năm.

(iv) Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Khi có rủi ro xảy ra, các đơn vị, cá nhân có liên quan sẽ thực hiện theo các quy định về quản trị rủi ro áp dụng hiện hành bao gồm:

- **Rủi ro thị trường:** Khung Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách Quản lý sổ kinh doanh, Quy trình Quản lý Sổ kinh doanh.
- **Rủi ro pháp lý:** Khung Quản lý rủi ro pháp lý.
- **Rủi ro hoạt động:** Khung Quản lý rủi ro phi tài chính và Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính và Quy trình Quản lý tính liên tục kinh doanh.
- **Rủi ro tuân thủ:** Khung Quản lý rủi ro tuân thủ.
- **Các rủi ro khác:** Khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp.

(v) Theo dõi rủi ro và báo cáo rủi ro

Phòng Sản phẩm cấu trúc có trách nhiệm theo dõi các vị thế rủi ro thị trường, biến động thị trường và gửi số liệu về Phòng Quản lý Rủi ro.

Phòng Quản lý Rủi ro có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:

- Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;

- Ban Tổng Giám đốc;
- Hội đồng thành viên của MSVN.

d) Kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ:

Phòng Sản phẩm cấu trúc phối hợp với các phòng ban liên quan kiểm soát các rủi ro trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

e) Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Mục đích phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền, hạn chế những tổn thất do rủi ro gây ra một cách hiệu quả.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

Nhiệm vụ của các bộ phận liên quan:

a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung về rủi ro của MSVN được quy định đầy đủ trong Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan. Các cấp phê duyệt tại MSVN bao gồm:

- Hội đồng thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Giám đốc Quản lý rủi ro hoặc người được ủy quyền.

- Các cấp có thẩm quyền thực hiện phê duyệt theo đúng thẩm quyền, quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về các quyết định về rủi ro trong nghiệp vụ chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

- Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan.

b) Phòng Quản lý rủi ro:

- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.

- Có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:

- Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;
 - Ban Tổng giám đốc;
 - Hội đồng thành viên của MSVN.
- Đánh giá độc lập, cho ý kiến về rủi ro của các cổ phiếu cơ sở được Phòng Sản phẩm cấu trúc lựa chọn cho từng đợt phát hành chứng quyền.
- Theo dõi độc lập, phối hợp với Phòng Sản phẩm cấu trúc đề xuất phương án xử lý khi có vi phạm về tỷ lệ phòng ngừa rủi ro.
- c) Phòng Pháp chế:**
- Phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng Sản phẩm cấu trúc và Phòng Quản lý rủi ro nhằm đánh giá, tư vấn và xác định các rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình phát hành chứng quyền có bảo đảm.
- Chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng để cập nhật, phân tích và đánh giá những thay đổi trong hệ thống pháp luật theo từng thời kỳ, liên quan đến hoạt động phát hành và triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm tại MSVN, nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý trong thực tiễn triển khai.
- d) Phòng Kiểm soát nội bộ:**
- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro tuân thủ và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro tuân thủ của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các chính sách, quy trình nội bộ của hoạt động kinh doanh chứng quyền.
- Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình vận hành chứng quyền nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh chứng quyền được thực hiện một cách minh bạch, nhất quán và đúng quy định pháp luật.
- e) Phòng Sản phẩm cấu trúc – Bộ phận trực tiếp quản trị rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:**
- Là Tuyến 1 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, trực tiếp sở hữu và tiếp nhận rủi ro.
- Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm theo từng giai đoạn cụ thể, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đáp ứng mục tiêu chiến lược của Công ty, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy trình, quy định nội bộ.
- Thực hiện việc nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ; xây dựng và đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro một cách kịp thời, hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình triển khai sản phẩm; tham mưu các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo sản phẩm chứng quyền có bảo đảm được triển khai một cách an toàn và tối ưu.
- Tham gia phối hợp xử lý khi phát sinh rủi ro trong hoạt động giao dịch hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm; đảm bảo việc thực hiện đúng phạm vi chức năng, trách nhiệm được phân công.
- Khi phát hiện dấu hiệu hoặc nguy cơ rủi ro trong quá trình tác nghiệp, có trách nhiệm thông tin, báo cáo kịp thời đến các đơn vị liên quan để cùng phối hợp xử lý.
- Chủ động triển khai các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định pháp luật, quy trình nội bộ và hướng dẫn của các đơn vị chức năng chuyên trách.
- Thực hiện việc lưu trữ đầy đủ, chính xác và đúng quy định đối với toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm.
- Thực hiện đầy đủ các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

f) Nhân sự trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

(i) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2019 – 2020	Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2015 – 2019	Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB
2011 – 2014	Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2007 – 2011	Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2006 – 2007	Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam

Thời gian	Vị trí công tác
2006	Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội

(ii) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ Phân tích Tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst (CFA)

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Chuyên viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

MSVN áp dụng phương pháp phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, MSVN sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của Tổ chức phát hành là trung hòa Delta (Delta = 0) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho các chứng quyền phát hành bằng cách:

- Mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền; và/hoặc
- Mua hoặc bán các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền do tổ chức khác phát hành.

2.5. Vị thế phòng ngừa rủi ro

- **Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro**

Hệ số phòng ngừa rủi ro được Tổ chức Phát hành áp dụng là Hệ số Delta.

Delta: Là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở. Delta được tính dựa theo công thức Black Scholes như sau

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

$Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua

$N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Trong đó:

X : Giá thực hiện của chứng quyền

S : Giá chứng khoán cơ sở

r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)

σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)

T : Thời gian còn lại của chứng quyền (tính theo năm)

Chi tiết cách xác định các tham số đưa vào công thức:

Tham số	Cơ sở tính toán	Ví dụ
Giá chứng khoán cơ sở (S)	Là giá trị biến đổi	77.000 VND
Giá thực hiện (X)	Là giá trị cố định lấy theo giá thực hiện mà Tổ chức phát hành công bố trong Bản thông báo phát hành chứng quyền. Giá thực hiện này được điều chỉnh khi có sự kiện doanh nghiệp của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	79.000 VND
Lãi suất phi rủi ro (r_c)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi Lợi suất Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm thay đổi trên 1%	Trong khoảng 3%-6%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do Tổ chức phát hành xác định) (σ)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi độ biến động giá chứng khoán cơ sở có thay đổi lớn. Được xác định dựa trên cơ sở độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm kỳ vọng tương lai về biến động giá chứng khoán cơ sở	20% - 100%
Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T)	Là giá trị biến đổi. Giá trị này được tính theo năm, và giảm dần theo thời gian còn lại của chứng quyền. Giá trị này bằng 0 tại thời điểm đáo hạn.	0,833 (năm)

- Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của Tổ chức phát hành.

Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:

$$P = \text{Delta}_{CALL} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

P : Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

Delta_{CALL} : Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes

OI : Được tính bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành

k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá lý thuyết của chứng quyền mua theo Công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C : Giá lý thuyết của chứng quyền mua

$N(d_1), N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy

X : Giá thực hiện của chứng quyền

S : Giá chứng khoán cơ sở hiện tại

T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365

r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)

σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)

k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá trị hệ số Delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes:

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL}	:	Giá trị delta của chứng quyền mua
$N(d_1)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes

Công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở khi sử dụng chứng quyền do các tổ chức phát hành khác để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

$$Q_{\text{thực tế}} = Q_s + Q_{cwo}/K_{cwo}$$

Trong đó:

$Q_{\text{thực tế}}$:	Số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cho việc phòng ngừa rủi ro
Q_s	:	Số lượng chứng khoán cơ sở
Q_{cwo}	:	Số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác
K_{cwo}	:	Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành

Bộ phận Sản phẩm cấu trúc của MSVN chịu trách nhiệm tổ chức triển khai toàn bộ hoạt động liên quan đến sản phẩm chứng quyền, bao gồm: lựa chọn chứng khoán cơ sở, thực hiện tạo lập thị trường hàng ngày và phối hợp với Phòng Quản lý rủi ro để thiết lập, giám sát và vận hành các biện pháp quản trị rủi ro đối với từng mã chứng quyền phát hành. Đội ngũ nhân sự phụ trách có chuyên môn phù hợp, được đào tạo bài bản về nghiệp vụ định giá, quản trị danh mục và vận hành sản phẩm cấu trúc theo quy định pháp luật và thông lệ thị trường.

MSVN có năng lực tài chính ổn định, các chỉ tiêu an toàn vốn luôn duy trì ở mức cao theo yêu cầu của cơ quan quản lý, đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến chứng quyền đối với nhà đầu tư. Đồng thời, hệ thống công nghệ hiện đại của Công ty đáp ứng yêu cầu vận hành tạo lập thị trường và giao dịch chứng quyền với khối lượng lớn, bảo đảm khả năng cung ứng thanh khoản cho nhà đầu tư trong suốt thời gian tồn tại của chứng quyền.

Các đợt phát hành chứng quyền MSVN đã thực hiện:

Đợt 1 (tháng 09/2025): Phát hành 10 mã chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, MWG, STB, và VPB, với tổng khối lượng chào bán là 100.000.000 (một trăm triệu) chứng quyền (Chi tiết như nêu tại Điều 2.4 Mục V phía trên).

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ**

Ngân hàng lưu ký	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy phép hoạt động	:	Quyết định số 16/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lưu ký chứng khoán ngày 14 tháng 5 năm 2003
Địa chỉ	:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 28 3821 8812
Website	:	https://bidv.com.vn/
Đại diện ký theo Quyết định	:	Quyết định ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tổ chức phát hành cam kết về việc Tổ chức phát hành không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Trụ sở chính	:	Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 28 3824 5252
Website	:	https://www.ey.com/vi_vn

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH


Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có thông tin quan trọng về Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến các Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.


Chúng tôi cam kết không phải người có liên quan với Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa và Tổ chức kiểm toán.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2026

**NGÂN HÀNG LƯU KÝ**

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

Kim Thiên Quang

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổ chức phát hành;
2. Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
3. Quyết định của Tổng Giám đốc về việc thay đổi thông tin chứng quyền có bảo đảm;
4. Quyết định của Tổng Giám đốc về việc thay đổi thời gian phát hành, niêm yết, đáo hạn chứng quyền có bảo đảm;
5. Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán;
6. Điều lệ của Tổ chức phát hành;
7. Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán của Tổ chức phát hành.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho:

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN
MAYBANK KIM ENG**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
MAYBANK KIM ENG SECURITIES LIMITED
- Tên Viết tắt: **MBKE**
- Trụ sở chính: **Tầng 4A-15+16 Vincom Center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**
- Vốn điều lệ: **300.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)**
- Vốn pháp định: **300.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)**
- Thời gian hoạt động: **Vô thời hạn**

- Thông tin về Chủ sở hữu:

Tên chủ sở hữu	Nơi đăng ký trụ sở chính (đối với tổ chức)	Số Giấy CNĐKKD/ Giấy phép	Quốc tịch	Tỷ lệ nắm giữ
Maybank Kim Eng Holdings Limited	50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304	198900204D cấp ngày 17/01/1989 tại Singapore	Singapore	100 %

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Thiên Trúc** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **14/04/1976** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh thư nhân dân số: **022 855 383**

Ngày cấp: **06/01/2004** Nơi cấp: **Công an Tp. Hồ Chí Minh**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **308 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh**

Chỗ ở hiện tại: **79/26 Đường số 12, phường Bình An, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.**

Điều 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tự doanh chứng khoán;
3. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Điều 5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng.

Điều 6. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản chính; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng giữ một (01) bản; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ một (01) bản. ✓



Nguyễn Thành Long



Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Ngày: 20-04-2026

Số chứng thực: 020014 Quyển số: 2026 -SCT/BS
Công Chứng Viên



Trần Hoài Thương



Số: 62 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank);

Căn cứ Tài liệu đề nghị cập nhật thông tin về địa chỉ trụ sở chính do thay đổi về địa giới hành chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank với nội dung như sau:

Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 03



tháng 01 năm 2014 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hoàng Hải

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Ngày: 20-04-2026

Số chứng thực: 0006 Quyển số: 2/026-SCT/BS
Công Chứng Viên



[Handwritten signature]

Lưu Hoài Thương



SAO Y BẢN CHÍNH

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK**
Số: 22/11/24/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024



**QUYẾT ĐỊNH
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (“**Công ty**”), được sửa đổi tại từng thời điểm (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 22 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua chủ trương phát hành Chứng quyền có bảo đảm của Công ty (“**Chứng quyền**”), cụ thể:

- Tổng giá trị Chứng quyền đã phát hành và đăng ký phát hành của Công ty, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn, so với giá trị vốn khả dụng của Công ty không được vượt quá các mức sau:
 - 0% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng từ 180% đến 250%;
 - 5% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 250% đến 300%;
 - 10% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 300% đến 450%;
 - 15% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 450% đến 600%;
 - 20% trong trường hợp Công ty có tỷ lệ vốn khả dụng trên 600%.
 - Tỷ lệ vốn khả dụng để xét hạn mức là mức tối thiểu liên tục trong 06 tháng gần nhất trước tháng nộp hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền, căn cứ trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“**UBCKNN**”).
- Phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, cụ thể:
 - thanh lý tài sản phòng ngừa rủi ro cho Chứng quyền trên các tài khoản giao dịch tự doanh của Công ty để thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
 - xử lý tài sản bảo đảm do Công ty ký gửi tại Ngân hàng lưu ký là tiền mặt hoặc chứng chỉ tiền gửi. Công ty phải duy trì giá trị tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký tương đương ít nhất 50% tổng giá trị Chứng quyền đã phát hành, không bao gồm Chứng quyền đã bị hủy niêm yết, trong thời gian hiệu lực của Chứng quyền.

Trong trường hợp không có đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ của Công ty liên quan đến Chứng quyền, người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ được bảo đảm một

phần của Công ty và việc thanh toán sẽ được thực hiện theo các quy định của Việt Nam có liên quan áp dụng cho các chủ nợ được bảo đảm một phần.

Điều 2. Điều chỉnh và thi hành

- a. Trong trường hợp các hạn mức, điều kiện, quy định tại Điều 1 nêu trên được Bộ Tài chính, UBCKNN hoặc cơ quan có thẩm quyền khác hướng dẫn cụ thể, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại các hướng dẫn, quy chế hoặc văn bản pháp luật có liên quan, Hội đồng thành viên tại đây thông qua việc Công ty sẽ áp dụng các quy định mới đó tại từng thời điểm. Theo đó, Hội đồng thành viên sẽ không phải ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế chỉ để áp dụng các quy định mới đó.
- b. Cho mục đích thực hiện Khoản a Điều này, Hội đồng thành viên giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty quyết định và ký ban hành các văn bản, tài liệu, quyết định, chấp thuận để tuân thủ với các quy định tại các hướng dẫn, quy chế hoặc văn bản pháp luật có liên quan, hoặc đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc của Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



CHE ZAKIAH BINTI CHE DIN

SÁO Y BẢN CHÍNH

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK**
Số: 1812-3/25/QĐ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025



**QUYẾT ĐỊNH
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (“Công ty”, “MSVN”), được sửa đổi tại từng thời điểm (“Điều lệ”);
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 18 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua phương án chào bán và việc niêm yết mười lăm (15) chứng quyền có bảo đảm của MSVN với thông tin cụ thể của từng chứng quyền như sau:

1) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền FPT/0126/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	FPT
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần FPT
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	10 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	10 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền



Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

2) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền HPG/0126/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	HPG
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	07 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026
Tỷ lệ chuyển đổi	:	4 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

3) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền HPG/0226/C/EU/Cash/MSVN
---------------------------	---	-------------------------------------

Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	HPG
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	10 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	4 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

4) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền LPB/0126/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	LPB
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lạc Phát Việt Nam
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	07 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026

Tỷ lệ chuyển đổi	:	6 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

5) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền LPB/0226/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	LPB
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lạc Phát Việt Nam
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	10 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	6 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN

Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chi tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

6)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền MBB/0126/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MBB
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	07 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
	Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026
	Tỷ lệ chuyển đổi	:	2 chứng quyền: 1 cổ phiếu
	Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
	Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chi tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

7)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền MBB/0226/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MBB
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	10 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
	Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
	Tỷ lệ chuyển đổi	:	2 chứng quyền: 1 cổ phiếu
	Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
	Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

8)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền MSN/0126/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MSN
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	07 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn

Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026
Tỷ lệ chuyển đổi	:	8 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

9)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền MSN/0226/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MSN
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	10 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
	Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
	Tỷ lệ chuyển đổi	:	8 chứng quyền: 1 cổ phiếu
	Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN

Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

10)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền MWG/0126/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	MWG
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	10 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
	Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
	Tỷ lệ chuyển đổi	:	8 chứng quyền: 1 cổ phiếu
	Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
	Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký	
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán	

11)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền STB/0126/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	STB
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	07 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
	Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026
	Tỷ lệ chuyển đổi	:	6 chứng quyền: 1 cổ phiếu
	Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
	Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
	Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

12)	Tên chứng quyền	:	Chứng quyền STB/0226/C/EU/Cash/MSVN
	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	STB
	Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
	Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
	Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
	Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
	Thời hạn	:	10 tháng
	Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
	Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026

Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	6 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

13) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền VHM/0126/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	VHM
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Vinhomes
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	07 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 10/2026
Tỷ lệ chuyển đổi	:	8 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN

Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

14) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền VHM/0226/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	VHM
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Công ty Cổ phần Vinhomes
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	10 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	8 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán
---	---	---

15) Tên chứng quyền	:	Chứng quyền VPB/0126/C/EU/Cash/MSVN
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	VPB
Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu chứng quyền	:	Châu Âu
Phương thức thanh toán thực hiện quyền	:	Thanh toán tiền
Thời hạn	:	10 tháng
Ngày chào bán dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày niêm yết dự kiến	:	Dự kiến trong tháng 3/2026
Ngày giao dịch cuối cùng	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn	:	Dự kiến trong tháng 1/2027
Tỷ lệ chuyển đổi	:	4 chứng quyền: 1 cổ phiếu
Giá thực hiện dự kiến	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá chào bán dự kiến	:	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền đăng ký chào bán	:	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tiền, chứng chi tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán


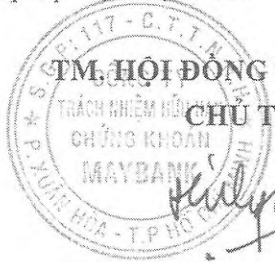
Việc chào bán và niêm yết từng chứng quyền sẽ phụ thuộc vào chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật áp dụng riêng đối với từng chứng quyền. Nếu bất kỳ chứng quyền nào trong các chứng quyền nêu trên không thể đăng ký chào bán, không được chấp thuận, không thể phát hành được hoặc không thể niêm yết vì bất kỳ lý do gì tại từng thời điểm, thì việc này sẽ không làm ảnh hưởng đến các chứng quyền còn lại; và vì vậy, chấp thuận của Hội đồng thành viên đối với (các) chứng quyền còn lại sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện các công việc sau đây:

- (i) quyết định các vấn đề cụ thể liên quan đến việc chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm nêu tại Quyết định này, bao gồm nhưng không giới hạn quyết định ngày chào bán, ngày niêm yết, giá thực hiện, giá chào bán, tài sản đảm bảo, thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm, v.v.;
- (ii) ký và ban hành các hồ sơ, tài liệu, quyết định, quy định, văn bản, quy trình, thỏa thuận, hợp đồng, văn bản giải trình, sửa đổi, bổ sung hồ sơ tài liệu đã nộp... liên quan đến việc chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết các chứng quyền nêu trên theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bao gồm và không giới hạn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (gọi chung là "**Cơ quan Nhà nước**"), liên quan đến các thủ tục chào bán, đăng ký lưu ký và niêm yết các chứng quyền nêu trên với các cơ quan này;
- (iii) ký và ban hành các tài liệu, báo cáo, phương án liên quan đến việc phòng ngừa rủi ro đối với các chứng quyền nêu trên; và
- (iv) thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ để hoàn tất các công việc tại Quyết định này.

Tổng Giám đốc có quyền phân công, ủy quyền cho các cá nhân, phòng ban có liên quan của Công ty để ký, thực hiện, hoàn thành các công việc nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc của Công ty và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành quyết định trên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.



TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH
PHILIP TÀN PUAY KOON

SAO Y BẢN CHÍNH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK
Số:004/26/QĐ-MSVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Nguyễn Văn Hà
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thay đổi các thông tin chứng quyền có bảo đảm

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (“Công ty” hoặc “MSVN”), được sửa đổi tại từng thời điểm;
- Căn cứ Quyết định số 1812-3/25/QĐ-HĐTV ngày 18/12/2025 của Hội đồng thành viên Công ty (“Quyết định 1812-3/25/QĐ-HĐTV”);
- Căn cứ Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm (“Thông tư 122”), cụ thể:
 - Khoản 2, Điều 3 Thông tư 122 quy định về Kiểu chứng quyền,
 - Khoản 3, Điều 3 Thông tư 122 quy định về Phương thức thực hiện chứng quyền,
 - Khoản 7, Điều 3 Thông tư 122 quy định về Tên của chứng quyền;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi Tên chứng quyền, Kiểu thực hiện, Phương thức thực hiện, Ngày phát hành dự kiến, Ngày niêm yết dự kiến, và Ngày đáo hạn dự kiến của mười lăm (15) chứng quyền có bảo đảm theo thông tin tại Quyết định 1812-3/25/QĐ-HĐTV, cụ thể như sau:

- 1. Chứng quyền FPT/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)**
 - Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0126**
 - Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
 - Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
 - Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
 - Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
 - Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)



2. Chứng quyền HPG/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (*07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

3. Chứng quyền HPG/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0226**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (*10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

4. Chứng quyền LPB/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền LPB/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (*07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

5. Chứng quyền LPB/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền LPB/MSVN/10M/0226**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (*10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

6. Chứng quyền MBB/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền MBB/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (*07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

7. Chứng quyền MBB/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền MBB/MSVN/10M/0226**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (*10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

8. Chứng quyền MSN/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026

- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

9. Chứng quyền MSN/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền MSN/MSVN/10M/0226**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

10. Chứng quyền MWG/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

11. Chứng quyền STB/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

12. Chứng quyền STB/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền STB/MSVN/10M/0226**

- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (*10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

13. Chứng quyền VHM/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền VHM/MSVN/7M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 10 hoặc 11/2026 (*07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

14. Chứng quyền VHM/0226/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền VHM/MSVN/10M/0226**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN*)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (*10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức*)

15. Chứng quyền VPB/0126/C/EU/Cash/MSVN (Tên hiện tại)

- Tên chứng quyền (Sau khi thay đổi): **Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0126**
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026 (*đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền*)

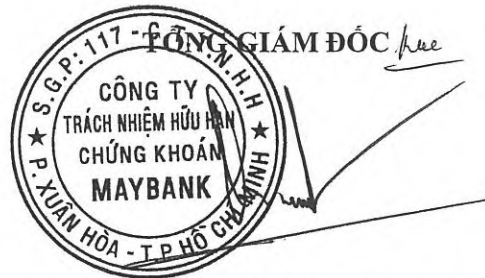
có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)

- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 3 hoặc 4/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 01 hoặc 02/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Việc điều chỉnh các nội dung tại Điều 1 nhằm bảo đảm phù hợp với quy định chung về chứng quyền có bảo đảm theo Thông tư 122, có hiệu lực từ ngày 06/02/2026, và không làm thay đổi bản chất hoặc mục tiêu của phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm đã được Hội đồng thành viên Công ty phê duyệt. Các nội dung khác không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này tiếp tục được thực hiện theo Quyết định 1812-3/25/QĐ-HĐTV. Các Phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Sản phẩm cấu trúc;
- Phòng Kiểm soát tuân thủ kinh doanh;
- Phòng Kiểm soát nội bộ;
- Phòng Pháp chế;
- Khối Nghiệp vụ;
- Phòng Kế toán;
- Phòng Quản lý rủi ro;
- Lưu Phòng Hành chính.



KIM THIÊN QUANG



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK
Số: 014/26/QĐ-MSVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2026



Nguyễn Văn Hòa
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thay đổi thời gian phát hành, niêm yết, đáo hạn chứng quyền có bảo đảm

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (“Công ty” hoặc “MSVN”), được sửa đổi tại từng thời điểm;
- Căn cứ Quyết định số 1812-3/25/QĐ-HĐTV ngày 18/12/2025 của Hội đồng thành viên Công ty (“Quyết định 1812-3/25/QĐ-HĐTV”);
- Căn cứ Quyết định số 004/26/QĐ-MSVN ngày 11/03/2026 của Tổng Giám đốc Công ty về việc thay đổi các thông tin chứng quyền có bảo đảm (“Quyết định 004/26/QĐ-MSVN”);
- Căn cứ Quyết định số 0505/26/QĐ-HĐTV ngày 05/05/2026 của Hội đồng thành viên Công ty (“Quyết định 0505/26/QĐ-HĐTV”);
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thay đổi Ngày phát hành dự kiến, Ngày niêm yết dự kiến và Ngày đáo hạn dự kiến của mười ba (13) chứng quyền có bảo đảm theo thông tin tại Quyết định 004/26/QĐ-MSVN, cụ thể như sau:

1. Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0126

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

2. Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0126

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 12/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)



3. Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0226

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

4. Chứng quyền LPB/MSVN/7M/0126

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 12/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

5. Chứng quyền LPB/MSVN/10M/0226

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

6. Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0126

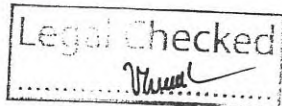
- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 12/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

7. Chứng quyền MSN/MSVN/10M/0226

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026
- Ngày đáo hạn dự kiến: Trong tháng 3/2027 (10 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)

8. Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126

- Ngày phát hành dự kiến: Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
- Ngày niêm yết dự kiến: Trong tháng 6/2026



Mẫu 02/CW
Template 02/CW

**HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ
BẢO ĐẢM THANH TOÁN
PAYMENT GUARANTEE DEPOSITORY CONTRACT**

Số: 05.05.26./2026 – HĐKQ.MSVN
Number: 05.05.26./2026 – HĐKQ.MSVN

**GIỮA
BETWEEN**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
MAYBANK SECURITIES LIMITED**

**với tư cách là Tổ Chức Phát Hành
as the Issuer**

- và -
- and -

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT
NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH**

**với tư cách là Ngân Hàng Lưu Ký
as the Depository Bank**

NGÀY 05 THÁNG 05 NĂM 2026
DATE ...05... May... 2026...

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này (sau đây gọi là “**Hợp Đồng Ký Quỹ**”) được ký kết vào ngày 05. tháng 05. năm 2026 bởi và giữa:

This **Payment Guarantee Depository Contract** (hereinafter referred to as the “**Depository Contract**”) is entered into on 05. May, 2026... by and between:

A. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Địa chỉ : VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0305367563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép thành lập và hoạt động : Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Điện thoại : (84) 28 44 555 888

Fax : (84) 28 38 271 030

Người đại diện : **Nguyễn Võ Văn Hà** Chức vụ: **Giám đốc Tài Chính**

Văn bản ủy quyền : Quyết định ủy quyền số 034/25/QĐ-MSVN ngày 22/10/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank

(Sau đây gọi là “**Bên A**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”)

A. MAYBANK SECURITIES LIMITED

Address : VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Enterprise Registration Certificate : Enterprise Registration Certificate no. 0305367563 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 14 December 2007 (amended and supplemented from time to time)

Establishment and operation license : License for establishment and operation no. 117/GP-UBCK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 03 January 2014 and its amendments from time to time

Phone : (84) 28 44 555 888

Fax : (84) 28 38 271 030

Representative : **Nguyen Vo Van Ha** Position: **Chief Financial Officer**

Authorization documents : Authorization decision No. 034/25/QĐ-MSVN dated 22 October 2025 by the Chief Executive Officer – Legal representative of Maybank Securities Limited

(Hereinafter referred to as “**Party A**” or “**Issuer**”)

và
and

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

- Địa chỉ : 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11
Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán : Quyết định số 16/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003
- Điện thoại : (84) 28 38 218 812
- Fax : (84) 28 39 144 714
- Người đại diện : Chức vụ: **Phó Giám đốc**
- Văn bản ủy quyền : Quyết định ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30 tháng 05 năm 2025 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

*(Sau đây gọi là “**Bên B**” hoặc “**Ngân Hàng Lưu Ký**”)*

B. JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

- Address : No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCOSố 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Enterprise Registration Certificate : Enterprise Registration Certificate no. 0100150619-079 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 29 November 2004 (amended and supplemented from time to time)
- Certificate of securities depository registration : Decision No. 16/GPHĐLK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003
- Phone : (84) 28 38 218 812
- Fax : (84) 28 39 144 714
- Representative : Position: Deputy Director
- Authorization documents : Authorization decision No. 3825/QĐ-BIDV dated 30 May 2025 by the General Director – Legal representative of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam

*(Hereinafter referred to as “**Party B**” or “**Depository Bank**”)*

Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

The Issuer and the Depository Bank are hereinafter referred to individually as each “Party” and collectively as the “Parties”.

Các Bên thỏa thuận ký kết **Hợp Đồng Ký Quỹ** này với các điều khoản sau:

The Parties agree to sign this **Depository Contract** with the following terms and conditions:

CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ:

BASIS FOR ESTABLISHING THE DEPOSITORY CONTRACT:

- (A) Các Bên đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ đảm bảo thanh toán số 1963397/2024/01/HĐNT/BIDV-MSVN ngày 25/12/2024 và các phụ lục sửa đổi/bổ sung, nếu có, (sau đây gọi là “**Hợp Đồng Nguyên Tắc**”) ghi nhận các điều khoản và điều kiện cơ bản được Các Bên thỏa thuận làm cơ sở cho việc ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này.

The Parties have entered into the Principal Contract regarding the provision of payment guarantee depository management services No. 1963397/2024/01/HĐNT/BIDV-MSVN dated 25 December 2024 and appendices amending/supplementing such contract, if any, (hereinafter referred to as the “**Principal Contract**”) recording the key terms and conditions mutually agreed by the Parties as a basis for signing this Depository Contract.

- (B) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm với thông tin chứng quyền có bảo đảm chi tiết tại **Phụ Lục 1** đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ này (sau đây gọi là “**Chứng Quyền**”) và theo chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“**UBCKNN**”).

The Issuer shall issue the covered warrants with the covered warrants information detailed in **Appendix 1** attached to this Depository Contract (hereinafter referred to as the “**Warrants**”) and in accordance with the approval of the State Securities Commission of Vietnam (“**SSC**”).

- (C) Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các Chứng Quyền phát hành khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ các Tài Sản Bảo Đảm (được định nghĩa dưới đây) tại Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán Chứng Quyền (“**Bản Cáo Bạch**”) và Hợp Đồng Ký Quỹ này.

To ensure payment obligations for issued Warrants to the Warrant Holders upon maturity, the Issuer agrees to deposit the Depository Assets (defined below) in the

Depository Bank in accordance with the provisions of the Prospectus for offering the Warrants (the “Prospectus”) and this Depository Contract.

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:
THE PARTIES AGREE as follows:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH
DEFINITIONS AND INTERPRETATION

1.1. Định nghĩa
Definitions

Trong Hợp Đồng Ký Quỹ này, bên cạnh các từ ngữ được định nghĩa tại các điều khoản/đoạn cụ thể, các thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như sau:

In this Depository Contract, in addition to the terms that have been defined in the specific provisions/paragraphs, the below terms shall have the following meanings:

- (a) **“Chứng Quyền”** nghĩa là chứng quyền có bảo đảm cụ thể được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành với thông tin chi tiết tại Phụ Lục 1 đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ này.
“Warrants” means the specific covered warrants issued by the Issuer with detailed information in Appendix 1 attached to this Depository Contract.
- (b) **“Biện Pháp Bảo Đảm”** nghĩa là việc Tổ Chức Phát Hành ký quỹ các Tài Sản Bảo Đảm tại Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm cho việc thực hiện và hoàn thành các Nghĩa Vụ Thanh Toán một cách đầy đủ và đúng hạn.
“Guarantee Method” means that the Issuer deposits the Depository Assets at the Depository Bank to ensure the full and timely implementation and completion of the Payment Obligations.
- (c) **“Nghĩa Vụ Thanh Toán”** là nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các khoản thanh toán liên quan đến việc thực hiện Chứng Quyền của Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch.
“Payment Obligations” are the full and timely payment obligations of the Issuer to the Warrant Holders for payments related to the

Warrant Holders' exercise of the Warrants according to the Prospectus.

- (d) **“Chứng Quyền Có Lãi”** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
“In-the-money Warrant” is a call warrant with an exercise price lower than the settlement price.
- (e) **“Người Sở Hữu Chứng Quyền”** là các nhà đầu tư bao gồm các cá nhân và tổ chức sở hữu Chứng Quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành.
“Warrant Holders” are investors including individuals and organizations that own the Warrants, are also partially secured creditors of the Issuer, and are not the Issuer.
- (f) **“Ngày Định Giá”** là bất kỳ ngày nào trong thời gian có hiệu lực của Chứng Quyền.
“Valuation Date” is any day during the validity term of the Warrants.
- (g) **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là bất kỳ ngày nào, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó ngân hàng và sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa hoạt động, đóng cửa thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật và/hoặc theo quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
“Business Day” means any day, except Saturday, Sunday, public holidays, and any day on which banks and stock exchanges in Vietnam are permitted or required to close operations, close the securities trading market in accordance with laws and/or decisions of competent State agencies.
- (h) **“Ngày Đáo Hạn”** là ngày cuối cùng mà Người Sở Hữu Chứng Quyền được thực hiện Chứng Quyền.
“Expiry Date” is the last day on which the Warrant Holders may exercise the Warrants.
- (i) **“Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế”** có nghĩa như được quy định tại Điều 8.1(b) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.

“Alternate Depository Bank” has the meaning set out in Article 8.1(b) hereof.

- (j) “**Giá Trị Ký Quỹ**” là giá trị của Tài Sản Bảo Đảm mà Tổ Chức Phát Hành cam kết dùng để làm Biện Pháp Bảo Đảm căn cứ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.

“**Depository Value**” is the value of the Depository Assets that the Issuer commits to use as the Guarantee Method pursuant to this Depository Contract.

- (k) “**Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán**” có nghĩa là giá trị bằng 50% tổng giá trị tối đa của Chứng Quyền dự kiến chào bán căn cứ trên Bản Cáo Bạch.

“**Minimum Depository Value at the Offering Time**” means the value which is equal to 50% of the total maximum value of the Warrants expected to be offered for sale based on the Prospectus.

- (l) “**Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu**” có nghĩa là giá trị bằng 50% Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành hoặc Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành tại từng thời điểm.

“**Minimum Depository Value**” means the value which is equal to 50% of the Total Value of Warrants Registered to Issue or the Total Value of Warrants Issued from time to time.

- (m) “**Phí Dịch Vụ**” có nghĩa như được quy định tại Điều 6.1 của Hợp Đồng Ký Quỹ này.

“**Service Fee**” has the meaning set out in Article 6.1 hereof.

- (n) “**Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán**” nghĩa là (những) thỏa thuận sửa đổi của Hợp Đồng Ký Quỹ này về cơ bản theo mẫu được quy định tại Phụ Lục 3 (Mẫu Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán) sẽ được Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký ký kết và cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này. Các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Ký Quỹ này.

“**Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract**” means the amended agreement(s) of this Depository Contract substantially in the form specified in Appendix 3 (Form of Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract)

that will be executed and provided by the Issuer and the Depository Bank pursuant to this Depository Contract. The Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract are an integral part of this Depository Contract.

- (o) **“Tài Sản Bảo Đảm”** có nghĩa là tiền, chứng chỉ tiền gửi và/hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành ký quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký, hoặc thư bảo lãnh thanh toán của Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành. Trong thời hạn của Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tài Sản Bảo Đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay của bất cứ bên thứ ba nào khác.
“**Depository Assets**” means money, certificates of monetary deposit and/or depository agreement legally owned by the Issuer deposited to the Depository Bank or payment guarantee letter from the Depository Bank to secure the Payment Obligations of the Issuer. During the term of this Depository Contract, the Depository Assets cannot be used as pledge, mortgage, or deposits for loans or other financial obligations of the Issuer or that of other third parties.
- (p) **“Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(a)(ii) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
“**Additional Depository Assets**” has the meaning set out in Article 2.4(a)(ii) hereof.
- (q) **“Tài Sản Bảo Đảm Rút Bớt”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(b) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
“**Withdrawal Depository Assets**” has the meaning set out in Article 2.4(b) hereof.
- (r) **“Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.4(c) của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
“**Alternative Depository Assets**” has the meaning set out in Article 2.4(c) hereof.
- (s) **“Thời Hạn Ký Quỹ”** có nghĩa như được quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng Ký Quỹ này.
“**Depository Term**” has the meaning set out in Article 2.2 hereof.

- (t) **“Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành”** và **“Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành”** của Tổ Chức Phát Hành (không tính số Chứng Quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn) được tính theo các công thức sau:

“Total Value of Warrants Registered to Issue” and **“Total Value of Warrants Issued”** of the Issuer (excluding delisted or expired Warrants) are calculated according to the following formulas:

- (i) **“Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đăng Ký Phát Hành”** = [Giá đăng ký chào bán Chứng Quyền] x [Số lượng Chứng Quyền đăng ký chào bán]

“Total Value of Warrants Registered to Issue” = [Initial offering price] x [Number of Warrants registered to be offered]

- (ii) **“Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành”** = [Giá chào bán (đối với Chứng Quyền chưa niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền chưa niêm yết] + [Giá đóng cửa của Chứng Quyền tại ngày giao dịch gần nhất (đối với Chứng Quyền niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền niêm yết]

“Total Value of Warrants Issued” = [Initial offering price (for unlisted Warrants)] x [Number of unlisted Warrants] + [Closing Price of Warrants at the most recent trading date (for listed Warrants)] x [Number of listed Warrants]

- (u) **“VSDC”** nghĩa là Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.

“VSDC” means Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation.

1.2. Giải thích Explanation

Trừ khi được định nghĩa rõ ràng khác đi tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng nhưng không định nghĩa trong Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ có nghĩa tương tự như trong Bản Cáo Bạch và Hợp Đồng Nguyên Tắc; và các giải thích của Hợp Đồng Nguyên Tắc được áp dụng tương tự cho Hợp Đồng Ký Quỹ này.

Unless otherwise explicitly defined in this Depository Contract, capitalized terms used but not defined in this Depository Contract shall have the same

meaning as in the Prospectus and the Principal Contract; and the explanation of the Principal Contract shall apply similarly to this Depository Contract.

2. CHỈ ĐỊNH NGÂN HÀNG LƯU KÝ VÀ TẠO LẬP BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM APPOINTMENT OF DEPOSITORY BANK AND CREATION OF GUARANTEE METHOD

2.1. Chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký Appointment of Depository Bank

- (a) Vì Ngân Hàng Lưu Ký là ngân hàng thương mại được cấp phép, có Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán (*như nêu tại Phần mở đầu của Hợp Đồng Ký Quỹ này*) do UBCKNN cấp, tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tổ Chức Phát Hành tại đây chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký, và Ngân Hàng Lưu Ký tại đây đồng ý, thực hiện những dịch vụ sau:

Given that the Depository Bank is a licensed commercial bank having the Certificate of securities depository registration (*as recorded at the Beginning of this Depository Contract*) issued by the SSC, subject to the terms and conditions of this Depository Contract, the Issuer hereby appoints the Depository Bank, and the Depository Bank hereby agrees, to render the following services:

- (i) lưu giữ và quản lý Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành để bảo đảm thanh toán cho các Chứng Quyền đã phát hành; và holding and managing the Depository Assets of the Issuer to ensure payment for the issued Warrants; and
- (ii) thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác phù hợp với nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền, thẩm quyền và quyền quyết định của Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.
performing other assignments and tasks that are in line with the obligations, responsibilities, rights, authority, and decision-making powers applicable to the Depository Bank in accordance with the provisions of this Depository Contract.
- (b) Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký quy định tại Điều 2.1(a) ở trên là chỉ định duy nhất cho việc phát hành Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch và Hợp Đồng Ký Quỹ này. Với điều kiện là việc chỉ định đó vẫn còn hiệu lực và không bị chấm dứt theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, Tổ

Chức Phát Hành sẽ không chỉ định hay giao cho bên khác cung cấp dịch vụ liên quan đến Chứng Quyền nêu trên tương tự như dịch vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký cung cấp theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.

The appointment of the Depository Bank specified in Article 2.1(a) above is the sole appointment for issuing the Warrants under the Prospectus and this Depository Contract. As long as such appointment remains in effect and is not terminated under this Depository Contract, the Issuer will not appoint or assign to another party to provide services related to the above-mentioned Warrants similar to those provided by the Depository Bank under this Depository Contract.

2.2. Tạo lập Biện Pháp Bảo Đám **Creation of Guarantee Method**

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ của Tổ Chức Phát Hành cho Người Sở Hữu Chứng Quyền đối với các khoản thanh toán liên quan đến việc thực hiện Chứng Quyền của Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ Tài Sản Bảo Đám của Tổ Chức Phát Hành tại Ngân Hàng Lưu Ký với thông tin chi tiết về Tài Sản Bảo Đám và Giá Trị Ký Quỹ như quy định tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Việc tạo lập Biện Pháp Bảo Đám này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp Đồng Ký Quỹ này, và được sửa đổi tại từng thời điểm sau đó bởi Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đám Thanh Toán (nếu có), và duy trì hiệu lực cho đến khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào được quy định tại Điều 9.1 của Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Thời Hạn Ký Quỹ**")

To ensure timely and full payment obligations of the Issuer to the Warrant Holders for payments related to the Warrants Holders' exercise of the Warrants according to the Prospectus, the Issuer agrees to deposit at the Depository Bank the Depository Assets of the Issuer with detailed information of the Depository Assets and the Depository Value as specified in Appendix 2 of this Depository Contract. This creation of the Guarantee Method is effective from the date of signing this Depository Contract, and as amended from time to time by the Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract (if any), and remains effective until the occurrence of any case provided Article 9.1 of this Depository Contract ("**Depository Term**").

2.3. Phương pháp xác định giá trị của Tài Sản Bảo Đám **Method for determining the value of the Depository Assets**

- (a) Loại tài sản để xác định Giá Trị Ký Quỹ (bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau dưới đây):
Type of assets to determine Depository Value (including but not limited to the following assets):
- (i) **Ngoại tệ:** Giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân Hàng Lưu Ký tại Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Định Giá. Các loại ngoại tệ Ngân Hàng Lưu Ký nhận làm tài sản ký quỹ bao gồm: Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung Châu Âu (EUR), Đô la Úc (AUD), Bảng Anh (GBP), Frãng Thụy Sĩ (CHF), Yên Nhật Bản (JPY), Đô la Canada (CAD), Đô la Xinh-ga-po (SGD), Đô la Hồng Kông (HKD) và Nhân dân tệ (CNY);
Foreign currency: Value converted into Vietnamese Dong (VND) according to the Depository Bank's transfer buying rate on the Business Day immediately preceding the Valuation Date. Foreign currencies that the Depository Bank accepts as depository assets including: United States Dollar (USD), Euro (EUR), Australian Dollar (AUD), British Pound (GBP), Swiss Franc (CHF), Japanese Yen (JPY), Canadian Dollar (CAD), Singapore Dollar (SGD), Hong Kong Dollar (HKD), and Chinese Yuan (CNY);
- (ii) **Tiền gửi không kỳ hạn:** Số dư tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán tại thời điểm định giá của Ngày Định Giá;
Demand deposit: The balance of demand deposits in the payment account as of the valuation time on the Valuation Date;
- (iii) **Tiền gửi có kỳ hạn (Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi):** Giá trị tiền gửi trừ đi lãi đã được thanh toán (nếu có) tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
Term deposit (Deposit contract/Certificate of deposit): The value of the deposits, excluding interests paid up (if any) to the day preceding the Valuation Date.
- (b) Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng Giá Trị Ký Quỹ được xác định theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, cụ thể (i) tại thời điểm trước khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền đối với Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ được xác định tối thiểu

bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán, hoặc (ii) tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành ban hành Bản thông báo phát hành Chứng Quyền và trong suốt thời gian có hiệu lực của Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ không thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

The Issuer ensures that the Depository Value is determined in accordance with the provisions of this Depository Contract, specifically: (i) before the time the Issuer receives the Certificate of Warrant Offering for the Warrants, the Depository Value is determined to be at least equal to the Minimum Depository Value at the Offering Time; or (ii) at the time the Issuer issues the notice of Warrant issuance and throughout the validity term of the Warrants, the Depository Value shall not be lower than the Minimum Depository Value.

2.4. Điều chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm Adjustment of Guarantee Method

- (a) Trong trường hợp Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu thì trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ gửi một văn bản thông báo về sự kiện đó cho Tổ Chức Phát Hành để tiến hành các thủ tục bổ sung Tài Sản Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong thời gian sớm nhất có thể, ký và cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký:

In case the Depository Value is lower than the Minimum Depository Value, within 24 hours of discovering that the Depository Value is lower than the Minimum Depository Value, the Depository Bank will send a written notification to notify the Issuer of this situation for the Issuer to top-up the Depository Assets. The Issuer shall, as soon as practicable, sign and provide the Depository Bank with:

- (i) Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán; và
Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract; and
- (ii) Bất kỳ tài liệu nào theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có) để bổ sung tài sản hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành vào Tài Sản Bảo Đảm ("**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**") nhằm đảm bảo Giá Trị Ký Quỹ không còn thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối

Thiếu, phù hợp với các cam đoan của Tổ Chức Phát Hành được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.

Any documents required by Vietnamese laws (if any) to supplemently deposit the Issuer's lawful assets into the Depository Assets ("**Additional Depository Assets**") to ensure the Depository Value remains no lower than the Minimum Depository Value in accordance with the Issuer's representations specified in this Depository Contract.

- (b) Trường hợp Giá Trị Ký Quỹ cao hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành có quyền rút bớt Tài Sản Bảo Đảm bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký. Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán để rút bớt số Tài Sản Bảo Đảm vượt quá đó ("**Tài Sản Bảo Đảm Rút Bớt**") cho Tổ Chức Phát Hành sao cho Giá Trị Ký Quỹ sau khi được rút bớt như vậy tối thiểu phải bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

In case the Depository Value is higher than the Minimum Depository Value, the Issuer has the right to withdraw part of the Depository Assets by sending a written request to the Depository Bank. Within three (03) Business Days from the date of receiving the request from the Issuer, the Depository Bank and the Issuer shall sign an Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract to release the amount of the Depository Assets that exceeds the Minimum Depository Value ("**Withdrawal Depository Assets**") for the Issuer provided that the Depository Value after such withdrawal is at least equal to the Minimum Depository Value.

- (c) Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu thay thế bất cứ Tài Sản Bảo Đảm nào bằng tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế**") bằng cách gửi văn bản thông báo tới Ngân Hàng Lưu Ký và được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Nếu Giá Trị Ký Quỹ sau khi được thay thế tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ (i) ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và (ii) giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm đã được thay thế trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc (hoặc một thời hạn khác ngắn hơn theo thỏa thuận của Các Bên, nếu có) kể từ khi nhận được yêu cầu đề nghị thay thế Tài Sản Bảo Đảm của Tổ

Chức Phát Hành. Việc thay thế Tài Sản Bảo Đảm bằng Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế trong mọi trường hợp phải bảo đảm nguyên tắc, các thủ tục ký quỹ, thế chấp và phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế phải hoàn thành trước khi Tài Sản Bảo Đảm được giải tỏa. Sau khi Tài Sản Bảo Đảm được giải tỏa theo Điều này, thuật ngữ Tài Sản Bảo Đảm theo Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ được hiểu là đề cập đến Tài Sản Bảo Đảm Thay Thế.

The Issuer may notify the Depository Bank for the replacement of any Depository Assets with other assets legally owned by the Issuer, consistent with the representations set forth in this Depository Contract (“**Alternative Depository Assets**”) by sending a written notice to the Depository Bank if agreed by the Depository Bank. If the Depository Value after being replaced is at least equal to the Minimum Depository Value, the Depository Bank and the Issuer shall (i) sign an Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract and (ii) release the Depository Assets that have been replaced to the Issuer within three (03) Business Days (or another shorter period agreed by the Parties, if any) from the date of receipt of the request to replace the Depository Assets of the Issuer. Replacing the Depository Assets with the Alternative Depository Assets must in all cases ensure principles, depository, mortgage, and blockade procedures of the Alternative Depository Assets must be completed before the Depository Assets are released. Once the Depository Assets are released under this Article, the Depository Assets under this Depository Contract shall refer to the Alternative Depository Assets.

- (d) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phát hành Chứng Quyền bổ sung, Tổ Chức Phát Hành phải đảm bảo Giá Trị Ký Quỹ và bổ sung Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung (nếu cần) phù hợp với Điều 2.4(a) của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ (i) thực hiện phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung, theo đó Tài Sản Bảo Đảm trong Hợp Đồng Ký Quỹ này được hiểu bao gồm Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung và (ii) ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

In case the Issuer issues additional Warrants, the Issuer must ensure the Depository Value and supplement the Additional Depository Assets (if necessary) in accordance with Article 2.4(a) of this Depository Contract. The Depository Bank shall (i) block the Additional Depository Assets, then the Depository Assets under this Depository Contract shall refer to include the Additional Depository

Assets and (ii) sign an Agreement to Amend the Payment Guarantee Depository Contract.

- (e) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải hủy niêm yết một phần Chứng Quyền chưa lưu hành theo quy định của pháp luật Việt Nam, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện điều chỉnh để Tổ Chức Phát Hành có thể rút bớt Tài Sản Bảo Đảm tương tự như Điều 2.4(b) trên đây.

In case the Issuer must delist part of the uncirculated Warrants according to the provisions of Vietnamese laws, at the request of the Issuer, the Depository Bank shall make adjustments for the Issuer to withdraw the Depository Assets in a manner similar to Article 2.4(b) above.

3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE ISSUER

3.1. Nghĩa vụ Obligations

- (a) Thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác ký với Ngân Hàng Lưu Ký có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có);
To execute this Depository Contract, the Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract, and other documents signed with the Depository Bank related to the Warrants (if any);
- (b) Thực hiện ký quỹ Tài Sản Bảo Đảm để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành Chứng Quyền và duy trì Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu là 50% Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành, không tính số Chứng Quyền đã hủy niêm yết;
To deposit the Depository Assets to guarantee the ability to pay for the issuance of the Warrants and maintain the Minimum Depository Value of 50% of the Total Value of Warrants Issued, excluding the number of Warrants already delisted;
- (c) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo

cho Ngân Hàng Lưu Ký, để Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

When there is any change related to the value of the Depository Assets of the Issuer, the Issuer is responsible for notifying the Depository Bank, so that the Depository Bank can fulfill its reporting obligations to the relevant agencies;

- (d) Tổ Chức Phát Hành thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, theo cách thức quy định tại Điều 2.4(a) của Hợp Đồng Ký Quỹ này, theo quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này; và

The Issuer shall make an additional deposit to meet the Minimum Deposit Value, in the manner provided in Article 2.4(a) hereof, as prescribed by Vietnamese laws and this Depository Contract; and

- (e) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.

Other obligations as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

3.2. Quyền hạn Rights

- (a) Tổ Chức Phát Hành được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Issuer is entitled to exercise all rights, powers and authority to check and confirm the balance of the Depository Assets within the scope in accordance with Vietnamese laws and this Depository Contract;

- (b) Được Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm sau khi trừ Phí Dịch Vụ và số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán hợp lệ cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);

To have the Depository Assets returned by the Depository Bank after deducting the Service Fee and the amount duly paid by the Depository Bank to the Warrant Holders (if any);

- (c) Được Ngân Hàng Lưu Ký bồi thường đối với những thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng Ký Quỹ và/hoặc vi phạm pháp luật Việt Nam của Ngân Hàng Lưu Ký; và
To be compensated by the Depository Bank for damages suffered by the Issuer arising from the Depository Bank's violations of this Depository Contract and of Vietnamese laws; and
- (d) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.
Other rights as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE DEPOSITORY BANK

4.1. Nghĩa vụ Obligations

- (a) Thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác ký với Tổ Chức Phát Hành có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có);
To implement this Depository Contract, the Agreements to Amend the Payment Guarantee Depository Contract, and other documents signed with the Issuer related to the Warrants (if any);
- (b) Lưu giữ Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành; quản lý tách biệt Tài Sản Bảo Đảm với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành và các tài sản khác của Ngân Hàng Lưu Ký;
To retent the Depository Assets of the Issuer; manage the Depository Assets separately from other assets of the Issuer and other assets of the Depository Bank;
- (c) Phong tỏa Tài Sản Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này;
To block the Depository Assets of the Issuer as prescribed by this Depository Contract;

- (d) Cho phép Tổ Chức Phát Hành thực hiện rút Tài Sản Bảo Đảm, thay thế Tài Sản Bảo Đảm theo thỏa thuận tại Điều 2.4 của Hợp Đồng Ký Quỹ này;
To allow the Issuer to withdraw the Depository Assets, replace the Depository Assets as agreed in Article 2.4 of this Depository Contract;
- (e) Nhanh chóng hoàn trả Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ Phí Dịch Vụ và số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán hợp lệ cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có).
To promptly return the Depository Assets to the Issuer after deducting the Service Fee and the amount duly paid by the Depository Bank to the Warrant Holders (if any);
- (f) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, UBCKNN, sở giao dịch chứng khoán và VSDC;
To carry out collection, expenditure, payment and transfer activities related to the activities of the Issuer according to the lawful requests of the Issuer, the SSC, the stock exchange, and VSDC;
- (g) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi phát sinh trường hợp Giá Trị Ký Quỹ, như được xác định theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng Ký Quỹ này, thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.
To promptly notify the Issuer of cases arising where the Depository Value, as determined in accordance with Article 2.3 of this Depository Contract, is lower than the Minimum Depository Value.
- (h) Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm;
To confirm the report prepared by the Issuer related to the Depository Assets;
- (i) Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành về việc duy trì Tài Sản Bảo Đảm.
To periodically appraise the Issuer's compliance with the obligations, responsibilities, and duties of maintaining the Depository Assets;
- (j) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, báo cáo UBCKNN khi phát hiện Tổ Chức Phát Hành vi phạm quy định của pháp luật Việt

Nam liên quan đến việc ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền;
và

To promptly notice to the Issuer, report to SSC when detecting that the Issuer violates the provisions of Vietnamese laws related to depositing to ensure payment for Warrants; and

- (k) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.
Other obligations as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

4.2. Quyền hạn Rights

- (a) Ngân Hàng Lưu Ký được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Depository Bank is entitled to exercise all rights, powers, and authority to check and confirm the balance of the Depository Assets within the scope consistent with Vietnamese laws and this Depository Contract;

- (b) Ngân Hàng Lưu Ký được định giá Giá Trị Ký Quỹ, hoặc bằng chi phí do Ngân Hàng Lưu Ký chịu để yêu cầu bên thứ ba định giá Giá Trị Ký Quỹ với điều kiện đã được Tổ Chức Phát Hành đồng ý, theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Depository Bank is entitled to evaluate the Depository Value, or at the expense of the Depository Bank to request a third party to evaluate the Depository Value only after having the approval of the Issuer, as prescribed in Article 2.3 of this Depository Contract;

- (c) Được thu Phí Dịch Vụ liên quan đến Chứng Quyền theo quy định pháp luật Việt Nam và theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và
To collect the Service Fee related to Warrants according to Vietnamese laws and as specified under this Depository Contract; and

- (d) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và quy định của pháp luật Việt Nam.

Other rights as agreed in this Depository Contract, the Principal Contract, and the provisions of Vietnamese laws.

5. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN
REPRESENTATIONS AND WARRANTIES OF THE PARTIES

5.1. Cam đoan và bảo đảm của Các Bên
Representations and warranties of the Parties

Mỗi Bên cam đoan và bảo đảm với Bên còn lại rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

Each Party represents and warrants to the other Party that the following statements and assertions are accurate and not misleading:

- (a) Mỗi Bên được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam;
Each Party is duly established and legally operating under Vietnamese laws;
- (b) Mỗi Bên đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Mỗi Bên đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Bên đó chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy;
Each Party has been granted all licenses, registrations, approvals, and consents required under Vietnamese laws for conducting its business. Each Party has complied with such licenses, registrations, approvals, and consents in all material respects. Such licences, registrations, approvals, and consents are in full force and effect and such Party has not received any notice of revocation or amendment of any licence, registration, approval, or consent;
- (c) Mỗi Bên có quyền hạn và năng lực để ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, tạo lập bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và

Each Party has the authority and capacity to enter into this Depository Contract, create any Guarantee Method and perform its obligations under the provisions of this Depository Contract; and

- (d) Các nghĩa vụ của mỗi Bên theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này cấu thành nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ, ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Bên đó theo các điều khoản của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Mỗi Bên có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Bên đó để ký kết và thực hiện Hợp Đồng Ký Quỹ này.

Each Party's obligations under this Depository Contract shall constitute legal, valid, binding, and enforceable obligations for such Party under the provisions of this Depository Contract. Each Party has full rights, powers, authority and has carried out procedures and obtained necessary internal approvals in accordance with its effective charter and internal rules and regulations to sign and implement this Depository Contract.

5.2. Cam đoan và bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành **Representations and warranties of the Issuer**

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Ngân Hàng Lưu Ký rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

The Issuer represents and warrants to the Depository Bank that the following statements and assertions are accurate and not misleading:

(a) Tài Sản Bảo Đảm **Depository Assets**

- (i) Theo hiểu biết tốt nhất của Tổ Chức Phát Hành, tại thời điểm ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, việc tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm theo Hợp Đồng Ký Quỹ này không bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;

To the best of the Issuer's knowledge, at the time of signing this Depository Contract, the creation of the Guarantee Method under this Depository Contract is not prohibited according to current regulations of Vietnamese laws;

- (ii) Tài Sản Bảo Đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đang không có bất kỳ tranh chấp về quyền sở hữu đối với Tài Sản Bảo Đảm. Theo quy định của pháp luật, Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền sử dụng Tài Sản Bảo Đảm để ký quỹ bảo đảm thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Ngân Hàng Lưu Ký;

The Depository Assets are legally owned by the Issuer and there is no dispute over ownership of the Depository Assets. According to the provisions of law, the Issuer has full right to use the Depository Assets to secure the Payment Obligations at the Depository Bank;

- (iii) Tổ Chức Phát Hành không ký bất kỳ thỏa thuận hoặc cam kết nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền cầm giữ bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào theo bất kỳ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nào hoặc theo bất kỳ thỏa thuận/hợp đồng nào có hiệu lực tương tự. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ này, các Tài Sản Bảo Đảm đang không bị niêm phong, phong tỏa, đóng băng hoặc kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác; The Issuer has not entered into any agreement or undertaking with respect to the transfer of ownership of or encumbrance against any Depository Assets under any ownership transfer contract or under any agreement/contract having the same effect. At the time of signing this Depository Contract, the Depository Assets are not being sealed, blocked, frozen, or distrained to perform other obligations;

Trong phạm vi pháp luật Việt Nam cho phép và trong trường hợp một phần giá trị của Tài Sản Bảo Đảm đang được dùng bảo đảm cho nghĩa vụ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền khác của Tổ Chức Phát Hành, thì Ngân Hàng Lưu Ký theo đây chấp nhận sử dụng phần giá trị còn lại của Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền này.

Within the limits permitted by Vietnamese laws, and in the event that a portion of the value of the Depository Assets is already allocated to the depository obligations for the payment secure of other warrants issued by the Issuer, the Depository Bank hereby agrees to utilize the remaining value of the

Depository Assets to fulfill the depository obligations for the payment securing the Warrants.

- (iv) Tài Sản Bảo Đảm hiện đang không sử dụng cầm cố, thế chấp, bảo lưu quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ tài chính nào khác của Tổ Chức Phát Hành hay bên thứ ba khác, ngoài việc ký quỹ bảo đảm thanh toán được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Depository Assets are not currently in escrow, being held, or retaining ownership in any form to secure any other financial obligations of the Issuer or any third parties, other than those provided in this Depository Contract;

- (v) Tài Sản Bảo Đảm không thuộc đối tượng bị trưng thu, trưng dụng, thu hồi hoặc bị kê biên để thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nhằm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với bên thứ ba. Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành đối với các Tài Sản Bảo Đảm;

The Depository Assets are not subject to confiscation, requisition, recovery, or distraint to enforce judgments or decisions of Courts or Arbitrators to fulfill the Issuer's obligations to third parties. There are no events affecting the validity and enforceability of the Depository Assets;

- (vi) Tài Sản Bảo Đảm sẽ vẫn được hưởng lãi và các quyền lợi khác phát sinh theo các nội dung quy định tại Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi;

The Depository Assets shall still be entitled to interest and other benefits arising according to the contents specified in the Deposit contracts/Certificates of deposit;

- (vii) Tổ Chức Phát Hành không có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến việc sở hữu, sử dụng Tài Sản Bảo Đảm;

The Issuer does not have any financial obligations to the State or third parties related to the ownership and use of the Depository Assets;

(viii) Không có bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và Tài Sản Bảo Đảm;

There are no ongoing or pending legal proceedings, arbitration proceedings or administrative proceedings relating to the Issuer and the Depository Assets;

(ix) Ngân Hàng Lưu Ký được toàn quyền phong tỏa toàn bộ số dư tiền gửi theo bảng liệt kê tại **Phụ Lục 2** của Hợp Đồng Ký Quỹ này để đảm bảo việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng Ký Quỹ này;

The Depository Bank has the full right to block the entire deposit balance according to the list in **Appendix 2** of this Depository Contract to guarantee the Payment Obligations of the Issuer under this Depository Contract;

(x) Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Chứng Quyền, Tổ Chức Phát Hành không được:

During the validity term of the Warrants, the Issuer shall not:

(1) sử dụng Tài Sản Bảo Đảm làm tài sản cầm cố, thế chấp hoặc đặt cọc cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác phù hợp quy định pháp luật Việt Nam (nếu có);

use the Depository Assets as pledge, mortgage, or deposits for loans or other financial obligations of the Issuer or any other third parties, except otherwise agreed by the Parties in accordance with applicable provisions of Vietnamese laws (if any);

(2) bán, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc định đoạt theo hình thức khác bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào;

sell, assign, transfer, or dispose in other forms any of the Depository Assets;

(3) thực hiện, hoặc chấp thuận, bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể ảnh hưởng đến, toàn bộ hoặc một phần, hiệu lực của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này; và



Handwritten signature

do, or consent to, anything which it is reasonably expected to affect, in whole or in part, the validity of any Guarantee Method under this Depository Contract; and

- (4) thực hiện hoặc cho phép một bên khác thực hiện bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các quyền, quyền lợi và lợi ích của Ngân Hàng Lưu Ký đối với Tài Sản Bảo Đảm hoặc khả năng thi hành toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, trừ khi có sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

do or permit another party to do anything which, as reasonably expected, may have a material adverse effect on the rights, interests, and benefits of the Depository Bank in respect of the Depository Assets or the ability to enforce all or part of any Guarantee Method as stipulated in this Depository Contract, unless approved by a competent State agency.

(b) **Tính chất của Biện Pháp Bảo Đảm**
Nature of the Guarantee Method

Hợp Đồng Ký Quỹ này tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm và không thể bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc bác bỏ vì Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, giải thể hoặc trong mọi trường hợp khác, trừ trường hợp quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này.

This Depository Contract constitutes the Guarantee Method and may not be modified, canceled, or repudiated due to the dissolution or bankruptcy of the Issuer or other cases, unless otherwise provided in this Depository Contract .

5.3. Thời gian thực hiện cam đoan và bảo đảm
Timeframe for making representations and warranties

- (a) Các cam đoan và bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này (bao gồm cả trong Điều này) được Các Bên đưa ra vào ngày ký Hợp Đồng Ký Quỹ này.

The representations and warranties set forth in this Depository Contract (including this Article) are made by the Parties on the date of signing this Depository Contract.

- (b) Trừ trường hợp được quy định rõ ràng tại một cam đoan hoặc bảo đảm, các cam đoan và bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ này được xem là được Các Bên đưa ra trong suốt Thời Hạn Ký Quỹ. Except where a representation or warranty is expressly stated to be made on a particular date, each representation and warranty set forth in this Depository Contract is deemed to be given by the Parties during the Depository Term.

6. PHÍ VÀ CHI PHÍ FEES AND COSTS

- 6.1. Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Phí Dịch Vụ**") với mức phí cụ thể theo thỏa thuận riêng về phí giữa Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.

The Issuer shall pay to the Depository Bank fee related to the tasks and responsibilities that the Depository Bank performs under this Depository Contract ("**Service Fee**") at the specific rates as separately agreed on fees between the Issuer and the Depository Bank.

- 6.2. Trừ trường hợp quy định tại Điều 4.2(b) bên trên, hoặc các khoản phí, chi phí khác phát sinh từ chính nhu cầu vận hành, cung cấp dịch vụ thông thường của Ngân Hàng Lưu Ký, hoặc chi phí khác theo thỏa thuận Các Bên (nếu có) là do Ngân Hàng Lưu Ký tự chịu; mọi khoản phí và chi phí khác mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý cho bên thứ ba, với sự đồng ý trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các nghĩa vụ hay công việc quy định trong Hợp Đồng Ký Quỹ này (nếu có) sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Ngân Hàng Lưu Ký. Việc thanh toán (hoặc bồi hoàn) nêu trên của Tổ Chức Phát Hành sẽ được thực hiện vào ngày 28 của tháng gần nhất (hoặc Ngày Làm Việc ngay sau đó nếu ngày 28 của tháng đó không phải là một Ngày Làm Việc) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn, bằng chứng hợp lệ từ Ngân Hàng Lưu Ký.

Except as provided in Article 4.2(b) above, or fees and expenses arising from the Depository Bank's regular purposes for its operation or service provisions, or those as agreed by the Parties (if any) shall be borne by the Depository Bank; all other fees and expenses reasonably incurred or paid by

the Depository Bank to third parties with the prior written consent of the Issuer to perform the obligations or tasks specified in the Depository Contract (if any) shall be paid (or reimbursed) by the Issuer to the Depository Bank. The aforementioned payment (or reimbursement) of the Issuer shall be made on the 28th day of the most recent month (or the immediately following Business Day if the 28th day of that month is not a Business Day) from the date the Issuer receives valid invoices and evidence from the Depository Bank.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN RESPONSIBILITY OF THE PARTIES

7.1. Trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành Responsibilities of the Issuer

Tổ Chức Phát Hành không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Ngân Hàng Lưu Ký; trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và/hoặc bồi hoàn cho Ngân Hàng Lưu Ký đối với mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng Ký Quỹ này, với tổng mức bồi thường thiệt hại/bồi hoàn không quá mức Phí Dịch Vụ.

The Issuer shall bear no responsibility to the Depository Bank; except in cases where the Issuer shall indemnify and/or reimburse the Depository Bank for all losses, damages, liabilities, penalties, costs and expenses actually incurred by the Depository Bank directly arising from the Issuer's fraudulent conduct or violation of any provisions of this Depository Contract with the total compensation/reimbursement amount not exceeding the Service Fee.

7.2. Trách nhiệm của Ngân Hàng Lưu Ký Responsibilities of the Depository Bank

Ngân Hàng Lưu Ký không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành; trừ trường hợp Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện các công việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam, khi đó Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ bồi thường và/hoặc bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ hành vi vi phạm đó với

tổng mức bồi thường thiệt hại/bồi hoàn không quá mức Phí Dịch Vụ. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành công nhận và đồng ý rằng:

The Depository Bank shall bear no responsibility to the Issuer; except in cases where the Depository Bank violates any provisions of this Depository Contract, the Principal Contract, and/or Vietnamese laws, in such cases the the Depository Bank shall indemnify and/or, reimburse the Issuer for all losses, damages, liabilities, penalties, costs and expenses actually incurred by the Issuer directly arising from such such violation, with the total compensation/reimbursement amount not exceeding the Service Fee. In addition, the Issuer acknowledges and agrees that:

- (a) Ngân Hàng Lưu Ký không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ nào ngoài các công việc và nghĩa vụ được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng Ký Quỹ này, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc quy định pháp luật Việt Nam áp dụng.

The Depository Bank shall not have any responsibilities, obligations, or duties other than the tasks and obligations clearly stipulated in this Depository Contract, the Principal Contract, and/or the applicable provisions of Vietnamese laws.

- (b) Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật Việt Nam, quyết định, phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hay quy chế của VSDC hoặc sở giao dịch chứng khoán. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc khi không/dừng thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ký Quỹ này, và phải bảo đảm phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để cùng giải quyết các hệ quả phát sinh nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Các Bên.

The Depository Bank is not required to perform any task or obligation that is contrary to any provisions of Vietnamese laws, decisions or rulings of competent State agencies, or regulations of the VSDC or stock exchange. In this case, the Depository Bank is responsible for notifying the Issuer at least five (05) Business Days in advance of not/stopping performing the tasks as agreed in this Depository Contract, and shall ensure coordination with the Issuer to resolve any arising consequences in order to minimize the damage to the Parties.

8. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT VALIDATION AND TERMINATION

8.1. Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ chấm dứt khi:

The appointment of the Depository Bank shall terminate when:

- (a) giao dịch phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ theo pháp luật Việt Nam hoặc không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tối đa 15 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền có hiệu lực và Ngân Hàng Lưu Ký đã hoàn thành việc giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm theo Điều 9 của Hợp Đồng Ký Quỹ này. Trường hợp này, việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ tự động bị chấm dứt; hoặc
the Issuer's Warrant issuance transaction is canceled in accordance with Vietnamese laws or no Warrants are issued by the Issuer within a maximum of 15 days from the effective date of the Certificate of Warrant Offering and the Depository Bank has completed the release of Depository Assets in accordance with Article 9 hereof. In this case, the appointment of the Depository Bank shall be automatically terminated; or
- (b) có lý do khách quan vượt quá tầm kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký dẫn đến Ngân Hàng Lưu Ký không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này và Ngân Hàng Lưu Ký có đề nghị chấm dứt Hợp Đồng Ký Quỹ bằng văn bản gửi Tổ Chức Phát Hành. Ngân Hàng Lưu Ký chỉ chấm dứt Hợp Đồng Ký Quỹ này khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được một ngân hàng khác để làm ngân hàng lưu ký (sau đây gọi là “**Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế**”). Trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ nhanh chóng hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành số Phí Dịch Vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký đã nhận (*tính trên số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký nhận được theo Hợp Đồng Ký Quỹ này*) tương ứng với khoảng thời gian mà Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này tính từ ngày chấm dứt cho đến Ngày Đáo Hạn. Để rõ ràng, Ngân Hàng Lưu Ký phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho đến khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.
there are objective reasons beyond the control of the Depository Bank that result in the Depository Bank not being able to continue exercising its rights and obligations under this Depository Contract and the Depository Bank send written request to the Issuer to terminate the Depository Contract. The Depository Bank shall only terminate this Depository Contract when the Issuer appoints another

bank to be the depository bank (hereinafter referred to as the “**Alternate Depository Bank**”). In this case, the Depository Bank shall promptly refund the Issuer the amount of the Service Fee received by the Depository Bank (*calculated based on the amount received by the Depository Bank under this Depository Contract*) corresponding to the period during which the Depository Bank is not required to perform its obligations under this Depository Contract, starting from the termination date until the Expiry Date. For the avoidance of doubt, the Depository Bank shall continue to perform its obligation under this Depository Contract until the Issuer’s appointment of the Alternate Depository Bank.

Khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế, Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản thông báo đến Ngân Hàng Lưu Ký, và Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Phí Dịch Vụ theo Điều 8.1(b) trên đây, giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao lại quyền, nghĩa vụ cho Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.

When the Issuer appoints the Alternate Depository Bank, the Issuer sends a written notice to the Depository Bank, and the Depository Bank shall refund the Service Fee in accordance with Article 8.1(b) above, release the Depository Assets and carry out all other necessary procedures to transfer rights and obligations to the Alternate Depository Bank.

8.2. Hợp Đồng Ký Quỹ này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

This Depository Contract shall take effect from the signing date and shall be terminated upon the occurrence of any of the following events:

- (a) Chấm dứt trong trường hợp việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký chấm dứt theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng Ký Quỹ này;
The appointment of the Depository Bank terminates in accordance with the provisions of Article 8.1 of this Depository Contract;
- (b) Khi các Chứng Quyền được mua lại toàn bộ theo Bản Cáo Bạch để hủy niêm yết theo quy định hoặc mọi Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Chứng Quyền đã được thực hiện đầy đủ tại Ngày Đáo Hạn;

When the Warrants are fully redeemed according to the Prospectus for delisting as prescribed or when all Payment Obligations under the Warrants have been fully performed at the Expiry Date;

- (c) Theo thỏa thuận của Các Bên; hoặc
As agreed by the Parties; or
- (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc Hợp Đồng Ký Quỹ này (nếu có).
Other cases as prescribed by Vietnamese laws, the Principal Contract and/or this Depository Contract (if any).

Để tránh hiểu nhầm, nếu Hợp Đồng Ký Quỹ chấm dứt trong thời hạn của Chứng Quyền, Các Bên có trách nhiệm phối hợp và nhanh chóng chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế tương tự như quy định tại Điều 8.1(b) nêu trên. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành thủ tục chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.

For the avoidance of doubt, if this Depository Contract is terminated during the validity term of the Warrants, the Parties shall be responsible for coordinating and promptly appointing the Alternate Depository Bank in a manner similar to Article 8.1(b) above. The Depository Bank shall continue to perform its obligations under this Depository Contract until the Issuer completes the procedures for appointing the Alternate Depository Bank.

9. GIẢI TỎA TÀI SẢN BẢO ĐẢM RELEASE OF THE DEPOSITORY ASSETS

- 9.1. Theo đề nghị bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhanh chóng giải tỏa các Tài Sản Bảo Đảm trong các trường hợp sau:

Upon written request of the Issuer, the Depository Bank shall carry out the necessary procedures to promptly release the Depository Assets in the following cases:

- (a) Đợt chào bán Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ;
The Issuer's Warrants offering is canceled;

- (b) Không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành tạo lập và phát hành sau 15 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền cấp bởi UBCKNN có hiệu lực;
No Warrants will be created and issued by the Issuer after 15 days from the effective date of the Certificate of Warrant Offering issued by the SSC;
- (c) Chứng Quyền liên quan bị hủy niêm yết;
The relevant Warrants were delisted;
- (d) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp Chứng Quyền không có lãi, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
On the day after the Expiry Date, if the Warrants are not profitable, the Issuer has no payment obligation to the Warrant Holders;
- (e) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp Chứng Quyền Có Lãi,
On the day after the Expiry Date, if the Warrants are In-the-money Warrants,
- (i) Ngân Hàng Lưu Ký nhận được văn bản xác nhận của UBCKNN hoặc VSDC hoặc sở giao dịch chứng khoán việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền; hoặc
the Depository Bank receives written confirmation from the SSC or the VSDC or the stock Exchange that the Issuer has fully fulfilled its Payment Obligations to the Warrants Holders;
or
- (ii) Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký hồ sơ chứng minh được việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và được Ngân Hàng Lưu Ký chấp thuận.
the Issuer provides the Depository Bank with documents proving that the Issuer has fully fulfilled its Payment Obligations to the Warrant Holders and is approved by the Depository Bank

- (f) Tổ Chức Phát Hành sử dụng Tài Sản Bảo Đảm tại Ngân Hàng Lưu Ký theo Hợp Đồng Ký Quỹ này để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
The Issuer uses the Depository Assets at the Depository Bank under this Depository Contract to exercise the rights of the Warrant Holders;
- (g) Một phần Tài Sản Bảo Đảm bị rút bớt theo các Điều 2.4(b) và (e), hoặc Tài Sản Bảo Đảm được thay thế theo Điều 2.4(c) Hợp Đồng Ký Quỹ này; hoặc
Part of the Depository Assets is withdrawn according to Articles 2.4(b) and (e), or the Depository Assets are replaced according to Article 2.4(c) hereof; or
- (h) Hợp Đồng Ký Quỹ chấm dứt theo Điều 8.2 Hợp Đồng Ký Quỹ;
The Depository Contract is terminated under Article 8.2 hereof;
- (i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, Hợp Đồng Nguyên Tắc và/hoặc Hợp Đồng Ký Quỹ này.
Other cases as prescribed by Vietnamese laws, the Principal Contract, and/or this Depository Contract.

9.2. Thủ tục giải tỏa
Release procedures

Tổ Chức Phát Hành gửi Ngân Hàng Lưu Ký đề nghị giải tỏa Tài Sản Bảo Đảm và các tài liệu, hồ sơ cần thiết và hợp lý liên quan đến thủ tục giải tỏa, đảm bảo tuân thủ các quy định của UBCKNN và/hoặc VSDC.
The Issuer sends to the Depository Bank a request for the release of the Depository Assets, and necessary and reasonable documents and records related to the release procedures in accordance with regulations of the SSC and/or the VSDC.

10. THÔNG BÁO
NOTICE

- 10.1.** Bất kỳ thông báo và trao đổi thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này được một Bên gửi cho Bên kia phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và sẽ được gửi bởi người đưa thư/giao tận tay, thư bảo đảm, chuyển phát nhanh, fax hoặc thư điện tử (email) đến địa chỉ người nhận dự kiến.

Any notices and communication made under this Depository Contract by one Party to the other Party shall be in writing in Vietnamese and shall be delivered by the mailman/hand delivery, registered mail, courier, fax or electronic mail (email) addressed to the intended recipient address.

10.2. Chi tiết thông tin liên lạc của Các Bên để nhận tất cả các thông báo và trao đổi liên quan đến Hợp Đồng Ký Quỹ này như sau:

Contact details of the Parties to receive all notices and communication in connection with this Depository Contract are as follows:

<p><u>Gửi tới Tổ Chức Phát Hành</u> Send to the Issuer</p>	<p>: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank Maybank Securities Limited Địa chỉ: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Address: VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Người nhận: Bà Hoàng Ngọc Trâm và/hoặc Ông Nguyễn Thành Trung Recipient: Ms. Hoang Ngoc Tram and/or Mr. Nguyen Thanh Trung Email: tram.hoang@maybank.com, trung.nguyen@maybank.com và (and) ECD.MSVN@maybank.com Điện thoại (Phone): (84) 28 44 555 888 (ext 8028)</p>
<p><u>Gửi tới Ngân Hàng Lưu Ký</u> Send to the Depository Bank</p>	<p>: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Address: No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCOSố 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Người nhận: Bà Nguyễn Thị Song Hoanh</p>

	Recipient: Ms. Nguyen Thi Song Hoanh Email: hoanhnts@bidv.com.vn Điện thoại (Phone): 0909940055
--	--

10.3. Trừ khi được quy định tại Điều 10.4 dưới đây, mọi thông báo và thông tin liên lạc được thực hiện theo Hợp Đồng Ký Quỹ này từ một Bên sẽ được coi là đã được Bên kia nhận như sau:

Except as provided in Article 10.4 below, any notices and communication in connection with this Depository Contract from one Party shall be deemed to be received by the other Party as follows:

- (a) tại thời điểm nhận nếu được giao bởi người đưa thư theo hình thức báo phát/giao tận tay có biên nhận;
at the time of delivery if they are delivered by mailman/hand delivery with return receipt;
- (b) nếu gửi qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh có bảo đảm, tại thời điểm Bên nhận ký vào biên nhận giao thư;
if delivered by post/courier, at the time the receiving Party signs the delivery receipt;
- (c) nếu gửi bằng thư điện tử (email), khi thư điện tử (email) xác nhận “Đã gửi” và không có phản hồi “Tin nhắn chưa được gửi”; hoặc
if delivered by electronic mail (email), by the time that the electronic mail (email) confirms “Sent” and there is no response of “Undelivered message”; or
- (d) nếu gửi bằng fax, khi gửi đến số fax của Bên nhận, với điều kiện máy fax của Bên gửi đã báo cáo rằng thông báo đã được gửi thành công.
if delivered via facsimile, when delivered to the fax number of the receiving Party, provided that the delivering fax machine of the sending Party has reported that the notification has been sent successfully.

10.4. Tất cả các thông báo và thông tin liên lạc được đưa ra theo Điều 10.3 nêu trên nhưng được nhận vào một ngày không phải Ngày Làm Việc hoặc sau giờ làm việc (sau 05:00 chiều) tại nơi nhận sẽ chỉ được xem như được gửi vào Ngày Làm Việc tiếp theo tại nơi đó.

All notices and communication made under Article 10.3 above but received on a day other than a Business Day or after business hours (after 5.00pm) at the place of destination shall be deemed to have been given only on the next Business Day at that place.

- 10.5.** Bất kỳ Bên nào cũng có thể thay đổi hoặc bổ sung chi tiết liên hệ nêu trên hoặc chỉ định địa chỉ bổ sung cho mục đích của điều khoản này bằng cách gửi cho Bên kia thông báo bằng văn bản trước ba (03) Ngày Làm Việc về chi tiết liên hệ mới theo cách nêu trên.

Any Party may change or supplement the contact details set forth above, or designate additional addresses for the purposes of this Article by giving the other Party three (03) Business Days prior written notice of the new contact details in the manner set forth above.

11. SỬA ĐỔI REVISION

Hợp Đồng Ký Quỹ này chỉ có thể được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp và con dấu của Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.

This Depository Contract may only be amended if such amendment is made in writing and signed by the duly representatives and the seal of the Issuer and the Depository Bank.

12. CHUYỂN GIAO VÀ KẾ THỪA ASSIGNMENT AND SUCCESSOR

- 12.1.** Không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng hoặc kế nhiệm được cho phép cụ thể theo Hợp Đồng Ký Quỹ này.

Neither Party may assign or transfer any of its rights or obligations hereunder in whole or in part to any third party without the prior written consent of the other Party, except for such transfer, or assignment, or succession as specifically permitted under this Depository Contract.

- 12.2.** Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ mở rộng và có hiệu lực ràng buộc đối với các bên thừa kế, bên kế nhiệm, và bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao tương ứng của Các Bên mà Các Bên có quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền

và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này. Theo đó, các bên thừa kế, bên kế nhiệm, và bên nhận chuyển nhượng/chuyển giao nêu trên được quyền hưởng các lợi ích và có các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng Ký Quỹ này.

This Depository Contract shall extend to and be binding upon the Parties's respective heirs, successors, and assignees/transferees to whom the Parties are entitled to assign or transfer their rights or obligations under this Depository Contract. Accordingly, the aforementioned heirs, successors, and assignees/transferees are entitled to enjoy the benefits and have obligations under the provisions of this Depository Contract.

13. BẤT KHẢ KHÁNG FORCE MAJEURE

13.1. “Sự Kiện Bất Khả Kháng” có nghĩa là bất kỳ sự kiện khách quan nào nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý, không thể lường trước được của Bên bị ảnh hưởng làm cho Bên bị ảnh hưởng hoặc hai Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp như: (i) sự hư hỏng đường truyền, hư hỏng phương tiện máy tính, hư hỏng thiết bị/phương tiện kết nối, lỗi hệ thống, các sự cố liên quan đến tấn công mạng, tấn công hệ thống, tấn công lấy cắp/xóa dữ liệu, mất kết nối đường truyền internet hay đường truyền cáp quang có tính hệ thống; (ii) sở giao dịch chứng khoán, VSDC, hoặc bên có liên quan gặp sự cố (bao gồm cả sự cố của hệ thống giao dịch) trong khi thực hiện nghĩa vụ của bên đó; (iii) bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động và các ngưng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh hoặc thiên tai khác; (iv) sự ngăn cấm hay hành động của Chính phủ hoặc cơ quan Nhà nước; (v) bản án, sự thay đổi chỉ thị, quy định, luật, sắc lệnh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sở giao dịch chứng khoán, VSDC. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi trường hợp nghĩa vụ thanh toán của một Bên cho Bên còn lại không được miễn trừ bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.

“**Force Majeure Event**” means any objective event beyond the reasonable control and unforeseen ability of the affected Party that makes it impossible for the affected Party or both Parties to perform their obligations under this Depository Contract, including but not limited to: (i) damage to transmission lines, damage to computer instrument, damage to connection equipment/instrument, system errors, incidents related to network attacks, system attacks, data theft/deletion attacks, systematic loss of internet connection or fiber optic cable connection; (ii) the stock exchange, VSDC,

or a related party encounters technical problems (including problems with the trading system) while performing that its obligations: (iii) riots, wars, hostilities, strikes, labor disputes and other work stoppages, public utilities being stopped or obstructed, fires, floods, earthquake, tsunami, epidemic or other natural disasters; (iv) prohibitions or actions of the Government or State agencies; (v) judgments, changes in directives, regulations, laws, or decrees of competent State agencies, the stock exchange, the VSDC. For the avoidance of doubt, in all cases, a Party's payment obligations to the other Party shall not be waived by a Force Majeure Event.

- 13.2.** Ngân Hàng Lưu Ký sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng Ký Quỹ này hoặc việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Ký Quỹ này, nếu vi phạm đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng, với điều kiện là Ngân Hàng Lưu Ký đã áp dụng các biện pháp cần thiết cũng như đã sử dụng các khả năng được phép mà vẫn không khắc phục được Sự Kiện Bất Khả Kháng.

The Depository Bank shall not be liable to the Issuer for any if such breach is due to, for hindrance or delay in the provision of services under this Depository Contract or the performance of all or part of its obligations under this Depository Contract, if such breach is due to the Force Majeure Event provided that the Depository Bank had applied the necessary measures and used the permitted capabilities but still could not overcome the Force Majeure Event.

- 13.3.** Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Ngân Hàng Lưu Ký phải nhanh chóng thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về Sự Kiện Bất Khả Kháng và phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để có thể giảm thiểu tổn thất mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu do Sự Kiện Bất Khả Kháng đó gây ra. Sau khi Sự Kiện Bất Khả Kháng chấm dứt, với điều kiện là Hợp Đồng Ký Quỹ này vẫn còn hiệu lực, thì Ngân Hàng Lưu Ký vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Hợp Đồng Ký Quỹ này.

When a Force Majeure Event occurs, the Depository Bank must promptly notice the Issuer of the Force Majeure Event and is obliged to apply reasonable measures to minimize the loss suffered by the Issuer caused by the Force Majeure Event. After the Force Majeure Event has ended, as long as this Depository Contract is still valid, the Depository Bank must continue to perform its obligations in accordance with the provisions of this Depository Contract.

- 13.4. Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Ngân Hàng Lưu Ký về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các công việc như được nêu tại Hợp Đồng Ký Quỹ này hoặc việc không thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình nếu việc vi phạm đó là do Sự Kiện Bất Khả Kháng.

The Issuer shall not be liable to the Depository Bank for any action required to be performed is not performed or is improperly performed, for hindrance or delay in carrying out the tasks as set out in this Depository Contract or the failure to perform all or part of its obligations if such breach is due to Force Majeure Event.

14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION

- 14.1. Hợp Đồng Ký Quỹ này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

This Depository Contract shall be governed and interpreted according to Vietnamese laws.

- 14.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng Ký Quỹ này ("**Tranh Chấp**") phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa Các Bên. Trong trường hợp Tranh Chấp không thể giải quyết được trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Tranh Chấp đó phát sinh, Tranh Chấp sẽ được đưa ra và giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("**VIAC**") theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm đó.

Any dispute arising out of or in connection with this Depository Contract ("**Dispute**") shall be resolved on the basis of equal negotiation between the Parties. In case the Dispute cannot be settled within thirty (30) days from the date on which such Dispute arises, such Dispute shall be referred to and finally settled by arbitration at the Vietnam International Arbitration Center beside the Vietnam Chamber of Commerce and Industry ("**VIAC**") according to its Rules of Arbitration for the time being in force.

- (a) Hội đồng trọng tài bao gồm ba (03) trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC;

The arbitral tribunal shall comprise of three (03) arbitrators who are appointed in accordance with VIAC's Rules of Arbitration:

- (b) Địa điểm tổ tụng là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
The place of arbitration shall be Ho Chi Minh City, Vietnam;
- (c) Ngôn ngữ tổ tụng trọng tài là tiếng Việt; và
The language for arbitration proceedings shall be Vietnamese; and
- (d) Phán quyết của trọng tài sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với các Bên.
The arbitration award shall be final and binding on the Parties.

14.3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Hợp Đồng Ký Quỹ này phải tiếp tục được thực hiện trên mọi phương diện ngoại trừ nội dung tranh chấp đang được trọng tài phân xử.

During the dispute settlement process, this Depository Contract shall continue being performed in all aspects except for the disputed part which is under arbitration.

14.4. Phí trọng tài sẽ được thanh toán theo quyết định của hội đồng trọng tài.

Arbitration fees shall be borne as determined by the arbitral tribunal.

15. NGÔN NGỮ LANGUAGE

Hợp Đồng Ký Quỹ này được lập thành ba (03) bản gốc song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ một (01) bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ một (01) bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp một (01) bản gốc đến UBCKNN. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt của Hợp Đồng Ký Quỹ này thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Depository Contract is made into three (03) bilingual originals in Vietnamese and English, with equal validity. The Issuer keeps one (01) original, the Depository Bank keeps one (01) original, and the Issuer submits one (01) original to the SSC. In case of any discrepancy between the English language and the Vietnamese language of this Depository Contract, the Vietnamese language shall prevail.

*(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)
(The remaining of this page is intentionally left blank)*



Handwritten mark

PHỤ LỤC 1
APPENDIX 1

(Đính kèm Hợp Đồng Kỳ Quỹ Bảo Đám Thanh Toán số 5052L/2026-HĐKQ.MSVN ngày 05 tháng 05 năm 2026)
(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. 05052L/2026-HĐKQ.MSVN dated 05 May 2026)

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
WARRANTS INFORMATION

Tên chứng quyền Warrant name	Mã chứng khoán cơ sở Code of the underlying securities	Loại chứng quyền Warrant type	Phương thức thực hiện chứng quyền Exercise method	Kiểu thực hiện Exercise style	Thời hạn Tenure	Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio	Số lượng chứng quyền phát hành Number of warrants offered	Khoảng giá chào bán (VND/Chứng quyền) Expected offering price (VND/Warrant)	Số tài khoản nhận tiền đặt mua IPO IPO account	Số tiền ký quỹ ban đầu (VND) Initial Depository value
FPT/MSVN/10M/0126	FPT	Chứng quyền mua Call warrant	Thanh toán bằng tiền Cash-settled	Chứng quyền mà Người sở hữu	10 tháng 10 months	10:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86500042462	12.000.000.000
HPG/MSVN/7M/0126	HPG			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	7 tháng 7 months	4:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86000042464	12.000.000.000
HPG/MSVN/10M/0226	HPG			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	10 tháng 10 months	4:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86700042467	12.000.000.000
LPB/MSVN/7M/0126	LPB			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	7 tháng 7 months	6:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86400042466	12.000.000.000
LPB/MSVN/10M/0226	LPB			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	10 tháng 10 months	6:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86200042465	12.000.000.000
MSN/MSVN/7M/0126	MSN			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	7 tháng 7 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86200059533	12.000.000.000
MSN/MSVN/10M/0226	MSN			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	10 tháng 10 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86200059537	12.000.000.000
MSN/MSVN/10M/0226	MSN			Chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn	10 tháng 10 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	86200059537	12.000.000.000

Tên chứng quyền Warrant name	Mã chứng khoán cơ sở Code of the underlying securities	Loại chứng quyền Warrant type	Phương thức thực hiện chứng quyền Exercise method	Kiểu thực hiện Exercise style	Thời hạn Tenure	Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio	Số lượng chứng quyền phát hành Number of warrants offered	Khoảng giá chào bán (VND/Chứng quyền) Expected offering price (VND/Warrant)	Số tài khoản nhận tiền đặt mua IPO account	Số tiền ký quỹ ban đầu (VND) Initial Depository value
MWG/MSVN/10M/0126	MWG			in which the warrant holder can only exercise the right only on the expiry date	10 tháng 10 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8640059538	12.000.000.000
STB/MSVN/7M/0126	STB				7 tháng 7 months	6:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8640059540	12.000.000.000
STB/MSVN/10M/0226	STB				10 tháng 10 months	6:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8650059534	12.000.000.000
VHM/MSVN/7M/0126	VHM				7 tháng 7 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8660059539	12.000.000.000
VHM/MSVN/10M/0226	VHM				10 tháng 10 months	8:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8670059535	12.000.000.000
VPB/MSVN/10M/0126	VPB				10 tháng 10 months	4:1	8.000.000	1.000 – 3.000	8690059536	12.000.000.000

PHỤ LỤC 2

APPENDIX 2

(Đính kèm Hợp Đồng Kỳ Quỹ Bảo Đám Thanh Toán số 5555L/2026-HĐKQ.MSVN ngày 05 tháng 05 năm 2026)
(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. 72026 - HĐKQ.MSVN dated 05 May 2026)

TÀI SẢN BẢO ĐÁM VÀ THỜI HẠN KỶ QUỸ
DEPOSITORY ASSETS AND DEPOSITORY TERM

TT No.	Số hợp đồng/ Số FDR Contract No./ FDR No.	Số tiền (VND) Value (VND)	Kỳ hạn Period	Lãi suất (%/năm) Interest Rate (%/year)	Ngày ký hợp đồng Contract signing date	Ngày Đáo Hạn Expiry Date	Giá Trị Kỳ Quỹ (VND) Depository Value (VND)	Tên chứng quyền được bảo đảm Warrant name
1	93/2026/HĐTG- ĐCTC FDR:815017183093	96.000.000.000	331 ngày	7,8%/năm	04/05/2026	31/03/2027	96.000.000.000	Bảo đảm cho các chứng quyền bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0126 • Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0226 • Chứng quyền LPB/MSVN/10M/0226 • Chứng quyền MSN/MSVN/10M/0226 • Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126 • Chứng quyền STB/MSVN/10M/0226 • Chứng quyền

TT No.	Số hợp đồng/ Số FDR Contract No./ FDR No.	Số tiền (VND) Value (VND)	Kỳ hạn Period	Lãi suất (%/năm) Interest Rate (%/year)	Ngày ký hợp đồng Contract signing date	Ngày Đáo Hạn Expiry Date	Giá Trị Ký Quỹ (VND) Depository Value (VND)	Tên chứng quyền được bảo đảm Warrant name
								VHM/MSVN/10M/0226 <ul style="list-style-type: none"> • Chứng quyền VPB/MSVN/10M/0126 (Chỉ tiết tủng chứng quyền theo Danh sách tại Phụ lục 1 Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 5552/2026-HĐKQ.MSVN ngày 05 tháng 05 năm 2026) • Collateral for the covered warrants includes: Covered warrant FPT/MSVN/10M/0126 Covered warrant HPG/MSVN/10M/0226 Covered warrant LPB/MSVN/10M/0226 Covered warrant MSN/MSVN/10M/0226 • Covered warrant MWG/MSVN/10M/0126 • Covered warrant STB/MSVN/10M/0226

TT No.	Số hợp đồng/ Số FDR Contract No./ FDR No.	Số tiền (VND) Value (VND)	Kỳ hạn Period	Lãi suất (%/năm) Interest Rate (%/year)	Ngày ký hợp đồng Contract signing date	Ngày Đáo Hạn Expiry Date	Giá Trị Ký Quỹ (VND) Depository Value (VND)	Tên chứng quyền được bảo đảm Warrant name
2	92/2026/HĐTG- ĐCTC FDR:818017123472	60.000.000.000	246 ngày	7,6%/năm	29/04/2026	31/12/2026	60.000.000.000 ^{7/1}	<ul style="list-style-type: none"> Covered warrant VHM/MSVN/10M/0226 Covered warrant VPB/MSVN/10M/0126 (Details of each covered warrant are provided in the List in Appendix 1 of the Payment Guarantee Depository Contract No. <u>0552C/2026-HĐKQ.MSVN</u> dated <u>05 May, 2026.</u>)
								Bảo đảm cho các chứng quyền bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0126 Chứng quyền LPB/MSVN/7M/0126 Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0126 Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126 Chứng quyền

TT No.	Số hợp đồng/ Số FDR Contract No./ FDR No.	Số tiền (VND) Value (VND)	Kỳ hạn Period	Lãi suất (%/năm) Interest Rate (%/year)	Ngày ký hợp đồng Contract signing date	Ngày Đáo Hạn Expiry Date	Giá Trị Ký Quỹ (VND) Depository Value (VND)	Tên chứng quyền được bảo đảm Warrant name
								<p>VHM/MSVN/7M/0126 (Chi tiết từng chứng quyền theo Danh sách tại Phụ lục 1 Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 05526/2026-HĐKQ.MSVN ngày 05 tháng 05 năm 2024.) Collateral for the covered warrants includes:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Covered warrant HPG/MSVN/7M/0126 • Covered warrant LPB/MSVN/7M/0126 • Covered warrant MSN/MSVN/7M/0126 • Covered warrant STB/MSVN/7M/0126 • Covered warrant VHM/MSVN/7M/0126 <p>(Details of each covered warrant are provided in the List in Appendix 1 of the Payment Guarantee</p>

TT No.	Số hợp đồng/ Số FDR Contract No./ FDR No.	Số tiền (VND) Value (VND)	Kỳ hạn Period	Lãi suất (%/năm) Interest Rate (%/year)	Ngày ký hợp đồng Contract signing date	Ngày Đáo Hạn Expiry Date	Giá Trị Ký Quỹ (VND) Depository Value (VND)	Tên chứng quyền được bảo đảm Warrant name
								Depository Contract No. 05626/2026-HDKQ.MSVN dated 05 May 2026.
	TỔNG TOTAL						156.000.000.000	

Tổng Giá Trị Ký Quỹ bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ đồng

Total Depository Value in words: One hundred fifty-six billion Vietnamese Dong.

**PHỤ LỤC 3
APPENDIX 3**

(Đính kèm Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 050526./2026 – HDKQ.MSVN ngày 05... tháng 05... năm 2026.)

(Attached to Payment Guarantee Depository Contract no. 050526./2026 – HDKQ.MSVN dated 05. May 2026)

**MẪU THỎA THUẬN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN
FORM OF AGREEMENT TO AMEND THE PAYMENT GUARANTEE
DEPOSITORY CONTRACT**

THỎA THUẬN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN (sau đây gọi là “**Thỏa Thuận Sửa Đổi**”) được lập vào ngày [] bởi và giữa:

AGREEMENT TO AMEND THE PAYMENT GUARANTEE DEPOSITORY CONTRACT (hereinafter referred to as the “**Amendment Agreement**”) is entered into on [date] by and between:

A. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Địa chỉ : VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 05 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp số 0305367563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép thành lập và hoạt động : Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Điện thoại : (84) 28 44 555 888

Fax : (84) 28 38 271 030

Người đại diện : Nguyễn Võ Văn Hà Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Văn bản ủy quyền : Quyết định ủy quyền số /QĐ-MSVN ngày của Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank

*(Sau đây gọi là “**Bên A**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”)*

A. MAYBANK SECURITIES LIMITED

Address : VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 05 Le Quy Don Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Enterprise Registration : Enterprise Registration Certificate no. 0305367563 issued by
Certificate the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh
City for the first time on 14 December 2007 (amended and
supplemented from time to time)

Establishment and : License for establishment and operation no. 117/GP-UBCK
operation license issued by the State Securities Commission of Vietnam on 03
January 2014 and its amendments from time to time

Phone : (84) 28 44 555 888

Fax : (84) 28 38 271 030

Representative : Nguyen Vo Van Ha Position: Chief Financial Officer

Authorization documents : Authorization decision No. /QĐ-MSVN dated by
the Chief Executive Officer – Legal representative of
Maybank Securities Limited

và
and

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ : 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11
Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số
0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố
Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2004
(được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán : Quyết định số 16/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003

Điện thoại : (84) 28 38 218 812

Fax : (84) 28 39 144 714

Người đại diện : [] Chức vụ: Phó Giám đốc

Văn bản ủy quyền : Quyết định ủy quyền số /QĐ-BIDV ngày tháng
năm của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp
luật của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát
triển Việt Nam

(Sau đây gọi là “**Bên B**” hoặc “**Ngân Hàng Lưu Ký**”)

B. JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

Address : No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCO building No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Enterprise Registration Certificate : Enterprise Registration Certificate no. 0100150619-079 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 29 November 2004 (amended and supplemented from time to time)

Certificate of securities depository registration : Decision No. 16/GPHDLK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003

Phone : (84) 28 38 218 812

Fax : (84) 28 39 144 714

Representative : Position: Deputy Director

Authorization documents : Authorization decision No. /QD-BIDV dated by the General Director – Legal representative of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam

(Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi “Bên” và gọi chung là “Các Bên”).

(The Issuer and the Depository Bank are hereinafter referred to individually as each “Party” and collectively as the “Parties”).

CƠ SỞ XÁC LẬP THỎA THUẬN SỬA ĐỔI:

BASIS FOR ESTABLISHING THE AMENDMENT AGREEMENT:

(A) Các Bên đã ký kết Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số [•] vào ngày [•] tháng [•] năm [•] (“**Hợp Đồng Ký Quỹ**”) quy định về việc Tổ Chức Phát Hành ký quỹ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với các Chứng Quyền (thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng Ký Quỹ).

The Parties have entered into the Payment Guarantee Depository Contract no. [•] dated [date] [month] [year] (“**Depository Contract**”) stipulating the deposit of the Issuer to secure its payment obligations related to the Warrants (details specified in Appendix 1 of the Depository Contract).

(B) Hiện nay, Các Bên thỏa thuận và chấp thuận những nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng Ký Quỹ như được quy định cụ thể tại Thỏa Thuận Sửa Đổi này.

Now, the Parties discuss and agree on the amendments and supplements to the Depository Contract as specifically outlined in this Amendment Agreement.

DO ĐÓ, CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

THEREFORE, THE PARTIES AGREE as follows:

**1. GIẢI THÍCH
INTERPRETATION**

1.1. Trừ trường hợp được định nghĩa khác một cách rõ ràng trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này có nghĩa tương tự như được quy định tại Hợp Đồng Ký Quỹ.

Unless otherwise explicitly defined in this Amendment Agreement, the capitalized terms used in this Amendment Agreement shall have the same meaning as defined in the Depository Contract.

1.2. Các quy định tại Điều 1.2 (Giải thích) của Hợp Đồng Ký Quỹ được áp dụng cho Thỏa Thuận Sửa Đổi này như thể đã được quy định đầy đủ trong Thỏa Thuận Sửa Đổi này, ngoại trừ các dẫn chiếu trong Thỏa thuận Sửa Đổi đến “Hợp Đồng Ký Quỹ này” sẽ được hiểu là các dẫn chiếu đến Hợp Đồng Ký Quỹ mà đã bao gồm các sửa đổi của Thỏa Thuận Sửa Đổi này.

The provisions of Article 1.2 (Explanation) of the Depository Contract shall apply to this Amendment Agreement as if fully incorporated herein, except that any references in this Amendment Agreement to “this Depository Contract” shall be understood as references to the Depository Contract which has been amended by this Amendment Agreement.

**2. NỘI DUNG SỬA ĐỔI
AMENDMENTS**

2.1. Sửa đổi Điều ...
Amendments to Article...

(a) ...

(i) ...

2.2. Sửa đổi Phụ lục ...

20
13
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

Handwritten mark

Amendments to Appendix...

**3. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM
REPRESENTATIONS AND WARRANTIES**

Các Bên xác nhận rằng, vào ngày ký Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các cam đoan và bảo đảm của Các Bên như quy định tại Điều 5.1 và Điều 5.2 của Hợp Đồng Ký Quỹ:
The Parties confirm that, as of the date of signing this Amendment Agreement, the representations and warranties of the Parties as stipulated in Articles 5.1 and 5.2 of the Depository Contract:

3.1. là đúng sự thật; và
are true; and

3.2. cũng sẽ vẫn đúng nếu dẫn chiếu đến “Thỏa Thuận Sửa Đổi này” được hiểu là các dẫn chiếu đến Hợp Đồng Ký Quỹ được sửa đổi bằng Thỏa Thuận Sửa Đổi này.
shall remain true if references to “this Amendment Agreement” are interpreted as references to the Depository Contract which has been amended by this Amendment Agreement.

**4. QUY ĐỊNH KHÁC
OTHER PROVISIONS**

4.1. Ngoại trừ các điều khoản được điều chỉnh tại Thỏa Thuận Sửa Đổi này, các điều khoản khác của Hợp Đồng Ký Quỹ sẽ vẫn giữ nguyên đầy đủ hiệu lực. Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Sửa Đổi này, Thỏa Thuận Sửa Đổi này là một phần không tách rời của Hợp Đồng Ký Quỹ, theo đó Hợp Đồng Ký Quỹ và Thỏa Thuận Sửa Đổi này sẽ được hiểu và diễn giải như là một văn bản duy nhất.

Except for the articles amended by this Amendment Agreement, other articles of the Depository Contract shall remain in full force and effect. From the signing date of this Amendment Agreement, this Amendment Agreement shall form an integral part of the Depository Contract, accordingly the Depository Contract together with this Amendment Agreement shall be construed and interpreted as a single document.

- 4.2. Thỏa Thuận Sửa Đổi này được lập thành ba (03) bản gốc song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ một (01) bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ một (01) bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp một (01) bản gốc đến UBCKNN. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt của Thỏa Thuận Sửa Đổi này thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Amendment Agreement is made into three (03) bilingual originals in Vietnamese and English, with equal validity. The Issuer keeps one (01) original, the Depository Bank keeps one (01) original, and the Issuer submits one (01) original to the SSC. In case of any discrepancy between the English language and the Vietnamese language of this Amendment Agreement, the Vietnamese language shall prevail.

- 4.3. Thỏa Thuận Sửa Đổi này đã được ký và có hiệu lực vào ngày ký được nêu tại phần đầu của Thỏa Thuận Sửa Đổi này.

This Amendment Agreement is duly signed and becomes effective on the signing date stated at the beginning of this Amendment Agreement.

CÁC BÊN KÝ KẾT
SIGNING PARTIES

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
ISSUER

NGÂN HÀNG LƯU KÝ
DEPOSITORY BANK

Họ và tên (Full Name):.....
Chức vụ (Position):

Họ và tên (Full Name):.....
Chức vụ (Position):.....



Handwritten signature



SAO Y BẢN CHÍNH

Maybank
Investment Bank



Kim Thiên Quang
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18. tháng 12. năm 2025

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

MỤC LỤC

Điều 1.	Giải thích thuật ngữ	4
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật	5
Điều 4.	Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5.	Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty	6
Điều 6.	Nguyên tắc hoạt động	7
Điều 7.	Vốn điều lệ	9
Điều 8.	Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ	9
Điều 9.	Chủ sở hữu của Công ty	9
Điều 10.	Quyền của Chủ sở hữu	9
Điều 11.	Nghĩa vụ của Chủ sở hữu	10
Điều 12.	Cơ cấu tổ chức quản trị	10
Điều 13.	Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên	10
Điều 14.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên	11
Điều 15.	Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên	12
Điều 16.	Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích của thành viên Hội đồng thành viên	12
Điều 17.	Chủ tịch Hội đồng thành viên	13
Điều 18.	Cuộc họp Hội đồng thành viên	14
Điều 19.	Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	15
Điều 20.	Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên	15
Điều 21.	Biên bản họp Hội đồng thành viên	16
Điều 22.	Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Thành viên	16
Điều 23.	Phòng Kiểm toán nội bộ của Hội đồng thành viên	16
Điều 24.	Hoạt động quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên	17
Điều 25.	Tổ chức bộ máy quản lý	17
Điều 26.	Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc	18
Điều 27.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám Đốc	19
Điều 28.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	20
Điều 29.	Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	20
Điều 30.	Phòng Quản lý rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	21
Điều 31.	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	21
Điều 32.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	22

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Điều 33.	Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan	22
Điều 34.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	23
Điều 35.	Công nhân viên và Công đoàn	24
Điều 36.	Phân phối lợi nhuận	24
Điều 37.	Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	24
Điều 38.	Trích lập các quỹ theo quy định	24
Điều 39.	Tài khoản ngân hàng.....	25
Điều 40.	Năm tài chính.....	25
Điều 41.	Chế độ kế toán	25
Điều 42.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	25
Điều 43.	Báo cáo thường niên.....	26
Điều 44.	Kiểm toán	26
Điều 45.	Dấu của Công ty	26
Điều 46.	Tổ chức lại Công ty	26
Điều 47.	Giải thể	27
Điều 48.	Phá sản.....	27
Điều 49.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	27
Điều 50.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	27
Điều 51.	Ngày hiệu lực.....	28

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Hội đồng thành viên số 1812-1/25/QĐ-HĐTV ngày ..1... tháng ..12... năm 2025 (“**Điều lệ**”).

MỤC I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- (a) “**Công ty**” là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank;
 - (b) “**Chủ sở hữu**” là tổ chức sở hữu 100% Vốn điều lệ của Công ty và có thông tin như quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
 - (c) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
 - (d) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (nếu có);
 - (e) “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;
 - (f) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức có liên quan được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - (g) “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Giám Đốc Chi Nhánh;
 - (h) “**Tập đoàn MayBank**” là Malayan Banking Berhad, các chi nhánh và các công ty có liên quan của Malayan Banking Berhad;
 - (i) “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
 - (j) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - (k) “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị tài sản do Chủ sở hữu đã góp vào Công ty, đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và được quy định tại Điều 7 của Điều lệ.
- 1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
- 1.3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

**MỤC II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty

- Tên bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- Tên bằng tiếng nước ngoài: **MAYBANK SECURITIES LIMITED**

2.2. Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

2.4. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, Số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: (84 28) 44 555 888

2.5. Mạng lưới hoạt động

- (a) Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Công ty và trong phạm vi luật pháp cho phép;
- (b) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.6. Thời hạn hoạt động

Trừ khi được chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

3.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- (a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- (b) Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng thành viên của Công ty có quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- (c) Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng thành viên cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
- (d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

- 3.3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

MỤC III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển xã hội bền vững và thịnh vượng.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

- 5.1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề kinh doanh quy định tại Điều này và phù hợp với quy định pháp luật.
- 5.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty
- Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;

- Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

5.3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 5.2 nêu trên, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật mà Công ty được phép thực hiện tại từng thời điểm. Khi cung cấp các dịch vụ này, Công ty có trách nhiệm đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan (nếu có).

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng thành viên chấp thuận.

5.4. Đối với nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

- (a) Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
- (b) Căn cứ quy định của pháp luật và sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty được phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền theo quy định của pháp luật.
- (c) Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền. Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và theo nội dung bản cáo bạch của Công ty khi chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

6.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành

- (a) Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- (b) Phân định rõ trách nhiệm giữa Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- (c) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- (d) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ

- (a) Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
- (b) Ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
- (c) Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.
- (d) Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng; thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty.
- (e) Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
- (f) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - (i) Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - (ii) Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - (iii) Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - (iv) Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - (v) Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - (vi) Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- (g) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- (h) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
- (i) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
- (j) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- (k) Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- (l) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

MỤC IV. VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai nghìn hai trăm tỷ đồng*).

Điều 8. Cách thức tăng, giảm Vốn điều lệ

- 8.1. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ theo quyết định của Chủ sở hữu phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
- 8.2. Cách thức tăng Vốn điều lệ của Công ty:
 - (a) Tăng vốn góp của Chủ sở hữu;
 - (b) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới;
 - (c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm.
- 8.3. Việc giảm Vốn điều lệ do Chủ sở hữu quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

MỤC V. CHỦ SỞ HỮU

Điều 9. Chủ sở hữu của Công ty

- Tên Chủ sở hữu: **MAYBANK IBG HOLDINGS LIMITED**
- Quốc tịch: Singapore
- Giấy phép thành lập: 198900204D
- Địa chỉ trụ sở chính: 50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu

- 10.1. Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 10.2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 10.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý doanh nghiệp;
- 10.4. Quyết định các dự án đầu tư phát triển có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 10.5. Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, mua/bán tài sản và/hoặc các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 10.6. Thông qua báo cáo tài chính năm của Công ty;
- 10.7. Quyết định phát hành trái phiếu;
- 10.8. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- 10.9. Quyết định thành lập/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- giao dịch, góp vốn vào công ty khác;
- 10.10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 10.11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- 10.12. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- 10.13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- 10.14. Các quyết định khác có liên quan đến việc quản lý, điều hành công ty và không trái với các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

- 11.1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn Vốn điều lệ Công ty;
- 11.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
- 11.3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;
- 11.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
- 11.5. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số Vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;
- 11.6. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 11.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

MỤC VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản trị

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên; và
- Ban Tổng Giám đốc.

MỤC VII. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 13. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên

- 13.1. Hội đồng thành viên gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó có tối thiểu 01

(một) thành viên độc lập. Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 03 (ba) năm.

- 13.2. Chủ sở hữu Công ty có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên bất cứ khi nào cần thiết. Hội đồng thành viên có thể được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

14.1. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải có được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

14.2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 14.3 Điều lệ, Hội đồng thành viên được nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này, đồng thời Hội đồng thành viên có thẩm quyền:

- (a) Soát xét/đánh giá/khuyến nghị (nếu có) phạm vi chương trình, quy trình kiểm toán nội bộ, kết quả kiểm toán nội bộ cũng như các biện pháp khắc phục đã thực hiện có phù hợp với các đề xuất của Kiểm toán nội bộ hay không;
- (b) Đánh giá hiệu quả hoạt động, xem xét việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc Kiểm toán nội bộ;
- (c) Xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên Kiểm toán nội bộ bao gồm các vấn đề về lương thưởng và tăng lương;
- (d) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Tổng Giám đốc;
- (e) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- (f) Đánh giá, xem xét và ra quyết định kết thúc đối với các vụ việc tố cáo vi phạm; và/hoặc đánh giá, xem xét và ra quyết định các bước kết thúc điều tra đối với các vụ việc tố cáo vi phạm và đưa ra các khuyến nghị khi cần thiết.
- (g) Đảm bảo bộ chiến lược của Công ty hỗ trợ tạo ra giá trị lâu dài và bao gồm các chiến lược về việc xem xét, củng cố bộ tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị bao gồm các cơ hội và rủi ro tương ứng liên quan đến bộ tiêu chuẩn này.
- (h) Các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

14.3. Các vấn đề sau đây phải do Chủ sở hữu Công ty quyết định:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- (a) Quyết định cơ cấu tổ chức quản trị chung của Công ty;
- (b) Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- (c) Quyết định góp vốn vào công ty khác;
- (d) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
- (e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- (f) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn Vốn điều lệ Công ty;
- (g) Các vấn đề khác theo quy định pháp luật phải do Chủ sở hữu Công ty quyết định (nếu có).

14.4. Các quyền và nghĩa vụ khác do Chủ sở hữu quy định phù hợp với pháp luật.

Điều 15. Tiêu chuẩn Hội đồng thành viên

15.1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
- (c) Thành viên Hội đồng thành viên không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc (giám đốc) của công ty chứng khoán khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

15.2. Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Điều 15.1 nêu trên, thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- (a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- (b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản thù lao, phụ cấp mà thành viên Hội đồng thành viên được hưởng theo quy định;
- (c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Người quản lý doanh nghiệp của Công ty hoặc người quản lý công ty con của Công ty.

Thành viên độc lập Hội đồng thành viên phải thông báo ngay với Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng thành viên kể từ ngày không đáp ứng đủ bất kỳ tiêu chuẩn nào. Chủ sở hữu sẽ bổ nhiệm thành viên độc lập Hội đồng thành viên khác đáp ứng các tiêu chuẩn trên để thay thế.

Điều 16. Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích của thành viên Hội đồng thành viên

16.1. Chủ sở hữu Công ty quyết định mức thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của

thành viên Hội đồng thành viên.

- 16.2. Thù lao, trợ cấp hợp và lợi ích khác (nếu có) của Hội đồng thành viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các quy định khác có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng thành viên

- 17.1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm.
- 17.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- 17.3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là 03 (ba) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 17.4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:
- (a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - (c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - (d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - (e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên, biên bản kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên và các giấy tờ khác thuộc thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
 - (f) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
- 17.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều 17.6. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số cho đến khi có các quyết định chính thức của Chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- 17.6. Nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên như sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- (a) Ủy quyền được thực hiện bằng văn bản hoặc email, thể hiện rõ họ tên của người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời gian ủy quyền;
- (b) Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng thành viên

18.1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp:

- (a) Hội đồng thành viên tổ chức họp tối thiểu 4 (bốn) lần một năm và có thể họp bất thường khi cần thiết;
- (b) Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại các địa điểm khác trong hoặc ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc có thể được tổ chức thông qua hình thức điện thoại hội nghị.

18.2. Triệu tập họp Hội đồng thành viên:

- (a) Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của bất kỳ thành viên hoặc nhóm thành viên nào của Hội đồng thành viên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.
- (b) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (c) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.
- (d) Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc các phương thức khác và được gửi trực tiếp đến thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua chiến lược phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp.
- (e) Trường hợp thành viên yêu cầu họp Hội đồng thành viên thì yêu cầu triệu tập họp và lý do họp phải bằng văn bản hoặc được gửi qua các phương tiện điện tử khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội

đồng thành viên không có đủ nội dung như quy định bên trên và/hoặc theo quy định pháp luật hiện hành thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác về việc không triệu tập họp Hội đồng thành viên cho thành viên có liên quan trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- (f) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan.

Điều 19. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

- 19.1. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng thành viên dự họp. Mỗi thành viên có 01 (một) phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.
- 19.2. Các thành viên có thể đến tham dự họp hoặc tham dự thông qua điện thoại hội nghị theo sự hướng dẫn của người triệu tập cuộc họp.

Điều 20. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

- 20.1. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện điện tử khác, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
- (a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - (b) Quyết định phương hướng phát triển Công ty;
 - (c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám Đốc Kiểm soát nội bộ, Giám Đốc Quản lý rủi ro, Giám Đốc Kiểm toán nội bộ.
 - (d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - (e) Thông qua đề xuất mở tài khoản tại các ngân hàng; các khoản vay tại các ngân hàng trong và ngoài nước;
 - (f) Quyết định thành lập/thay đổi địa điểm/đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch.
- 20.2. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, phải được ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số thành viên dự họp tán thành.
- 20.3. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại hội nghị.
- 20.4. Quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ

ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Quyết định.

- 20.5. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bởi 100% số thành viên dự họp tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.

Điều 21. Biên bản họp Hội đồng thành viên

- 21.1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới các hình thức điện tử khác.
- 21.2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 21.3. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - (b) Họ, tên của thành viên dự họp; họ và tên của thành viên không dự họp;
 - (c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận (nếu có);
 - (d) Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - (e) Các quyết định được thông qua;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của các thành viên hoặc chủ tọa cuộc họp và thư ký cuộc họp.
- 21.4. Thư ký cuộc họp và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 22. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên được quyền thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Thành viên. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn nhân sự thuộc Ủy ban Kiểm toán, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng thành viên quy định tại thời điểm thành lập.

Điều 23. Phòng Kiểm toán nội bộ của Hội đồng thành viên

- 23.1. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Phòng Kiểm toán nội bộ như sau:
- (a) Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - (b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - (c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

- (d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- (e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- (f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- (g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- (h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- (i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- (j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- (k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- (l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.
- (m) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

23.2. Yêu cầu về nhân sự của Phòng Kiểm toán nội bộ:

- (a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- (b) Giám đốc Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- (c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- (d) Có chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 24. Hoạt động quản trị rủi ro của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên cử thành viên phụ trách để hỗ trợ Hội đồng thành viên thực hiện các chức năng, nhiệm vụ về quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Tập đoàn Maybank.

MỤC VIII. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty là Ban Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng thành viên trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 26. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

- 26.1. Hội đồng Thành viên bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- 26.2. Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro, và (các) Giám đốc Khối Kinh doanh.
- 26.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc được thuê theo hợp đồng lao động với Công ty.
- 26.4. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thành viên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 26.5. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
- 26.6. Công ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám đốc và phải được Hội đồng thành viên thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - (a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - (b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - (c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng thành viên.
- 26.7. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà các vấn đề này không cần phải có quyết định của Hội đồng thành viên hay Chủ sở hữu Công ty;
 - (b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức;
 - (e) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - (f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - (g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;
 - (h) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;
 - (i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- (j) Tuyển dụng lao động;
 - (k) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty hoặc theo yêu cầu/quyết định của Hội đồng thành viên.
- 26.8. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- (a) Quyền lợi của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương căn cứ trên hợp đồng lao động và/hoặc thỏa thuận đã ký kết với Công ty. Các khoản thưởng và quyền lợi khác theo quy định của Tập đoàn Maybank.
 - (b) Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
Thực hiện trách nhiệm theo đúng các công việc được giao, theo quy định của pháp luật và của Công ty.
- 26.9. Tiền lương của các thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc

27.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 của Luật Doanh nghiệp;
- (b) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- (c) Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
- (d) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
- (e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (f) Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên hay thành viên ban giám đốc của công ty chứng khoán khác.
- (g) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

27.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Tổng Giám đốc

- (a) Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27.1 b, Điều 27.1 c và Điều 27.1 e của Điều lệ này;
- (b) Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quy định pháp luật liên quan (nếu có);
- (b) Có đơn xin từ chức;
- (c) Theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên.

Điều 29. Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

29.1. Phòng Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- (a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- (b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Công ty, và đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền của Công ty;
- (c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- (d) Giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- (e) Bảo đảm việc tách biệt tài sản của khách hàng và Công ty;
- (f) Bảo đảm việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- (g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- (h) Những nhiệm vụ về kiểm soát tuân thủ khác theo yêu cầu của Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc và Chief Compliance Officer thuộc Maybank Investment Banking Group (“MIBG”).

29.2. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận, phòng ban và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

- (a) Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- (b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
- (c) Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

- (d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.

29.3. Yêu cầu về nhân sự của Phòng Kiểm soát nội bộ:

- (a) Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
- (b) Giám đốc Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- (c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- (d) Có Chứng chỉ chuyên môn những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 30. Phòng Quản lý rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

Nhiệm vụ của Phòng Quản lý rủi ro:

- (a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- (b) Xác định rủi ro của Công ty;
- (c) Đo lường rủi ro;
- (d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện rủi ro;
- (e) Báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

MỤC IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

- 31.1. Người quản lý doanh nghiệp phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 31.2. Người quản lý doanh nghiệp và Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 31.3. Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng thành viên về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

- 31.4. Thành viên Hội đồng thành viên không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.
- 31.5. Người quản lý doanh nghiệp và những Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 31.6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 32. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 32.1. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 32.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
- 32.3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường trên.

Điều 33. Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan

- 33.1. Hợp đồng, giao dịch hoặc văn bản giữa Công ty với đối tượng được liệt kê dưới đây phải được chấp thuận theo quy định tại Điều này.
 - (a) Chủ sở hữu Công ty và Người có liên quan của Chủ sở hữu Công ty; hoặc
 - (b) Người quản lý doanh nghiệp và Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp; hoặc
 - (c) Người quản lý của Chủ sở hữu Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Chủ sở hữu Công ty và Người có liên quan của những đối tượng này.
- 33.2. Tổng Giám đốc được quyền quyết định, chấp thuận và thực hiện hợp đồng, giao dịch hoặc tài liệu khác mà Công ty được phép cung cấp dịch vụ (theo giấy phép hoặc chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Công ty) cho khách hàng là tổ chức, pháp nhân (i) thuộc Tập đoàn Maybank hoặc (ii) thuộc đối tượng được quy định tại điểm (a) Khoản 1 Điều này.

Tổng Giám đốc Công ty được quyền quyết định, chấp thuận và ký kết hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, các văn bản liên quan đến hợp đồng lao động giữa Công ty và bất kỳ cá nhân nào được quy định tại Khoản 1 Điều này.

Tổng Giám đốc được quyền quyết định, chấp thuận và thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa, sử dụng dịch vụ, khoản thanh toán thu chi hộ mà Công ty có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan căn cứ trên hồ sơ chứng từ hợp lệ giữa Công ty và bất kỳ tổ chức, pháp nhân thuộc Tập đoàn Maybank hoặc giữa Công ty và bất kỳ tổ chức, pháp nhân thuộc Tập đoàn Maybank và (các) bên khác (nếu có).

Tổng Giám đốc được quyền quyết định, phê duyệt và ký kết hợp đồng (nếu có), phụ lục hợp đồng (nếu có) và các văn bản liên quan đến các giao dịch được quy định tại Khoản 2 Điều này.

- 33.3. Trừ trường hợp đã phân quyền cho Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Hội đồng Thành viên xem xét quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này.

Tổng Giám đốc và/hoặc người đại diện Công ty ký kết hợp đồng theo Khoản 3 Điều này phải thông báo cho Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng giao dịch đó đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.

Hội đồng Thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có 01 (một) phiếu biểu quyết, trong đó người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- 33.4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
- (b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
- (c) Chủ sở hữu Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ của Chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- 33.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và Người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

MỤC X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 34. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

- 34.1. Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm toán nội bộ có quyền tra cứu sổ sách và các hồ sơ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin phải được bảo mật.

- 34.2. Công ty phải lưu giữ Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, (các) Giấy phép thành lập và hoạt động, (các) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyết định Chủ sở hữu, biên bản họp và quyết định Hội đồng thành viên, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác.
- 34.3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 35. Công nhân viên và Công đoàn

- 35.1. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động.
- 35.2. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

MỤC XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

Điều 36. Phân phối lợi nhuận

Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được chuyển vào năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 38. Trích lập các quỹ theo quy định

- 38.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
- (a) Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
 - (b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - (c) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
- 38.2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Điều 38.1 thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

- 39.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 39.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 39.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Năm tài chính

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 41. Chế độ kế toán

- 41.1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
- 41.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 41.3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam, Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 42.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 42.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- 42.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Điều 43. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 44. Kiểm toán

- 44.1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
- 44.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Hội đồng thành viên phê duyệt và được UBCKNN chấp thuận.
- 44.3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên cùng với thư quản lý (nếu có) trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

MỤC XVI. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 45. Dấu của Công ty

- 45.1. Dấu bao gồm con dấu được khắc theo quy định pháp luật hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- 45.2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổng Giám đốc quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có).
- 45.3. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan lưu giữ, sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế nội bộ của Công ty (nếu có).

MỤC XVII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 46. Tổ chức lại Công ty

- 46.1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty theo quyết định của Chủ sở hữu và chấp thuận của UBCKNN.
- 46.2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 47. Giải thể

- 47.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
- (a) Theo quyết định của Chủ sở hữu và được UBCKNN chấp thuận;
 - (b) UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 47.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài.
- 47.3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 48. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

MỤC XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 49.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, các bên liên quan cố gắng giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
- Đối với tranh chấp liên quan đến Hội đồng thành viên hay Chủ tịch Hội đồng thành viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Hòa giải Việt Nam (VMC) thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp theo Quy tắc hòa giải của Trung tâm này.
- 49.2. Trường hợp các bên liên quan không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung tâm hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để giải quyết theo Quy tắc hòa giải của Trung tâm này, trừ trường hợp pháp luật quy định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.
- 49.3. Các bên tự chịu chi phí phát sinh có liên quan tới thủ tục thương lượng, hòa giải hoặc bất kỳ thủ tục tố tụng nào. Việc thanh toán các chi phí của tòa án hoặc trọng tài được thực hiện theo phán quyết của tòa án hoặc trọng tài.

MỤC XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 50.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Công ty xem xét quyết định.

- 50.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

- 51.1. Bản Điều lệ này gồm 51 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng thành viên Công ty nhất trí thông qua vào ngày nêu tại trang đầu của Điều lệ này, và thay thế cho toàn bộ điều lệ trước đây (bao gồm cả các điều lệ sửa đổi, bổ sung).
- 51.2. Điều lệ này được lập thành 01 (một) bản chính và được lưu tại trụ sở chính của Công ty.
- 51.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



PHILIP TAN PUAY KOON

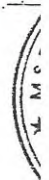
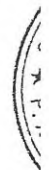


KIM THIÊN QUANG

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Chứng khoán Maybank**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 58

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014, giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 62/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2025, và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305367563 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 09 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và các hoạt động khác đã được cấp phép.

Công ty có trụ sở chính tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác vào ngày lập báo cáo này như sau:

- Chi nhánh Sài Gòn: VP-09-01, Tầng 9, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 456 Phan Xích Long, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh An Giang: Tầng 3, Tòa nhà H&T, số 204-204A, đường Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà Coalimex, số 33 Phố Tràng Thi, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 6.812.860.503.252 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các thông tư sửa đổi có liên quan quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Philip Tan Puay Koon	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2026
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2025
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2026
Ông Foong Seong Yew	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2025
Ông Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2025
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2023
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3324 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12736768/69345402

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



[Signature]
Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

[Signature]

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam **Chứng thực bản sao
đứng với bản chính**

Ngày 23 tháng 2 năm 2026

Ngày: 20-04-2026

Số chứng thực: 020091 Quyển số: 4/2026-SCT/BS
Công Chứng Viên



Hà Đức Cường

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.687.323.395.772	5.601.261.926.302
110	I. Tài sản tài chính		6.674.232.570.780	5.585.335.593.967
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	391.556.963.921	239.358.475.714
111.1	1.1 Tiền		391.556.963.921	239.358.475.714
112	2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	6.1	792.970.215.890	793.430.378.082
114	3. Các khoản cho vay	6.2	5.429.484.040.477	4.516.608.693.093
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.4	(7.129.754.677)	(7.129.754.677)
117	5. Các khoản phải thu	7	62.339.811.671	37.436.833.792
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		14.135.395.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		48.204.416.671	37.436.833.792
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		48.204.416.671	37.436.833.792
118	6 Trả trước cho người bán	7	2.357.860.876	2.197.504.365
119	7 Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	2.653.432.622	3.418.298.425
122	8 Các khoản phải thu khác	7	-	15.165.173
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		13.090.824.992	15.926.332.335
131	1. Tạm ứng		21.000.000	20.308.040
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	13.069.824.992	15.906.024.295
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		125.537.107.480	101.008.845.732
220	I. Tài sản cố định		38.702.590.977	45.548.809.517
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	27.988.470.838	31.608.374.023
222	- Nguyên giá		92.269.078.296	86.367.176.266
223a	- Giá trị hao khấu hao lũy kế		(64.280.607.458)	(54.758.802.243)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	10.714.120.139	13.940.435.494
228	- Nguyên giá		44.483.078.942	44.186.078.942
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.768.958.803)	(30.245.643.448)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	37.120.777.330	764.562.400
250	III. Tài sản dài hạn khác		49.713.739.173	54.695.473.815
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.949.993.008	5.424.864.008
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	13.215.336.584	17.162.239.871
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	12	427.785.279	2.007.954.297
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	13	30.120.624.302	30.100.415.639
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.812.860.503.252	5.702.270.772.034

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.448.800.277.814	2.450.963.459.254
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.448.675.499.228	2.450.707.280.058
311	1. Vay ngắn hạn		3.310.641.200.000	2.355.705.740.702
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	3.310.641.200.000	2.355.705.740.702
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	40.587.533.214	19.721.127.620
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	9.153.364.823	1.915.548.185
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	-	1.000.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	30.651.759.129	21.931.974.929
323	6. Phải trả người lao động		42.009.094.313	40.769.286.605
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	110.000.000
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	15.365.507.598	9.327.567.507
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		237.250.000	197.250.000
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		29.790.151	28.784.510
340	II. Nợ phải trả dài hạn		124.778.586	256.179.196
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20	124.778.586	256.179.196
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.364.060.225.438	3.251.307.312.780
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.364.060.225.438	3.251.307.312.780
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		40.646.058.094	40.646.058.094
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		40.646.058.096	40.646.058.096
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.082.768.109.248	970.015.196.590
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.065.205.150.325	954.122.385.497
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		17.562.958.923	15.892.811.093
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.812.860.503.252	5.702.270.772.034

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

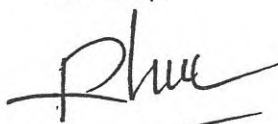
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD	22.1	4.006.098,58	5.447,42
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK	22.2	62.684.000.000	150.000.000.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) và chưa giao dịch của CTCK	22.3	478.600.000.000	601.000.000.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	22.4	3.900.000.000	8.000.000.000
018	5. Chứng quyền (số lượng)	22.5	72.052.800	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22.6	11.516.335.900.000	11.072.137.290.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng		11.129.643.180.000	10.733.057.230.000
021.2	- Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		3.943.120.000	13.870.920.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố		275.998.980.000	229.998.980.000
021.4	- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		72.245.830.000	4.156.170.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		34.504.790.000	91.053.990.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22.7	3.415.722.420.000	3.560.889.030.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.206.931.380.000	3.324.458.960.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		28.115.780.000	94.872.050.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		179.208.360.000	65.869.360.000
022.4	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		1.466.900.000	75.688.660.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	22.8	82.309.580.000	103.534.730.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của Nhà đầu tư	22.9	1.100.675.792.876	590.209.935.611
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		823.595.852.322	410.839.622.231
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		140.310.897.348	12.074.700.965
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		136.769.043.206	167.295.612.415
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		135.923.265.129	167.291.882.242
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		845.778.077	3.730.173
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.10	1.100.675.792.876	590.209.935.611
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.089.375.057.705	564.052.888.623
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.300.735.171	26.157.046.988

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2026

Người lập:



Người kiểm soát:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Người phê duyệt:



Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23.1	139.551.146.009	61.671.361.575
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		29.929.895.644	4.490.515.000
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		16.942.605.728	15.499.019.182
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		89.955.354.156	41.681.827.393
01.4	1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		2.723.290.481	-
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.1	470.458.357.352	472.991.076.046
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.2	260.012.466.760	216.784.317.711
07	4. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.2	7.489.973	12.372.847.740
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.2	5.653.539.157	5.020.071.928
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.2	2.909.090.909	7.554.131.885
11	7. Thu nhập hoạt động khác	23.2	12.324.501.162	9.238.126.093
20	Cộng doanh thu hoạt động		890.916.591.322	785.631.932.978
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23.1	71.017.256.271	17.049.080.940
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		68.905.427.181	16.839.580.940
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh lại các tài sản tài chính FVTPL		605.536.234	209.500.000
21.4	1.3 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		1.506.292.856	-
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	157.271.401.906	141.438.547.331
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	214.967.931.085	190.340.511.368
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		9.090.377.059	9.013.875.844
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		13.822.727.211	13.635.439.476
40	Cộng chi phí hoạt động		466.169.693.532	371.477.454.959
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		1.236.416.821	24.923.913.525
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		5.196.251.484	5.062.662.244
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	6.432.668.305	29.986.575.769

MINH *

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		228.648.719.207	272.213.645.025
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		27.069.377.859	67.495.142.283
03	- Khấu hao tài sản cố định	8, 9	13.162.890.068	10.847.551.201
05	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(8.891.804)	(603.291.911)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(95.151.605.640)	(46.744.489.637)
08	- Dự thu tiền lãi		(48.204.416.671)	(37.436.833.792)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		157.271.401.906	141.432.206.422
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		2.111.829.090	209.500.000
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		2.111.829.090	209.500.000
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(14.219.315.247)	(15.499.019.182)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(14.219.315.247)	(15.499.019.182)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		243.610.610.909	324.419.268.126
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		12.567.648.349	(778.140.858.900)
32	Giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	407.704.767.121
33	Tăng các khoản cho vay		(912.875.347.384)	(255.169.914.123)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		23.301.438.792	38.889.549.619
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		764.865.803	(346.487.783)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(145.191.338)	1.583.773.028
40	Giảm các tài sản khác		1.975.978.021	5.232.768.159
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.708.948.534	(2.488.440.052)
42	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		6.783.102.590	(14.282.591.639)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(44.244.799.548)	(58.961.762.280)
44	Lãi vay đã trả		(152.942.410.349)	(141.008.573.907)
45	Tăng/(giảm) phải trả người bán		7.237.816.638	(2.165.870.276)
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(110.000.000)	110.000.000
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		3.382.098.444	2.526.798.536
48	Giảm phải trả người lao động		1.239.807.708	14.808.052.501
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		19.776.010.625	19.831.035.877
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(787.969.422.206)	(437.458.485.993)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(43.605.833.280)	(29.555.426.884)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	6.340.909
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		95.151.605.640	46.744.489.637
70	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		51.545.772.360	17.195.403.662
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc	14	8.744.925.639.156	17.768.578.668.255
73.2	Tiền vay khác		8.744.925.639.156	17.768.578.668.255
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(7.789.990.179.858)	(17.347.367.750.000)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(7.789.990.179.858)	(17.347.367.750.000)
76	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(66.313.321.245)	(66.521.686.666)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		888.622.138.053	354.689.231.589
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		152.198.488.207	(65.573.850.742)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	239.358.475.714	304.932.326.456
101.1	Tiền		239.358.475.714	304.932.326.456
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	391.556.963.921	239.358.475.714
103.1	Tiền		391.556.963.921	239.358.475.714



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTCK

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

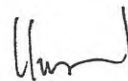
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		50.713.359.371.858	45.544.268.643.211
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(49.929.953.927.531)	(44.089.287.415.311)
08	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		58.273.932.068.996	52.269.203.919.934
11	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(58.541.218.116.901)	(53.971.426.203.732)
	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.653.539.157)	(5.020.071.928)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		510.465.857.265	(252.261.127.826)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	22.9	590.209.935.611	842.471.063.437
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		590.209.935.611	842.471.063.437
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		410.839.622.231	524.499.904.061
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		12.074.700.965	147.335.033.636
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		167.295.612.415	170.636.125.740
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	22.9	1.100.675.792.876	590.209.935.611
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		1.100.675.792.876	590.209.935.611
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		823.595.852.322	410.839.622.231
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		140.310.897.348	12.074.700.965
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		136.769.043.206	167.295.612.415

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2026

Người lập:



Người kiểm soát:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

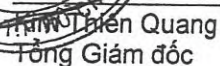
Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:





Người phê duyệt:


Nguyễn Văn Quang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

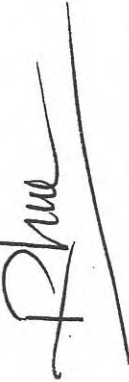
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2024 VND	Ngày 01/01/2025 VND	Năm trước	Năm nay	Ngày 31/12/2024 VND	Ngày 31/12/2025 VND
			Tăng VND	Tăng VND	Giảm VND	
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	-	-	-	2.200.000.000.000
- Vốn pháp định	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	1.950.000.000.000	1.950.000.000.000	-	-	-	1.950.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	40.646.058.094	40.646.058.094	-	-	-	40.646.058.094
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	40.646.058.096	40.646.058.096	-	-	-	40.646.058.096
4. Lợi nhuận chưa phân phối	815.492.482.106	225.139.563.361	(70.616.848.877)	194.959.044.996	(82.206.132.338)	1.082.768.109.248
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	811.397.319.895	209.246.752.268	(66.521.686.666)	177.396.086.073	(66.313.321.245)	1.065.205.150.325
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	4.095.162.211	15.892.811.093	(4.095.162.211)	17.562.958.923	(15.892.811.093)	17.562.958.923
TỔNG CỘNG	3.096.784.598.296	3.251.307.312.780	(70.616.848.877)	194.959.044.996	(82.206.132.338)	3.364.060.225.438

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



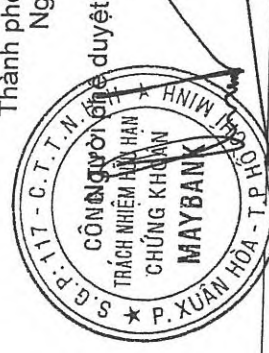
Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2026



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014, giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 62/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2025, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305367563 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 9 năm 2025.

Công ty có trụ sở chính đặt tại VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 252 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 234 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.200.000.000.000 VND và tổng tài sản là 6.812.860.503.252 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán có kỳ hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

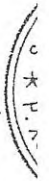
Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

3.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với trái phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được đánh giá lại theo mệnh giá cộng với lãi lũy kế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.14 Các khoản vay

Các khoản vay được trình bày theo số dư gốc và giá trị phân bổ của các hợp đồng hoán đổi tiền tệ cho mục đích phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Chi phí ban đầu liên quan đến phát hành chứng quyền như xin cấp giấy chứng nhận chào bán, thực hiện phân phối chứng quyền trên thị trường sơ cấp, niêm yết, lưu ký chứng quyền được ghi vào khoản mục "*Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*" trên báo cáo kết quả hoạt động. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*" hoặc "*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "*Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL*" (chi tiết Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "*Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL*" (chi tiết Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Chứng quyền mua có bảo đảm (tiếp theo)

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

3.17 Lợi ích của nhân viên

3.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.17.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.17.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm lãi/(lỗ) từ đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL, lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính và thu nhập từ cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.20 Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng bao gồm: chi phí hoạt động; chi phí tài chính; chi phí quản lý; và chi phí khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



3.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định của Chủ sở hữu.

3.24 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	391.556.963.921	239.358.475.714
- Tiền mặt tại quỹ	31.258.742	39.561.417
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	250.400.300.596	128.163.726.342
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	141.125.404.583	111.155.187.955
	391.556.963.921	239.358.475.714

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	13.871.786	531.140.759.000	935.874	37.410.269.100
- Trái phiếu	47.198.250	11.322.198.925.833	16.381.190	3.810.062.023.100
- Chứng quyền	119.490.200	109.811.931.000	-	-
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	4.291.097.469	100.748.127.578.164	4.013.454.484	89.405.704.093.674
- Trái phiếu	181.470	21.668.689.533	11.736	1.757.117.558
- Chứng quyền	29.694.982	81.121.123.230	32.074.424	77.776.725.290
	4.501.534.157	112.814.069.006.760	4.062.857.708	93.332.710.228.722

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi và lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu niêm yết	-	-	19.720.000.000	19.720.000.000
- TCB	-	-	19.720.000.000	19.720.000.000
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	162.454.004.719	163.422.200.000	-	-
- FPT	14.164.422.788	14.293.360.000	-	-
- HPG	26.986.607.554	26.452.800.000	-	-
- MWG	17.615.829.005	18.422.560.000	-	-
- STB	47.959.756.692	48.580.800.000	-	-
- VPB	55.727.388.680	55.672.680.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	23.165.140.000	23.148.120.000	154.918.500.000	155.952.000.000
- VHM121025	23.165.140.000	23.148.120.000	-	-
- VPI124001	-	-	103.757.000.000	105.000.000.000
- MSN123009	-	-	51.161.500.000	50.952.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng (*)	124.800.000.000	124.800.000.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết (**)	466.214.001.677	481.599.895.890	603.502.358.900	617.758.378.082
- VHM12501	466.214.001.677	481.599.895.890	-	-
- VHM12403	-	-	374.149.830.000	384.493.150.685
- VHM12404	-	-	89.529.657.300	91.982.465.753
- BCM12406	-	-	139.822.871.600	141.282.761.644
	776.633.146.396	792.970.215.890	778.140.858.900	793.430.378.082

(*) Tại 31 tháng 12 năm 2025, đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng được sử dụng làm tài sản đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền của công ty phát hành.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu chưa niêm yết có kỳ hạn 42 tháng, lãi suất 11%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Cho vay ký quỹ	5.281.448.578.319	(7.129.754.677)	5.274.318.823.642	4.487.393.794.573
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	148.035.462.158	-	148.035.462.158	29.214.898.520
	5.429.484.040.477	(7.129.754.677)	5.422.354.285.800	4.516.608.693.093
				4.509.478.938.416

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)				
1. Cổ phiếu niêm yết				
TCB	-	-	19.720.000.000	-
	-	-	19.720.000.000	-
2. Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền				
FPT	14.164.422.788	128.937.212	14.293.360.000	-
HPG	26.986.607.554	-	26.452.800.000	-
MWG	17.615.829.005	(533.807.554)	18.422.560.000	-
STB	47.959.756.692	806.730.995	48.580.800.000	-
VPB	55.727.388.680	621.043.308	55.672.680.000	-
	162.454.004.719	(54.708.680)	163.422.200.000	-
3. Trái phiếu niêm yết				
VHM121025	23.165.140.000	(17.020.000)	23.148.120.000	-
VPI124001	-	-	-	-
MSN123009	-	-	-	-
	23.165.140.000	(17.020.000)	23.148.120.000	-
4. Tiền gửi có kỳ hạn				
	124.800.000.000	-	124.800.000.000	-
5. Trái phiếu chưa niêm yết				
VHM12501	466.214.001.677	15.385.894.213	481.599.895.890	-
VHM12403	-	-	-	-
VHM12404	-	-	-	-
BCM12406	-	-	-	-
	466.214.001.677	15.385.894.213	481.599.895.890	-
			603.502.358.900	-
			14.256.019.182	-
			105.000.000.000	-
			(209.500.000)	-
			155.952.000.000	-
			384.493.150.685	-
			2.452.808.453	-
			1.459.890.044	-
			141.282.761.644	-
			617.758.378.082	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.4 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.129.754.677	7.129.754.677
Số cuối năm	7.129.754.677	7.129.754.677

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	48.204.416.671	37.436.833.792
- Dự thu lãi cho vay ký quỹ	42.383.276.379	37.408.436.860
- Dự thu lãi trái tức và tiền gửi có kỳ hạn	5.505.863.015	-
- Dự thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	315.277.277	28.396.932
Trả trước cho người bán	2.357.860.876	2.197.504.365
Phải thu bán các tài sản tài chính	14.135.395.000	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.653.432.622	3.418.298.425
- Phải thu phí môi giới	1.855.353.761	1.040.155.083
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	798.078.861	704.383.342
- Phải thu phí tư vấn	-	1.673.760.000
Các khoản phải thu khác	-	15.165.173
- Các bên liên quan	-	13.522.173
- Các bên khác	-	1.643.000
	67.351.105.169	43.067.801.755

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	81.432.892.508	3.921.390.700	1.012.893.058	86.367.176.266
Mua trong năm	6.052.246.070	-	-	6.052.246.070
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(150.344.040)	(150.344.040)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	87.485.138.578	3.921.390.700	862.549.018	92.269.078.296
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	52.877.655.914	1.396.823.031	484.323.298	54.758.802.243
Khấu hao trong năm	8.807.882.391	653.565.117	178.127.205	9.639.574.713
Thanh lý trong năm	-	-	(117.769.498)	(117.769.498)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	61.685.538.305	2.050.388.148	544.681.005	64.280.607.458
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	28.555.236.594	2.524.567.669	528.569.760	31.608.374.023
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.799.600.273	1.871.002.552	317.868.013	27.988.470.838

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 40.453.852.270 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 38.947.123.270 đồng).



11/01/2025

11/01/2025

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học</i> VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	44.186.078.942
Mua mới trong năm	144.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	153.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>44.483.078.942</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	30.245.643.448
Hao mòn trong năm	3.523.315.355
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>33.768.958.803</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	<u>13.940.435.494</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>10.714.120.139</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 29.451.083.709 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25.044.610.709 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Chi phí phát triển phần mềm	<u>37.120.777.330</u>	<u>764.562.400</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số đầu năm	764.562.400	1.492.112.600
Tăng trong năm	37.409.587.210	15.681.473.029
Giảm trong năm	(1.053.372.280)	(16.409.023.229)
Số cuối năm	<u>37.120.777.330</u>	<u>764.562.400</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	13.069.824.992	15.906.024.295
- Chi phí thông tin	5.701.291.859	5.319.449.076
- Chi phí bảo trì và gia hạn bản quyền phần mềm hệ thống	3.792.674.393	3.409.076.058
- Trả trước tiền thuê văn phòng	506.840.000	5.761.272.204
- Chi phí vật dụng văn phòng	137.617.686	230.298.010
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.931.401.054	1.185.928.947
Chi phí trả trước dài hạn	13.215.336.584	17.162.239.871
- Bảo trì hệ thống	8.327.377.569	10.419.980.882
- Chi phí cải tạo văn phòng	2.916.684.928	4.467.618.044
- Chi phí vật dụng văn phòng	1.929.007.206	2.250.198.945
- Chi phí trả trước dài hạn khác	42.266.881	24.442.000
	26.285.161.576	33.068.264.166

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	427.785.279	712.975.467
- Chi phí lãi vay vượt quá 30% theo Nghị định 132	-	1.294.978.830
	427.785.279	2.007.954.297

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do:

- Khác biệt giữa tỷ lệ trích lập dự phòng cho các khoản cho vay theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về trích lập và xử lý các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp.
- Chi phí lãi vay vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong năm cộng chi phí khấu hao phát sinh trong năm của người nộp thuế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết vào ngày 05 tháng 11 năm 2020. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.



15/01/2026 15:00:15

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN VÀ QUỸ BÙ TRỪ

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Quỹ bù trừ

Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng kỳ.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Quỹ hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp bổ sung	19.875.959.638	19.875.959.638
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền lãi phân bổ	4.040.362	4.040.362
	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ bù trừ		
- Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền lãi phân bổ	120.624.302	100.415.639
	10.120.624.302	10.100.415.639
	30.120.624.302	30.100.415.639

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Maybank IBG Holdings Limited (*)	2.355.705.740.702	6.426.925.639.156	(6.425.990.179.858)	2.356.641.200.000
Ngân hàng Keb Hana - Chi nhánh Hà Nội (**)	-	454.000.000.000	-	454.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina (***)	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (**)	-	870.000.000.000	(470.000.000.000)	400.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (***)	-	894.000.000.000	(894.000.000.000)	-
	2.355.705.740.702	8.744.925.639.156	(7.789.990.179.858)	3.310.641.200.000

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn bằng ngoại tệ từ tổ chức nước ngoài với mức lãi suất từ 5,34% - 6,10%/năm. Công ty đã phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái cho toàn bộ dư nợ của khoản vay này bằng các hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng.

(**) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng trong nước với mức lãi suất từ 4,92% - 7,80%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải trả chứng quyền đang lưu hành (*)	21.569.699.000	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho công ty chứng khoán	19.016.254.000	19.720.000.000
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam	1.580.214	1.127.620
	40.587.533.214	19.721.127.620

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

	Số cuối năm		Đơn vị tính: Chứng quyền Số đầu năm	
	Số lượng chứng quyền được phép lưu hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền được phép lưu hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành
FPT/0125/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	2.553.800	-	-
FPT/0225/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	309.500	-	-
HPG/0125/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	5.433.900	-	-
HPG/0225/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	914.800	-	-
MWG/0125/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	1.377.300	-	-
MWG/0225/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	405.900	-	-
STB/0125/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	4.591.300	-	-
STB/0225/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	274.000	-	-
VPB/0125/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	9.686.300	-	-
VPB/0225/C/EU/Cash/MSVN	10.000.000	921.900	-	-
	100.000.000	26.468.700	-	-

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí thương mại	1.689.127.182	-
- Cho các bên liên quan	1.689.127.182	-
Phải trả phí hoa hồng môi giới	1.774.294.450	1.915.548.185
- Cho các bên liên quan	1.356.009.195	1.535.730.211
- Các bên khác	418.285.255	379.817.974
Phải trả khác	5.689.943.191	-
	9.153.364.823	1.915.548.185

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả trước liên quan đến hoạt động tư vấn	-	1.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.358.704.303	92.574.900.891	(87.442.980.674)	18.490.624.520
- Cửa Công ty	10.586.858.091	48.133.716.896	(44.244.799.548)	14.475.775.439
- Cửa nhà đầu tư tổ chức	2.771.846.212	44.441.183.995	(43.198.181.126)	4.014.849.081
Thuế giá trị gia tăng	269.281.009	1.529.435.734	(1.733.835.170)	64.881.573
Thuế thu nhập cá nhân	5.792.956.032	120.315.027.639	(117.480.401.788)	8.627.581.883
- Cửa nhân viên Công ty	1.508.940.237	38.444.813.933	(38.243.610.525)	1.710.143.645
- Cửa nhà đầu tư cá nhân	4.284.015.795	81.870.213.706	(79.236.791.263)	6.917.438.238
Thuế nhà thầu	2.511.033.585	12.187.452.897	(11.229.815.329)	3.468.671.153
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	21.931.974.929	226.614.817.161	(217.895.032.961)	30.651.759.129

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Lãi vay phải trả	4.709.498.473	363.367.641
Chi phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	4.614.218.122	3.038.141.699
Chi phí hoạt động trích trước	3.786.183.587	3.733.527.214
Phí dịch vụ chuyên môn	983.960.884	839.808.849
Quỹ Trade & Give - Stay Strong Saigon	562.244.051	646.348.851
Chi phí lưu ký	469.427.866	449.259.363
Chi phí hoán đổi	239.974.615	257.113.890
	<u>15.365.507.598</u>	<u>9.327.567.507</u>

20. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	<u>124.778.586</u>	<u>256.179.196</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	2.200.000.000.000	40.646.058.094	40.646.058.096	970.015.196.590	3.251.307.312.780
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	179.066.233.903	179.066.233.903
- Chia lợi nhuận về công ty mẹ (*)	-	-	-	(66.313.321.245)	(66.313.321.245)
Số cuối năm	2.200.000.000.000	40.646.058.094	40.646.058.096	1.082.768.109.248	3.364.060.225.438

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ theo Quyết định của Hội đồng thành viên số 1108-2/25/QĐ-HĐTV ngày 11 tháng 8 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.129.643.180.000	10.733.057.230.000
- Cổ phiếu	11.129.643.180.000	10.730.429.530.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	2.627.700.000
Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	3.943.120.000	13.870.920.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	275.998.980.000	229.998.980.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	72.245.830.000	4.156.170.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	34.504.790.000	91.053.990.000
	11.516.335.900.000	11.072.137.290.000

22.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.206.931.380.000	3.324.458.960.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	28.115.780.000	94.872.050.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	179.208.360.000	65.869.360.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	1.466.900.000	75.688.660.000
	3.415.722.420.000	3.560.889.030.000

22.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	82.309.580.000	103.534.730.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

22.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	823.595.852.322	410.839.622.231
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	813.571.385.151	384.817.575.243
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	10.024.467.171	26.022.046.988
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	140.310.897.348	12.074.700.965
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	139.878.827.211	11.942.303.518
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	432.070.137	132.397.447
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	136.769.043.206	167.295.612.415
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	135.923.265.129	167.291.882.242
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	845.778.077	3.730.173
	1.100.675.792.876	590.209.935.611

22.10 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.100.675.792.876	590.209.935.611
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	1.089.375.057.705	564.052.888.623
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	11.300.735.171	26.157.046.988
	1.100.675.792.876	590.209.935.611

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

23.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.929.895.644	4.490.515.000
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(68.905.427.181)	(16.839.580.940)
	(38.975.531.537)	(12.349.065.940)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	260.012.466.760	216.784.317.711
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.653.539.157	5.020.071.928
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.909.090.909	7.554.131.885
Doanh thu khác	12.331.991.135	21.610.973.833
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	12.324.501.162	9.238.126.093
- Từ đại lý phát hành chứng khoán	7.489.973	12.372.847.740
	280.907.087.961	250.969.495.357

24. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỶN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	143.782.603.324	140.707.881.548
Phí hợp đồng hoán đổi tiền tệ	13.488.798.582	730.665.783
	157.271.401.906	141.438.547.331

25. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	96.372.950.044	87.974.706.938
Chi phí môi giới giao dịch chứng khoán	52.045.852.312	42.058.549.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.164.469.182	33.449.228.523
Chi phí hoa hồng	21.928.918.822	19.891.526.272
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	4.143.184.649	4.033.354.549
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.476.840.681	1.855.077.464
Chi phí công cụ, dụng cụ	750.072.182	1.008.582.217
Chi phí văn phòng phẩm	85.643.213	69.485.614
	214.967.931.085	190.340.511.368

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	5.196.251.484	5.062.662.244
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.236.416.821	24.923.913.525
	6.432.668.305	29.986.575.769

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	228.648.719.207	272.213.645.025
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	45.729.743.841	54.442.729.005
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ	1.016.383.607	281.488.963
- Quyết toán thuế TNDN những năm trước	2.142.751.981	224.240.416
- Khác	-	1.294.978.830
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(755.162.533)	(3.992.283.311)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	48.133.716.896	52.251.153.903

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	712.975.467	427.785.279	(285.190.188)	(285.190.188)
Khác	1.294.978.830	-	(1.294.978.830)	1.294.978.830
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	256.179.196	124.778.586	(131.400.610)	(72.121.386)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.751.775.101	303.006.693		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động			(1.448.768.408)	1.081.910.028

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Trả gốc vay Lãi vay đã trả Chuyển lợi nhuận	6.426.925.639.156 6.425.990.179.858 120.009.152.750 66.313.321.245	17.767.974.528.957 17.347.367.750.000 139.876.172.930 66.521.686.666
Maybank Securities Pte. Ltd.	Thành viên cùng tập đoàn	Phí hoa hồng Phí thông tin Phí bảo trì hệ thống Thu phí môi giới	21.883.456.660 6.132.234.581 287.828.662 280.222.609	19.761.879.770 7.078.316.684 310.732.858 208.585.467
Maybank Securities (Thailand) Public Company Limited	Thành viên cùng tập đoàn	Thu phí môi giới	171.478.386	428.985.778
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Thành viên cùng tập đoàn	Thu lãi tiền gửi Phí ngân hàng	8.754.089 134.241.965	1.875.403 107.104.371

MINH * H * H *

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Thành viên cùng tập đoàn	Phí giao dịch ngoại tệ Doanh thu ngoại tệ Phí ngân hàng	2.375.214.615 - 6.096.090	174.770.000 6.737.846.564 -
Maybank Research Pte. Ltd.	Thành viên cùng tập đoàn	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	12.324.501.162 2.070.932.102	9.238.126.093 1.626.111.000
Malayan Investment Bank Berhad	Thành viên cùng tập đoàn	Phí thông tin	-	(525.761.588)
MIB Securities (Hong Kong) Ltd.	Thành viên cùng tập đoàn	Phí bảo hiểm CCPI	1.687.729.674	1.533.074.379
MIB Finance (Hong Kong) Limited	Thành viên cùng tập đoàn	Phí hoa hồng	45.462.162	129.646.502
Maybank Shared Services Sdn Bhd	Thành viên cùng tập đoàn	Phí quản lý tài sản đảm bảo	727.272.727	415.454.545
Maybank international Labuan Branch	Thành viên cùng tập đoàn	Chi phí bảo mật hệ thống	15.003.726.129	3.382.180.943
Malayan Banking Berhad	Đơn vị chủ quản cao nhất	Phí hoa hồng SBLC	428.196.233	-
Ban Tổng Giám đốc		Chi phí dịch vụ kiểm toán nội bộ Phí bảo hiểm BCPI Phí tư vấn Phí đào tạo	336.259.191 1.402.273.600 1.276.590.488 2.027.000	606.097.507 750.704.067 -
		Thu nhập	23.987.273.548	19.278.551.232

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Lãi vay phải trả	(2.356.641.200.000)	(2.355.705.740.702) (363.367.641)
Maybank Securities Pte. Ltd.	Thành viên cùng tập đoàn	Phí hoa hồng phải trả	(1.355.662.867)	(1.507.929.659)
Malayan Banking Berhad	Đơn vị chủ quản cao nhất	Phải trả phí dịch vụ kiểm toán nội bộ Phải trả hoàn phí GHC	(412.536.694) (1.276.590.488)	-
Maybank Securities (London)	Thành viên cùng tập đoàn	Phí hoa hồng phải trả Phải thu khác	-	(27.800.552) 13.522.173
MIB Securities (Hong Kong) Ltd.	Bên liên quan	Phải trả phí hoa hồng	(346.328)	-

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Đến 1 năm	29.055.906.513	27.738.037.428
Từ 1 - 5 năm	11.028.004.356	38.764.103.889
	40.083.910.869	66.502.141.317

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản vay của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản cho vay và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty có kỳ hạn ngắn và chịu lãi suất cố định.

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty theo dõi trạng thái của các loại ngoại tệ hàng ngày và các chiến lược phòng ngừa rủi ro được áp dụng để đảm bảo trạng thái các loại ngoại tệ được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

29.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
Tiền	391.525.705.179	-	-	-	-	391.525.705.179
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	792.970.215.890	-	-	-	-	792.970.215.890
Các khoản cho vay	5.422.354.285.800	-	-	-	-	5.422.354.285.800
Tài sản tài chính khác	101.063.861.603	-	-	-	-	101.063.861.603
	6.707.914.068.472	-	-	-	7.129.754.677	6.715.043.823.149

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong T Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 853%.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Nguyễn Võ Văn Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

